

LỜI CẢM ƠN

Với một sinh viên năm cuối, việc hoàn thành khóa luận tốt nghiệp là bước cuối cùng để em hoàn thành chương trình học của mình tại trường Đại học. Đối với em đó còn là cơ hội để thể hiện những kiến thức mà mình đã tiếp thu được trong suốt quá trình học tập.

Trong suốt thời gian hoàn thành khóa luận, em đã nhận được sự giúp đỡ, chỉ bảo, hướng dẫn rất nhiệt tình từ các thầy cô, bạn bè. Lời cảm ơn sâu sắc nhất em xin gửi tới Thạc sỹ Phạm Hoàng Điệp, người đã động viên, hướng dẫn và giúp đỡ em rất nhiều trong suốt quá trình làm thực hiện bài khóa luận tốt nghiệp.

Em xin chân thành cảm ơn quý thầy cô trong khoa Văn hóa Du lịch, trường Đại học dân lập Hải Phòng đã truyền đạt cho em nhiều kiến thức quý báu trong 4 năm học qua.

Em gửi lời cảm ơn đến tất cả bạn bè đã động viên và khuyến khích em trong quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp của mình.

Cám ơn nhà trường đã tạo điều kiện tốt nhất về thời gian, cung cấp tài liệu và giấy giới thiệu để em có thể hoàn thành tốt bài Khóa luận của mình.

Trong suốt quá trình thực hiện đề tài *“Thực trạng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác một số ngôi chùa cổ tiêu biểu của Hải Phòng phục vụ phát triển du lịch”* bản thân em cũng đã cố gắng nỗ lực hoàn thành tốt nhất bài khóa luận của mình, tuy nhiên do khả năng nghiên cứu và thời gian còn hạn chế nên bài khóa luận chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến và thông cảm từ các thầy cô.

Em xin trân trọng cảm ơn!

Sinh viên

Đặng Thị Thu Trang

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	1
MỞ ĐẦU	5
1. Lý do chọn đề tài	5
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề	6
3. Mục đích, ý nghĩa của đề tài	7
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề tài	8
5. Phương pháp nghiên cứu	9
6. Bố cục đề tài	10
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ PHẬT GIÁO Ở HẢI PHÒNG	11
1.1. Quá trình du nhập và phát triển của Phật giáo ở Hải Phòng	11
1.1.1. Thời kỳ trước công nguyên và Bắc thuộc (TK II _{TCN} - 938)	12
1.1.2. Thời kỳ phong kiến (938 - 1945)	19
1.1.3. Thời hiện đại (1945 - nay)	28
1.2. Đặc điểm Phật giáo ở Hải Phòng	33
1.2.1. Các tông phái Phật giáo Hải Phòng	33
1.2.2. Đặc điểm kiến trúc Phật giáo ở Hải Phòng	38
Tiểu kết chương 1	42
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KHAI THÁC MỘT SỐ NGÔI CHÙA CỔ TIÊU BIỂU Ở HẢI PHÒNG	44
2.1. Các ngôi chùa cổ tiêu biểu ở Hải Phòng	44
2.1.1. Chùa Hàng – Sơn môn của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử	44
2.1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển	44
2.1.1.2. Giá trị kiến trúc - nghệ thuật	45
2.1.1.3. Giá trị lịch sử - tâm linh	47

2.1.2. Chùa Vẽ - Công trình lưu niệm về chiến thắng Bạch Đằng lịch sử lần 3	48
2.1.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển	48
2.1.2.2. Giá trị kiến trúc - nghệ thuật	49
2.1.2.3. Giá trị lịch sử - tâm linh	55
2.1.3. Chùa Trà Phương - Dấu ấn lịch sử thời nhà Mạc	57
2.1.3.1. Lịch sử hình thành và phát triển	57
2.1.3.2. Giá trị kiến trúc - nghệ thuật	58
2.1.3.3. Giá trị lịch sử - tâm linh	61
2.2. Thực trạng khai thác các ngôi chùa cổ hiện nay	62
2.2.1. Thực trạng khai thác tại Chùa Hàng	62
2.2.1.1. Hiện trạng tài nguyên	62
2.2.2.2. Thực trạng khai thác trong đời sống và trong du lịch	63
2.2.2. Thực trạng khai thác tại Chùa Vẽ	64
2.2.1.1. Hiện trạng tài nguyên	64
2.2.2.2. Thực trạng khai thác trong đời sống và trong du lịch	65
2.2.3. Thực trạng khai thác tại Chùa Trà Phương	66
2.2.1.1. Hiện trạng tài nguyên	66
2.2.2.2. Thực trạng khai thác trong đời sống và trong du lịch	69
Tiểu kết chương 2	70
CHƯƠNG 3. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO GIÁ TRỊ KHAI THÁC CÁC NGÔI CHÙA CỔ Ở HẢI PHÒNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH	71
3.1. Giải pháp bảo tồn, trùng tu, tôn tạo	71
3.1.1. Định hướng bảo tồn phục vụ phát triển du lịch	71
3.1.2. Biện pháp bảo tồn	73

3.1.2.1. Hoạt động bảo tồn di tích chùa	73
3.1.2.2. Hoạt động phát huy giá trị di tích chùa	74
3.1.2.3. Hoạt động phát huy vai trò của cộng đồng	76
3.1.2.4. Tổ chức bộ máy quản lý tại chùa	76
3.2. Khai thác các giá trị Phật giáo phục vụ phát triển du lịch	77
3.2.1. Khai thác trong các lễ hội Phật giáo	77
3.2.2. Khai thác ẩm thực chay	79
3.3. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch	81
3.3.1. Xây dựng tour du lịch chuyên đề	81
3.3.2. Kết hợp với các loại hình du lịch khác	85
Tiểu kết chương 3	86
KẾT LUẬN	88
TÀI LIỆU THAM KHẢO	89
PHỤ LỤC	91

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Du lịch trong những năm gần đây đã có những bước phát triển mạnh mẽ và trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp 5% ngân sách cho nền kinh tế quốc dân. Du lịch còn tạo việc làm cho hàng vạn lao động trực tiếp và hàng triệu lao động gián tiếp trong xã hội. Là một ngành kinh tế tổng hợp, du lịch còn thúc đẩy các ngành kinh tế khác cùng phát triển, góp phần vào sự phát triển chung của đất nước.

Trong các loại hình du lịch, ngày nay du khách ngày càng quan tâm nhiều hơn đến loại hình du lịch tâm linh, du lịch tôn giáo. Trong đó Phật giáo – loại hình tôn giáo có ảnh hưởng sâu rộng nhất tại Việt Nam với gần 10 triệu tín đồ và 14.775 ngôi chùa, chiếm 36% tổng số di tích Việt Nam là tôn giáo có sức hấp dẫn nhiều nhất đối với khách du lịch. Chùa không chỉ là nơi các nhà sư tu hành, các tín đồ đến làm lễ mà còn là nơi sinh hoạt của làng xã qua nhiều đời, từ xa xưa một số chùa còn thu hút cả khách thập phương từ những miền xa đến tham quan, chiêm bái.

Hải Phòng được xem là một trong những trung tâm Phật giáo xứ Đông - không chỉ là nơi đầu tiên chứng kiến sự du nhập của Phật giáo vào Việt Nam mà còn là một trong những địa bàn gốc của dòng Thiền Trúc Lâm - một Thiền phái đậm đà tính dân tộc của Phật giáo Việt Nam. Theo Thành hội Phật giáo Hải Phòng, tổng số tự viện trong toàn thành phố hiện nay là 539 ngôi, trong đó có rất nhiều ngôi chùa nổi tiếng, có lịch sử hàng ngàn năm. Các ngôi chùa cổ chứa đựng những giá trị vô giá về văn hóa, nghệ thuật, lịch sử và tâm linh này chính là một nguồn tài

nguyên du lịch độc đáo, đầy tiềm năng góp phần vào sự phát triển chung của du lịch thành phố.

Tuy nhiên, việc khai thác nguồn tài nguyên này để phục vụ cho du lịch chưa được đầu tư đúng mức hoặc còn đơn lẻ, chưa có sự kết nối cũng như quản lý hiệu quả. Chính vì vậy, việc tìm hiểu giá trị của các ngôi chùa, đặc biệt là các ngôi chùa cổ trên địa bàn thành phố để phục vụ phát triển du lịch là một việc làm thiết thực, không chỉ góp phần đem lại nguồn thu cho ngành du lịch mà còn đóng góp vào việc bảo tồn, giới thiệu giá trị vô giá của các ngôi chùa Hải Phòng đến với du khách trong nước và quốc tế.

Xuất phát từ những lý do trên, người viết đã lựa chọn đề tài *“Thực trạng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác một số ngôi chùa cổ tiêu biểu của Hải Phòng phục vụ phát triển du lịch”* cho bài khóa luận tốt nghiệp của mình nhằm đem lại một cái nhìn cụ thể và chính xác về giá trị của những ngôi chùa cổ của Hải Phòng, thực trạng khai thác cũng như đề xuất một số giải pháp nâng cao giá trị của các ngôi chùa cổ tiêu biểu này để phục vụ phát triển du lịch.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Các ngôi chùa của cả nước nói chung và các chùa của Hải Phòng nói riêng được khá nhiều học giả dày công nghiên cứu. Viết về Phật giáo Việt Nam nói chung và kiến trúc chùa Việt Nam nói riêng có một số tác phẩm và tác giả tiêu biểu như:

1. “Những ngôi chùa nổi tiếng Việt Nam”, tác giả Võ Văn Tường, NXB Thông tin Hà Nội, 1995. Trong cuốn sách này tác giả chủ yếu nêu về lịch sử hình thành cũng như những nét độc đáo trong kiến trúc của một số ngôi chùa nổi tiếng trên đất nước ta như chùa Dâu, chùa Phật Tích, chùa Dạm, chùa Mía, chùa Trấn Quốc...

2. “Việt Nam Phật giáo sử lược” của tác giả Thích Mật Thể: lược thuật lại một cách khá chi tiết quá trình Phật giáo du nhập, truyền bá và phát triển ở Việt Nam.

3. “Kiến trúc Phật giáo Việt Nam”, tác giả Nguyễn Bá Lăng, Vạn Hạnh XB, 1972. Trong tác phẩm này, tác giả đề cập đến một số loại hình kiến trúc tiêu biểu của Phật giáo như chùa, am, tháp và những đặc điểm của các loại hình kiến trúc đó.

4. “Chùa Việt Nam”, do Viện khoa học Xã hội Việt Nam biên soạn và xuất bản vào năm 1993 cũng là một cuốn sách cung cấp những thông tin cơ bản về khoảng 100 ngôi chùa nổi tiếng ở Việt Nam.

Ngoài ra cũng có thể kể đến một số sách có sự tham gia đóng góp của các học giả người nước ngoài trong việc đưa ra một số bản vẽ mặt cắt, mặt bằng các kiểu kiến trúc chùa, những bức ảnh nghệ thuật đẹp về các ngôi chùa, tiêu biểu là học giả Louis Bezacier. Những tư liệu quý giá này của ông đã được nhóm tác giả Hà Văn Tấn - Nguyễn Văn Kự - Phạm Ngọc Long đưa vào trong cuốn sách: “Chùa Việt Nam” do nhà xuất bản Thế Giới phát hành năm 2009.

Riêng về Hải Phòng, hiện nay chưa có một công trình nào tập trung viết riêng về các ngôi chùa trên địa bàn thành phố. Mặc dù vậy, chúng ta cũng có thể tìm hiểu thông tin về một số ngôi chùa tiêu biểu của Hải Phòng trong cuốn “Du lịch văn hóa Hải Phòng” của tác giả Trần Phương do NXB Hải Phòng xuất bản năm 2006; hoặc tại một số website của thành phố như Haiphong.gov.vn, website của Sở văn hóa thể thao và du lịch Hải Phòng...

Nhìn chung những tài liệu này đều đã cố gắng cung cấp cho người đọc những kiến thức tổng quan nhất về các ngôi chùa tiêu biểu của thành phố như lịch sử hình thành, nét độc đáo về kiến trúc, địa điểm tọa lạc... song bên cạnh đó cũng còn một số hạn chế như: Chưa làm nổi bật được đặc trưng của những ngôi chùa này so với các ngôi chùa khác cũng như ý nghĩa của các ngôi chùa đó đối với đời sống của cư dân Hải Phòng; vẫn còn dừng lại ở việc giới thiệu một cách đơn giản và đơn

lẽ, chưa tiến tới việc kết nối các ngôi chùa đó với lịch sử phát triển của thành phố để có thể đem lại cái nhìn tổng quan và hệ thống hơn. Đặc biệt dưới góc độ làm du lịch, cho đến nay có thể nói chưa có công trình nào kết nối được các ngôi chùa này lại thành một tour du lịch hoàn chỉnh, tạo thành những sản phẩm du lịch tâm linh độc đáo cho thành phố Hải Phòng.

3. Mục đích, ý nghĩa của đề tài

3.1. Mục đích của đề tài

Mục đích của đề tài là tìm hiểu giá trị đặc sắc của một số ngôi chùa cổ tiêu biểu ở Hải Phòng; thực trạng khai thác các ngôi chùa này trong đời sống và trong hoạt động du lịch hiện nay từ đó đề xuất một số định hướng và giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả khai thác những ngôi chùa cổ đó để phục vụ phát triển du lịch của thành phố.

3.2. Ý nghĩa của đề tài

Trước hết, đề tài nhằm đi sâu, làm rõ giá trị của một số ngôi chùa cổ tiêu biểu của Hải Phòng trên một số phương diện như: vị trí của các ngôi chùa trong dòng chảy lịch sử của Phật giáo Việt Nam nói chung và lịch sử Phật giáo Hải Phòng nói riêng; Ý nghĩa sự hiện diện của các ngôi chùa này trong đời sống tâm linh và tâm thức của người Hải Phòng; Những nét khác biệt và độc đáo về mặt kiến trúc, nghệ thuật so với kiến trúc chùa Phật nói chung của nước ta...

Đóng góp lớn nhất của đề tài là tiến tới xem xét các ngôi chùa cổ tiêu biểu của Hải Phòng dưới tư cách là một sản phẩm du lịch cụ thể, trên cơ sở đánh giá thực trạng khai thác hiện nay nhằm tìm ra những bất cập và hạn chế, từ đó đề xuất những định hướng đúng đắn cho việc phát triển du lịch của địa phương trong thời gian tới, tạo nên các tour du lịch hấp dẫn cho du khách.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề tài

Theo thống kê của Thành hội Phật giáo Hải Phòng, tổng số tự viện trong toàn thành phố là 539 ngôi, trong đó có rất nhiều ngôi chùa nổi tiếng có lịch sử

hàng ngàn năm. Tuy nhiên trong phạm vi hạn hẹp của đề tài nghiên cứu, người viết chỉ tập trung giới thiệu giá trị của 3 ngôi chùa cổ tiêu biểu đó là chùa Hàng, chùa Vẽ và chùa Trà Phương. Người viết lựa chọn những ngôi chùa này không chỉ vì giá trị lịch sử hàng nghìn năm mà còn bởi mỗi ngôi chùa lại mang trong mình những giá trị độc đáo, riêng biệt không thể trộn lẫn:

Chùa Hàng – sơn môn của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử

Chùa Vẽ - công trình lưu niệm về chiến thắng Bạch Đằng lịch sử lần thứ 3

Chùa Trà Phương - dấu ấn lịch sử thời nhà Mạc

Về mặt thời gian nghiên cứu, do mỗi ngôi chùa có lịch sử hình thành khác nhau, do đó người viết lựa chọn phạm vi nghiên cứu riêng biệt cho từng ngôi chùa, bắt đầu từ khi thành lập chùa cho đến ngày nay.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp thu thập và xử lý tài liệu:

Phương pháp thu thập và xử lý tài liệu là phương pháp chính được sử dụng trong đề tài. Trên cơ sở thu thập thông tin tư liệu từ nhiều lĩnh vực, nhiều nguồn khác nhau có liên quan tới đề tài nghiên cứu, người viết sẽ xử lý, chọn lọc để có những kết luận cần thiết, có được tầm nhìn khái quát về vấn đề nghiên cứu.

5.2. Phương pháp thực địa:

Trong quá trình thực hiện đề tài, người viết sẽ đi đến các ngôi chùa cổ tiêu biểu của Hải Phòng, đặc biệt chú trọng đến 3 ngôi chùa: Chùa Hàng, chùa Trà Phương, chùa Vẽ để tìm hiểu và thẩm nhận tại chỗ giá trị của những ngôi chùa này. Có thể nói, quá trình thực địa giúp cụ thể hóa việc thu thập tài liệu, nhằm nhận được thông tin xác thực cần thiết để thành lập ngân hàng số liệu cho việc hoàn thiện đề tài.

5.3. Phương pháp thống kê, phân tích, so sánh tổng hợp.

Phương pháp này giúp định hướng, thống kê, phân tích để có cách nhìn tương quan, phát hiện ra các yếu tố và sự ảnh hưởng của yếu tố tới hoạt động du

lịch trong đề tài nghiên cứu; việc phân tích, so sánh, tổng hợp các thông tin và số liệu mang lại cho đề tài cơ sở trong việc thực hiện các mục tiêu dự báo, các chương trình phát triển, các định hướng, các chiến lược và giải pháp phát triển du lịch trong phạm vi nghiên cứu của đề tài. Cụ thể, trong đề tài này, người viết sẽ so sánh giá trị của các ngôi chùa cổ tiêu biểu ở Hải Phòng với kiến trúc chùa nói chung của Việt Nam cũng như những ngôi chùa khác của thành phố để có cái nhìn sâu sắc về điểm độc đáo, nét khác biệt của đối tượng nghiên cứu mà đề tài hướng tới.

6. Bố cục đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục và phụ lục, nội dung bài nghiên cứu được chia thành 3 chương:

Chương 1: Tổng quan về Phật giáo ở Hải Phòng

Chương 2: Thực trạng khai thác một số ngôi chùa cổ tiêu biểu ở Hải Phòng

Chương 3: Đề xuất một số giải pháp nâng cao giá trị khai thác các ngôi chùa cổ ở Hải Phòng phục vụ phát triển du lịch

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ PHẬT GIÁO Ở HẢI PHÒNG

1.1. Quá trình du nhập và phát triển của Phật giáo ở Hải Phòng

Do hoàn cảnh địa lý và lịch sử nên về tôn giáo, chính trị và văn hóa nước Việt Nam ta đã từ nhiều thế kỷ chịu ảnh hưởng xa gần của Trung Hoa. Tuy nhiên, đạo Phật và dòng sử Việt, buổi ban đầu, không do Trung Hoa mà lại từ Ấn Độ du nhập. Căn cứ vào lịch sử nước nhà thì, Đạo Phật truyền vào Việt Nam (khi đất nước ta còn gọi là Văn Lang - Giao Chỉ) do hai ngã đường bộ và thủy, giao liên giữa Ấn độ và Trung Hoa, phải ngang qua Việt Nam. Về đường bộ đi qua miền Trung Á (Mông Cổ, Tây Tạng, Trung Hoa) rồi từ Trung Hoa qua Cao Ly và Nhật Bản. Về đường thủy thì qua ngã Sri Lanka, Java thuộc Indonésia và Trung Hoa. Nước ta ở vào giữa hai con đường ấy, và do sự ghé lại của những thương nhân và tăng sĩ Ấn Độ đã mang hạt giống Bồ Đề - đạo Phật - trồng trên đất Giao Chỉ ngay từ đầu kỷ nguyên Tây lịch. Thậm chí, rất có thể là trước kỷ nguyên Tây lịch người Việt đã có biết đến đạo Phật rồi [27]. Quá trình truyền bá đạo Phật diễn ra sôi nổi trong thời gian trị vì của Đại Đế Ashoka (273-232_{TCN}). Là một vị vua ủng hộ Phật giáo, Ashoka đã cho lập nhiều bia đá ghi lại những thánh tích trong cuộc đời Phật Thích Ca Mâu Ni. Vua cũng cho xây dựng rất nhiều các ngôi tháp Phật giáo để chứa đựng xá lị của các vị Phật hoặc các vị thánh tại các thánh tích quan trọng. Không chỉ có vậy, hoàng đế Ashoka còn tổ chức hàng loạt các đoàn truyền giáo ra

nước ngoài và tại những nơi này, ông đều ra lệnh xây dựng lại những ngôi tháp để tưởng nhớ tới Phật Thích Ca Mâu Ni và đánh dấu việc các đoàn Tăng sĩ Ấn Độ đã từng đến các nước này để hoằng pháp. Ở Việt Nam, Vua Asoka đã cử đoàn truyền giáo sang trùng với thời kỳ cuối của văn hóa Đông Sơn - cuối thời đại Hùng Vương và đầu thời An Dương Vương [28].

Tác giả Trần Ngọc Thêm, trong cuốn Cơ sở văn hóa Việt Nam, trang 242, cũng dẫn: “khi trả lời vua Tùy Văn Đế về tình hình Phật giáo xứ Giao Châu, nhà sư Đàm Thiên đã nói rằng: “Xứ Giao Châu có đường thông sang Thiên Trúc. Phật giáo truyền vào Trung Hoa chưa phổ cập đến Giang Đông, mà xứ ấy đã xây ở Luy Lâu hơn hai mươi bảo tháp, độ được hơn năm trăm vị tăng và dịch được mười lăm bộ kinh rồi. Thế là xứ ấy theo đạo Phật trước ta” [12; 242].

Như vậy có thể khẳng định đạo Phật đã truyền vào nước ta từ rất sớm, khoảng thế kỷ thứ III_{TCN}. Nhưng đạo Phật đã đến khu vực nào ở Việt Nam đầu tiên? Nhiều nhà nghiên cứu đã nhận định rằng khu vực Đồ Sơn - Hải Phòng chính là nơi khởi nguồn của đạo Phật Việt Nam.

1.1.1. Thời kỳ trước công nguyên và Bắc thuộc (TK II_{TCN} - 938)

Lịch sử du nhập và phát triển của Phật giáo Hải Phòng gắn liền với lịch sử Phật giáo của xứ Đông. Xứ Đông là tên thường gọi của tỉnh Hải Dương xưa (bao gồm cả Hải Phòng và một phần tỉnh Quảng Ninh ngày nay), do vị trí ở phía đông kinh đô Thăng Long, một trong bốn trấn chính Đông, Đoài, Nam, Bắc, cũng là tên thường gọi để chỉ bốn trấn Sơn Đông (tức Hải Dương), Sơn Tây, Sơn Nam và Kinh Bắc, bao quanh bảo vệ trực tiếp kinh thành. Xứ Đông thời Hùng vương dựng nước thuộc bộ Dương Tuyền (hay Thang Tuyền) - một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Thời Bắc thuộc, xứ Đông nằm trong quận Giao Chỉ thuộc Châu Giao, sau khi nước nhà giành lại quyền tự chủ được gọi là Sách Giang hay Nam Sách Giang. Thời Lý, Hải Phòng thuộc Hồng lộ. Thời Trần, Hồng lộ lại gọi là lộ Hải Đông. Năm 1469, vua Lê Thánh Tông sửa gọi là Hải Dương thừa tuyên, cũng gọi là xứ hay đạo Hải

Dương. Đến thời nhà Mạc, xứ Đông thuộc Dương Kinh. Thời Nguyễn, Minh Mệnh thứ 12 đặt tỉnh Hải Dương. Thuộc Hải Phòng hiện nay, là các huyện Vĩnh Lại (sau tách thành Vĩnh Bảo), huyện Tiên Minh (sau là Tiên Lãng), huyện An Lão, huyện Nghi Dương (sau là Kiến Thụy), huyện Thủy Đường (sau là Thủy Nguyên), huyện An Dương. Năm Thành Thái thứ 10 (1898) mới lập thêm tỉnh Kiến An [25].

Tên gọi Hải Phòng cũng mới xuất hiện ở nửa sau thế kỷ XIX khi Tự Đức đặt Hải Dương thương chính quan phòng (gọi tắt là Hải Phòng) tức đồn quan phòng và kiểm soát thuế quan ở bến Ninh Hải. Tên gọi này sau được Giăng Duy-puy ghi lại và trên lược đồ của Pháp năm 1874 cũng đã thấy ghi lại hai chữ Hải Phòng. Nói cách khác, **thời thuộc Pháp, xứ Đông được chia thành tỉnh Hải Dương, tỉnh Kiến An và thành phố Hải Phòng**. Về vị trí địa lý, xứ Đông phía Tây giáp Hà Nội, phía Nam giáp Thái Bình, phía Bắc giáp xứ Kinh Bắc, phía Đông giáp biển. Nơi đây có địa hình phong phú đa dạng, đủ cả đồng bằng, núi non, hải đảo, phong cảnh kì thú, có đường giao thông thủy bộ, nhất là đường thủy thuận tiện với nhiều vùng trong nước và nước ngoài. **Các nhà nghiên cứu xưa và nay vẫn thường coi Xứ Đông là một vùng văn hiến của quốc gia Đại Việt** [6; 21]. Vùng đất này đã trở thành một vùng quan trọng của đất nước, án ngữ mặt phía đông. Các cuộc xâm lược của nước ngoài cũng từ hướng này mà vào đất liền. Thế kỷ XV, trong Dư địa chí Nguyễn Trãi đã ghi về trấn Hải Dương: “Ấy là trấn thứ nhất trong bốn trấn và là đứng đầu phen giậu phía đông”. Đất Hải Phòng ngày nay chính là vùng biển của Hải Dương cũ và là vành ngoài cùng của phen giậu phía đông vậy [25].

Cũng chính bởi vị trí giáp biển Đông, cửa ngõ đường biển của đất nước, nên đã từ lâu nhiều nhà nghiên cứu đã cho rằng Xứ Đông nói chung và Hải Phòng nói riêng chính là một trong những cái nôi khởi phát của đạo Phật Việt Nam.

Thời xưa, để giao thương với các nước xung quanh bằng đường biển đều qua sông và các nhánh sông Hồng ở Hải Phòng. Trên đường biển quan trọng này đã hình thành các trạm dừng chân, trao đổi hàng hóa và lấy nước ngọt ở Thủy Nguyên,

Đông Triều, Mạo Khê, Đồ Sơn, Tiên Lãng... tạo nên vùng cư dân đông đúc, thương nghiệp và thủ công phát triển. Ở Vạn Bún - Đồ Sơn hay Đoàn Xá vẫn còn một số giếng cổ và vẫn tiếp tục cấp nước cho nhân dân trong vùng.

Các di tích văn hóa khảo cổ Đồ Sơn của Hải Phòng cũng chứng minh sự phát triển rực rỡ của Đồ Sơn thời kỳ Hùng Vương - An Dương Vương. Các trung tâm Mạo Khê, Đông Triều, Uông Bí nối liền với Luy Lâu và Thủy Nguyên, rộng hơn là núi Voi, Tiên Lãng đều vào bằng cửa biển Đồ Sơn do đó có thể thấy Hải Phòng đã là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa lớn nhất của đất nước Văn Lang - Âu Lạc thời bấy giờ [30]

Trong cuốn *Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam* (chương 1: Đạo Phật du nhập Việt Nam - thời điểm và các thuyết du nhập), tác giả Minh Chi viết: "Một phái đoàn do hai cao tăng Uttara và Sona được phái đến Suvannabhumi, “xứ của vàng”. Sử liệu Phật Giáo Miến Điện chép rằng hai cao tăng đó đã đến Miến Điện truyền giáo. Nhưng sử liệu Phật giáo Thái Lan cũng ghi là hai cao tăng Sona và Uttara có đến Thái Lan truyền giáo. Hòa thượng Thích Đức Nghiệp, tác giả sách *Đạo Phật Việt Nam*, viết rằng: “Khoảng 300 năm trước Tây lịch, nghĩa là: ngay sau khi Đại hội Kết Tập Tam Tạng lần thứ III tại Pataliputra (Hoa Thị Thành, Ấn Độ, do vua Asoka thực hiện) và cũng sau Đại hội này đức vua đã gửi chín giáo đoàn đi truyền bá chính pháp tại các nước, từ Afghanistan (A Phú Hãn) tới đông bộ Méditerranée (Địa Trung Hải), trong đó có một giáo đoàn do hai ngài Sona và Uttara lãnh đạo, đã tới Miến Điện và toàn xứ Đông Dương kể cả Việt Nam. Nói cách khác, hồi đó, ở Giao chỉ tại thành Nê Lê, tên cũ của vùng Đồ Sơn hiện nay, cách Hải Phòng 12 cây số có bảo tháp vua A Dục (Ashoka), do các Phật tử địa phương xây nên, để tri ân vua A Dục (Ashoka) đã cử giáo đoàn tới đây để truyền bá Phật pháp" [9; 21-22].

Một bằng chứng nữa cho sự xuất hiện của Phật giáo ở Đồ Sơn đó là “*Đồ Sơn bát vịnh*” - đây là tám bài thơ còn lưu trong cuốn gia phả của dòng họ Hoàng ở Đồ

Sơn, bài thơ thứ 5 nói về việc vua Asoka đã cho xây dựng bảo tháp tại Đồ Sơn. Bài thơ được cụ Nguyễn Duyệt Niên dịch như sau:

*“Nền tháp xưa kia cỏ mọc dày,
Dục Vương đi khỏi cảnh hoang ngay.
Muôn cân chuông Phật vang sông réo,
Chín đợt Tháp cao hóa bụi bay.
Dựa búa ông tiêu ngời dốc nọ,
Xua trâu chú mục xuống đồi này.
Lên cao muốn gặp sư trò truyện,
Chuông thỉnh một hồi sát nẻo đây.”*

Ở Đồ Sơn có 10 ngọn núi (1 núi mẹ và 9 núi con). Núi mẹ cao chừng 168 mét so với mặt biển. Khi đọc *“Đồ Sơn Bát vịnh”*, ta có thể nhận định bảo tháp Dục Vương (Asoka) đã được dựng ở trên ngọn núi này. Tuy nhiên, theo thời gian tháp cũng dần đổ nát. Sau này, vào thời Lý, vua Lý Thánh Tông đã cho xây đền tháp Tường Long ở gần hoặc trên nền tháp cũ [6;23].

Ở Đồ Sơn còn có chùa Hang (còn gọi là Cốc Tự) - dân làng kể rằng: Thuở xưa vào cuối đời vua Hùng Vương, ở đây có một vị sư tên là Sư Bàn (Bàn Tăng) người Ấn Độ, lập bàn thờ Phật và tu ở trong chùa Hang - Đồ Sơn (cuối đời nhà sư cũng viên tịch tại chính hang núi này). Thời gian ở chùa Hang, sư Bàn (Phật Quang) đã cùng với cư dân ở Đồ Sơn dựng một ngôi chùa, gọi là chùa Bàn. Chính tại khuôn viên chùa Bàn, một gia đình người Đồ Sơn (ông Tạo - Phường Ngọc Xuyên - quận Đồ Sơn) trong khi làm vườn đã thu nhặt được một số hiện vật mà có thể là dấu tích của chùa Bàn xưa kia [6;21-29].

Theo *Lĩnh Nam chích quái*, Chử Đồng Tử khi trên đường đi buôn bằng thuyền cùng một vị đại thương gia đã ghé vào hòn đảo tên là Quỳnh Viên (có sách ghi là Quỳnh Vi) để lấy nước ngọt. Nơi đây có một am nhỏ, có một vị Tăng sĩ tên là Phật Quang (có sách ghi là Ngưỡng Quang). Chử Đồng Tử được vị tăng sĩ Phật

Quang thuyết pháp và truyền pháp khí là “*chiếc gậy và cái nón lá*” rồi bảo rằng: “*những cái ấy làm chìa khóa cho mọi năng lực thần bí*” đồng thời Chử Đồng Tử cũng được nhà sư truyền cho đạo Phật, kèm theo triết lý của đạo thường và cách chữa bệnh cổ truyền hiệu nghiệm [6; 21]. Theo một số nhà nghiên cứu, núi Quỳnh Viên tức là núi Mẫu Sơn ở Đồ Sơn và Phật Quang là Pháp danh của sư Bần.

Về cây gậy linh dị đức Phật Quang ban cho Chử Đồng Tử, ngoài việc cứu sống những người chết dịch ở Đa Hòa, Chử Xá, còn được ghi lại trong thần tích miếu Thị Đa ở thôn Cốc Liễn, xã Minh Tân, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng cách Đồ Sơn hơn chục km. Theo thần tích, bà Đa người làng này có con trai duy nhất, ra bờ sông chơi bị chết đuối, bà gào khóc thảm thiết, vừa lúc đó có một thầy chùa đi qua, dùng gậy thần làm con bà Đa sống lại. Mẹ con vui mừng khôn xiết, lạy tạ và xin tên nhà sư để thờ sống. Nhà sư từ tạ, không cho biết, dặn cứ gọi là Đông Yên. Sau đó, bà Đa dựng miếu tranh thờ ngài Đông Yên. Sau dân làng tìm về Đông Yên mới rõ người cứu con bà Đa là Chử Đồng Tử. Thần Đông Yên thờ ở miếu Cốc Liễn hiện còn lưu 20 bản sắc phong từ niên hiệu Vĩnh Tộ triều Lê Thần Tông (1620-1628) đến trước thời Khải Định (1916-1925) [6; 22].

Từ thần tích miếu Thị Đa, cho biết Cốc Liễn gần thị xã Đồ Sơn, có tên cũ là Nê Lê, được cho là nơi có dấu tích Phật giáo đầu tiên ở nước ta, gồm cả dấu tích vật thể và phi vật thể. Theo Lưu Kỳ Hân, tác giả sách *Giao Châu Ký*: “Thành Nê Lê ở phía đông nam huyện Định An, cách sông 7 dặm, tháp và giảng đường do vua A Dục dựng vẫn còn, những người đồn cũi gọi là Kim Tượng” [6; 22].

Lời chú sách Thủy kinh chú của Lê Đạo Nguyên cũng ghi: “Bến đò Quan Tắc xuất phát từ đó, song nó từ phía đông huyện đi qua huyện An Định và Trường Giang của Bắc Đái. Trong sông lại có nơi vua Việt đúc thuyền đồng, khi nước triều xuống người ta còn thấy cả dấu vết. Sông lại chảy về phía đông, cách sông có thành Nê Lê, người ta nói là do vua A Dục dựng” [6; 22]. Theo Tiền Hán thư, quận Giao Chỉ gồm 10 huyện: An Định, Luy Lâu, Câu Lậu, Kê Từ, Mê Linh, Bắc Đái, Khúc Dương, Tây Vu, Long Biên và Chu Diên. Đào Duy Anh trong sách Đất nước Việt Nam qua các đời cho rằng thành phố Hải Phòng thuộc địa bàn huyện An Định [6; 23].

Theo Long đình miếu thờ Chủ Đồng Tử và bản đồ Việt Nam thế kỷ I - III, ghi rõ địa danh Câu Lậu có sông Bắc Đái chảy vào chính là một phần của vùng đất Hải Phòng ngày nay. Trong “Bách khoa địa danh Hải Phòng” cũng ghi rằng đất Câu Lậu chính là một phần đất của Hải Phòng.

Nhìn vào bản đồ Lịch sử Việt Nam ta thấy Câu Lậu ở dưới Luy Lâu, rõ ràng là bao gồm một phần đất Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng. Vùng đất An Định được sách “Sử học bị khảo” của Đặng Xuân Bảng xác định là đất gần biển, lại ở phía Đông của Câu Lậu, vậy mảnh đất phía Đông ấy phải là Hải Phòng ngày nay [26].

Từ điển bách khoa Hải Phòng viết: “An Định là huyện cổ thời Hán, một trong 10 huyện thuộc quận Giao Chỉ. Một phần huyện này và một phần của hai huyện Kê Từ, Câu Lậu (đều ở phía bắc đồng bằng Giao Chỉ) nằm trong địa bàn Hải Phòng ngày nay”. Như vậy phía Đông Nam huyện An Định chính là khu vực Đồ Sơn, Hải Phòng ngày nay [30].

Như vậy có thể nhận định chuyện Chủ Đồng Tử học đạo Phật ở Nê Lê - Đồ Sơn, đến việc cứu con bà Đa thoát chết ở trang Minh Liễn, là hoàn toàn hợp logic về truyền thuyết, lịch sử cũng như địa lý ở Đồ Sơn bao gồm hệ thống sông, nhánh sông, địa điểm thờ cúng của dân địa phương ở Hưng Yên, chùa Hang và miếu bà

Đa ở trang Minh Liên gần Đồ Sơn. Từ đó, ta hoàn toàn vẽ được lộ trình đi của Chử Đồng Tử là từ Hưng Yên đến vùng biển Đồ Sơn, vào núi Mẫu Sơn xin nước ngọt, gặp sư Phật Quang (sư Bần), trên đường về, qua trang Minh Liên cứu con bà Đa là chuyện đáng tin cậy.

Viện Viễn Đông Bác cổ đã tìm thấy 1 số cuốn sách cổ có giá trị về lịch sử Phật giáo nước ta tại Hải Phòng và gần khu vực Hải Phòng, đó là hai bản “*Tam tổ thực lục*” được cất tại chùa Pháp Vũ - làng Đồng Lại - huyện Vĩnh Lại - Hải Dương, nay là huyện Vĩnh Bảo - Hải Phòng. Tiếp theo là “*Ngự chế Thiền uyển thống yếu kế đăng lục*” của Như Sơn phụng chiếu, gồm 3 quyển, bản gỗ được cất ở chùa Nguyệt Quang (tức chùa Đông Khê - Hải Phòng). Vào năm 1927, trường *Viễn Đông Bác Cổ* lại tiếp tục tìm thấy 1 tác phẩm nhan đề là “*Thiền uyển tập anh ngữ lục*” của 1 nhà Nho ở Hải Phòng [22].

Các ngôi chùa cổ của Hải Phòng còn tồn tại đến ngày nay không còn nhiều. Đặc biệt trong số đó có một số ngôi chùa mà theo nhà sử học Ngô Đăng Lợi - Nguyên chủ tịch Hội Khoa học Lịch sử Hải Phòng là ngôi chùa tối cổ của Việt Nam, đó là chùa Hang - Đồ Sơn và chùa Non Đông hay còn gọi là Chùa Đốt Sơn nằm tại Phủ Tân Minh, Châu Nam Sách, Hải Dương xưa; nay là xã Cấp Tiến, huyện Tiên Lãng, Hải Phòng. Văn bia của Chùa Đốt Sơn hiện còn được lưu giữ và được in trong cuốn Văn Bia Tiên Lãng, ghi nhận Chùa được xây dựng trong những năm 505 - 543, vào thời kỳ nước ta chịu sự đô hộ của nhà Lương Trung Quốc [6;24-25]. Theo thư tịch cổ, đương thời chùa Đốt và chùa Cá Lộ (Bạch Đằng – Tiên Lãng) tạo thành một trung tâm Phật giáo lớn của nước Vạn Xuân, với quy mô kiến trúc, bảo tháp và tượng Phật đồ sộ [22].

Tương truyền, nhiều nhà sư Ấn Độ đến Việt Nam để truyền đạo bằng đường biển và cập bến ở Đồ Sơn. Sau khi làm lễ xong ở Chùa Hang - Đồ Sơn, các thiền sư Ấn Độ đi vào đường mòn, men theo đường biển để đến Chùa Non Đông. Sau khi vào Tam Quan, các vị sư Ấn Độ làm lễ và đi qua hai hành lang để sang dãy nhà

ngang và tu tại Chùa. Phật giáo mà các nhà sư Ấn Độ truyền sang Việt Nam vào thời điểm bấy giờ là *Pháp Môn Thiên tông* - một giáo lý Phật giáo mà bấy giờ Việt Nam chưa có [6;24-25].

Như vậy khu vực Đồ Sơn - Hải Phòng từng là nơi đón nhận ánh sáng Phật pháp truyền vào nước ta sớm nhất. Đây là giai đoạn Phật giáo quyền năng, sự ngưỡng mộ đạo Phật của nhân dân địa phương và các nhà truyền giáo đã tạo nên niềm tin Phật - Pháp - Tăng nơi lòng người bản xứ. Hình ảnh các tăng sĩ từ Ấn Độ đến Đồ Sơn đã in sâu vào tâm trí cư dân bản địa từ thế kỷ III TCN và lưu truyền cho đến ngày nay, trong đó có dấu ấn đặc biệt của người tăng sĩ truyền đạo - sư Bần (Phật Quang).

Phật giáo Hải Phòng thời kì xa xưa mới chỉ dừng lại ở việc là nơi khởi nguyên của đạo Phật Việt Nam mà chưa có gì phát triển. Do thời đó, ngoài Đồ Sơn là cửa biển thông thương với các nước lân cận, khu vực nội thành Hải Phòng mới chỉ là một bãi lầy lau sậy cao đến đầu người, cùng với sự khai phá của nữ tướng Lê Chân, vùng đất nội thành Hải Phòng mới chính thức được hình thành với cái tên trang An Biên. Từ đó đến năm 938, Hải Phòng chỉ được biết đến như một nơi chiếm giữ vị trí chiến lược quan trọng, địa thế hiểm trở, là cửa ngõ vào Đại La - Thăng Long, các vương triều Việt Nam đã từng có những chiến tích lừng lẫy trong lịch sử chống lại sự xâm lược của láng giềng phương Bắc tại đây mà chưa có sự phát triển rộng rãi của Phật giáo. Lý do là bởi thời kỳ đó Phật giáo mới bắt đầu truyền bá vào Việt Nam và chỉ thực sự phát triển cực thịnh vào thời đại Lý - Trần sau này. Đồ Sơn - Hải Phòng chỉ là nơi dừng chân tạm thời của các đoàn truyền giáo trước khi đến Luy Lâu - trung tâm chính trị, kinh tế, thương mại, văn hóa, tôn giáo lớn nhất cả nước thời đó.

1.1.2. Thời kỳ phong kiến (938 - 1945)

Dưới thời phong kiến, ở Hải Phòng, bên cạnh những thành quách, lăng tẩm, cung điện, còn có các kiến trúc tôn giáo lớn như chùa, tháp, đình, đền, miếu...; trù

một số do triều đình hưng công xây dựng có ghi trong sử sách, còn phần lớn đều do nhân dân quyên góp xây dựng lên.

Vào thời nhà Đinh, Phật giáo trở thành quốc đạo và được triều đình công nhận. Nói về Phật giáo Hải Phòng, thời kì này, hai anh em dòng họ Đinh gồm Đinh Bộ Lan - em trai của Vua Đinh Tiên Hoàng và Đinh Bộ Đông - em họ của Vua đã tu tại Chùa Non Đông - Hải Phòng. Đinh Bộ Đông lấy tên pháp là Huyền Quang Thích Quảng Đông, là vị sư trụ trì chùa. Trong khi đó Đinh Bộ Lan lấy tên pháp là Thích Quảng Bình. Hai vị được coi là những vị tổ của trường phái Pháp môn Tịnh độ Thiền tông. Ngài Huyền Quang viên tịch vào ngày 24 tháng giêng năm Kỷ Hợi 999, thọ 51 tuổi [27].

Việt Nam Phật Giáo sử lược cũng có đoạn viết: "Đến thời Đinh Tiên Hoàng, khi Tiên Hoàng Đế định giai cấp văn võ, thì ngài triệu tất cả Tăng sĩ lỗi lạc vào hàng Thái miếu và đánh phẩm trật cho các Tăng già. Ngài tặng chức Khuông Việt Thái sư cho Pháp sư Ngô Chân Lưu, Pháp sư Trương Ma Ni làm Tăng lục đạo sĩ và Pháp sư Đặng Huyền Quang làm Sùng Chân uy nghi". Pháp sư Đặng Huyền Quang chính là Pháp sư Huyền Quang của Chùa Non Đông bấy giờ [27].

Thời Lý - Trần, sau những võ công hiển hách, tình hình chính trị trong nước đã ổn định, kinh tế phồn vinh đã tạo cơ sở cho Phật giáo nẩy nở trên vùng đất cửa biển Hải Phòng. Vua Lý Thánh Tông đã hưng công xây dựng chùa tháp Tường Long trên đỉnh non cao ở Đồ Sơn nhằm mục đích ghi lại chiến thắng "Bình Chiêm" và phát dương Quốc giáo (đạo Phật) ở vùng cửa biển sông Hà xã tắc này. Tháp Tường Long cao 15 tầng, sừng sững trông ra biển khơi. Qua phết tích, ta thấy tháp có quy mô rộng lớn, kiến trúc được xây dựng trên từng cấp cao, thấp theo sườn đồi. Những chân tảng đá đồ sộ hiện còn mách bảo về những thân cột lực lưỡng, đường kính từ 60 đến 70cm. Tuy nhiên đến đầu thời Nguyễn, vật liệu kiến trúc của tháp bị dỡ bỏ mang về xây dựng trấn thành Hải Dương, nhưng vẫn còn sót lại một số di vật bằng đất nung như đầu đao, gạch vồ, mảnh tháp, bệ tượng, con giống... Tất cả đều

được chạm khắc, trang trí tỉ mỉ với hình hoa, lá, rồng, phượng. Đặc biệt, những viên gạch xây tháp có in dấu chữ ghi niên đại là những tư liệu rất quý cho việc xác định niên đại khởi dựng và thời gian hoàn thành của công trình tháp Tường Long [17].

Thành tựu lớn nhất của thời nhà Trần đó là việc vua Trần Thái Tông đã đặt nền móng cho việc thống nhất các Thiền phái hiện có như: Pháp Môn Tịnh Độ Thiền tông, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường để hình thành dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử duy nhất đời Trần để rồi sau đó, vua Trần Nhân Tông lại tiếp nối, khai sáng và làm rạng danh thiền phái Trúc Lâm. Chính vì vậy mà Trần Nhân Tông được vinh danh là đệ nhất Tổ của Thiền phái này.

Việc Trần Nhân Tông chọn Yên Tử để tập hợp tín đồ truyền bá giáo lý của mình, không phải là một sự lựa chọn ngẫu nhiên. Ngoài việc Yên Tử có phong cảnh thiên nhiên thơ mộng, nơi từng có các bậc cao tăng gieo mầm Phật pháp như Quốc sư Phù Vân, Thiền sư Hiện Quang, thì từ Yên Tử còn có thể dõi tầm mắt tới tận vùng cửa biển Bạch Đằng Giang (Hải Phòng) - nơi có vị trí chiến lược hết sức quan trọng trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm phương Bắc [30].

Khi còn là tổng chỉ huy và đích thân xông pha mặt trận, Trần Nhân Tông và quân đội nhà Trần đã không ít lần nhận được sự giúp đỡ, che chở của nhân dân, tăng ni, Phật tử Hải Phòng. Chẳng hạn như: Giữa lúc nguy khốn nhất bị giặc bao vây, truy đuổi gắt gao, vua Trần Nhân Tông đã được Trần Lại, người làng Hữu Triều Môn (Thủy Nguyên) cứu đói nhờ dâng cơm gạo; Dân làng Thủy Chú (Thủy Nguyên), Chân Kim (Kiến Thụy) cử người bí mật đưa Vua vượt vòng vây vào Thanh Hóa chuẩn bị cuộc phản công chiến lược. Trần Hưng Đạo và bộ phận tham mưu chiến dịch Bạch Đằng năm 1288 đã được các vị sư trụ trì chùa Vẽ (tên chữ là Hoa Linh tự) ở làng Đoạn Xá từng đi nhiều, hiểu rộng, tường tận địa hình, sông nước giúp đỡ vẽ bản đồ tác chiến. Chùa Thiêm Khê (Thủy Nguyên) là nơi Trần Hưng Đạo luyện tập quân sĩ chuẩn bị cho trận đánh Trục Động năm 1288. Chùa

Mai Động (Thủy Nguyên) là nơi giúp quân đội triều đình xây dựng kho lương phục vụ chiến dịch Bạch Đằng năm 1288. Các làng xã phía Nam huyện Vĩnh Bảo còn lưu truyền rất nhiều về căn cứ Lưu Đồn từng là căn cứ địa của nhà Trần trong cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông lần thứ hai và lần thứ ba. Sau khi giúp Vua đuổi giặc, các tướng người Hải Phòng như: Nguyễn Chính, Hoa Duy Thành, Lương Toàn, Lại Văn Thanh, Nguyễn Danh Uy, Phạm Hữu Điều, Nguyễn Hoàng... đều xin trở về quê hương bản quán, khai khẩn đất hoang, mở rộng thái ấp điền trang, làng xóm...[24]

Đề cập đến động cơ tu hành, tư tưởng Phật giáo của Điều Ngự Giác Hoàng - Đệ nhất tổ Trần Nhân Tông nói riêng và của dòng Thiền Trúc Lâm nói chung, không thể không nhắc đến vai trò và ảnh hưởng to lớn của Tuệ Trung thượng sĩ. Tuệ Trung thượng sĩ thế danh là Hưng Ninh Vương Trần Tung. Ông là con đầu của An Sinh Vương Trần Liễu và là anh cả của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Vốn là người có nhiều công lao trong sự nghiệp chống đế quốc Nguyên-Mông (từng được cử làm phó Tổng tư lệnh cánh quân phía Đông do Quốc công tiết chế Trần Hưng Đạo đảm trách), nên sau khi đất nước khai hoàn, Hưng Ninh Vương Trần Tung được vua Trần giao trấn giữ miền biên tái Thái Bình (gồm vùng ven biển xung yếu Hải Đông-tức Hải Dương và Hải Phòng ngày nay). Ở làng Dưỡng Chính, xã Chính Mỹ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, các nhà sử học đã phát hiện thấy dấu vết Tịnh thất Dưỡng Chân của Tuệ Trung thượng sĩ Trần Tung. Làng Dưỡng Chính vốn tên là Dưỡng Chân, sau kiêng húy vua Dục Đức là Ứng Chân nên mới đổi thành Dưỡng Chính. Tục truyền, Điều ngự Giác hoàng Trần Nhân Tông đã nhiều lần về Tịnh thất Dưỡng Chân thăm hỏi, chăm sóc sức khỏe và trao đổi về đạo học với Tuệ Trung thượng sĩ. Sau khi Ngài qua đời, Phật hoàng Trần Nhân Tông thân đến Tịnh thất Dưỡng Chân thu lượm các bài thuyết pháp của Ngài biên thành sách “Tuệ Trung thượng sĩ ngữ lục”, lại sai danh sĩ Trần Khắc Chung viết lời cuối sách. Lời cuối sách của Trần Khắc Chung có đoạn: “Thượng sĩ

là ngọn đèn tổ của Phật hoàng, lấy tâm để truyền tâm. Xưa kia đức Phật bỏ ngôi vương giả, rời cỗ xe vàng, đến ngồi dưới gốc cây bồ đề, khai diễn phép võ thượng thừa, cứu độ vô lượng chúng sinh, làm bậc thầy ở cõi người và cõi trời. Thượng sĩ thực đã mở mang lĩnh vực ngộ được phép thần ấy...”. [4]

Như vậy, do ảnh hưởng của Thiền phái Trúc Lâm và uy tín cũng như đạo hạnh của Tuệ Trung thượng sĩ, đạo Phật ở vùng đất Hải Phòng ngày nay rất thịnh hành, do đó, xuất hiện nhiều công trình chùa, tháp với quy mô lớn và mang đậm phong cách kiến trúc dân tộc như: Chùa Đông Khê (Nguyệt Quang tự), chùa Dur Hàng (Phúc Lâm tự), chùa Thường Sơn (Hàm Long tự), chùa Phù Lưu (Thiên Vũ tự), chùa Mỹ Cự (Linh Sơn tự)... Dưới triều Trần (1226-1400), Chùa Đông Khê tên chữ là Nguyệt Quang tự (phường Đông Khê, quận Ngô Quyền) vốn là một sơn môn nổi tiếng của Phật phái Trúc Lâm. Sau này, chùa được Thiền sư Như Hiện-đệ tử của Thiền sư Chân Nguyên đời thứ 5 trong Thiền phái Trúc Lâm trùng tu, tôn tạo, khai hóa thành chốn tổ vào đời Lê Hy Tông (1676-1705). Thiền sư Chân Nguyên (trụ trì chùa Lâm-Long Động) là tăng chính chùa Quỳnh Lâm núi Tiên Du. Tục truyền, Thiền sư Như Hiện là bậc đạo pháp cao siêu, uy tín lẫy lừng, giáo hóa được rất nhiều tín đồ theo sơn môn Tế - Trúc Đông Khê. Năm 1684, Ngài được vua Lê Hy Tông phong chức Tăng Cương, ban mỹ hiệu là Thuần Giác hòa thượng. Sau khi ngài thị tịch, đệ tử là thiền sư Tính Tĩnh người Đông Khê được truyền đăng kế vị, đã phát dương nguồn đạo, độ được 60 đệ tử xuất gia và trùng tu, tôn tạo hơn 40 chùa; Chùa Dur Hàng tên chữ là Phúc Lâm tự (quận Lê Chân), tương truyền dựng từ thời Tiền Lê, đến đời Trần, các vị Trúc Lâm Tam Tổ đã nhiều lần về đây giảng đạo, thuyết pháp, độ tăng. Trong khu vườn chùa hiện vẫn còn khu tháp mộ lưu giữ xá lý của “Trúc Lâm tam tổ”; Chùa Thường Sơn tên chữ là Hàm Long tự (thị trấn Núi Đèo - Thủy Nguyên), vốn là đại danh lam thời nhà Trần. Tương truyền, vào cuối triều Trần, chùa còn được Từ Giác quốc sư (thế danh là Vương Huệ)-Đức Thánh tổ Tổ đình Dưỡng Mông (dân gian quen gọi là tổ Non Đông) đứng chủ

hưng công trùng tu, tổ hảo. Đến năm Chính Hoà thứ 23 đời vua Lê Hi Tông (1702), chùa lại được Hoà Thượng Tịnh Cơ, môn đồ của Chân Nguyên Thiền sư trùng tu lại trên nền cổ tự...[4]

Lại nói, vùng đất Hải Phòng luôn giữ vai trò là phen dậu phía Đông của kinh kỳ Thăng Long. Dưới triều Trần, nhất là từ sau võ công Bạch Đằng giang năm 1288, vùng đất Hải Phòng là nơi quần cư đông đúc, vùng đồng bằng theo triền sông Bạch Đằng, sông Thái Bình, sông Văn Úc, sông Lạch Tray ổn định, trù phú nên được các vua Trần đặc biệt chú trọng phát triển ba lĩnh vực: củng cố hệ thống phòng thủ, mở mang nông-ngư và xây dựng chùa chiền. Hầu hết các làng xã ở Hải Phòng thời kỳ này đều có một quần thể kiến trúc văn hóa với những ngôi chùa, tòa miếu, đền thờ Mẫu khang trang. Đặc biệt, các ngôi chùa thực sự là những trung tâm văn hóa, chính trị, tư tưởng của các làng xã. Về kinh tế, song song với việc củng cố chính quyền, nhà Trần rất quan tâm đến việc cử các thân vương, quý tộc về đây chiêu mộ dân ly tán khai lập lên các làng xã mới: Công chúa Thiên Thụy - chị gái vua Trần Nhân Tông đã chiêu mộ dân khai hoang, đắp đê ngăn nước mặn, mở mang nhiều làng xã ở huyện Kiến Thụy và An Lão ngày nay. Bà Thiên Thụy (tức công chúa Quỳnh Trân) sau đi tu, dựng chùa lớn ở trang trại Nghi Dương (thuộc địa bàn xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy). Vua Trần Nhân Tông khi xuất gia, đôi lần về thăm chị ở chùa Nghi Dương. Một người chị khác của Trần Nhân Tông là công chúa Chiêu Chính đã bỏ tiền của làm chùa Kha Lâm, đúc chuông, tô tượng, mở chợ bến đò và khai hoang ở vùng đất ven sông Lạch Tray (quận Kiến An ngày nay) và để lại cho dân làng Kha Lâm 171 mẫu ruộng. Sử cũ ghi: Liên tục trong nhiều năm, Trần Nhân Tông đã nhiều lần về vùng đất lộ Hải Đông để khuyến khích sản xuất và khánh thành các chùa chiền mới được xây dựng như: chùa Dăng Trung, chùa Mỹ Cự, Câu tử (Thủy Nguyên), chùa Mỗ, chùa Trúc Lâm (Kiến Thụy), chùa Bùi (An Dương), chùa Quy Tức, chùa Kha Lâm (Kiến An), chùa Vân Bản (tên nôm là chùa Vạn Bún) ở Đồ Sơn... Trong đó, đáng chú ý là những ghi chép của sách Đồng

Khánh dư địa chí chép: “Trần Nhân Tông sau khi nhường ngôi vua, đến tu ở chùa Yên Tử”. Một hôm, Ngài về Thiên Trường, đi qua làng Duyên Lão (nay thuộc xã Tiên Minh, huyện Tiên Lãng) có một ông già dâng lễ nghênh đón. Ngài mừng vì dân biết lễ, nên mới ban cho tên Duyên Lão; lại dặn sau này hễ thấy hòn đá trôi trên sông thì rước về thờ, sẽ được phù hộ, che chở. Đến khi Trần Nhân Tông hóa ở chùa Yên Tử, hoả táng thì ông già ở Duyên Lão thấy hòn đá trôi ngược dòng sông, nhớ lời dặn bèn rước về, lập đền thờ, rất linh ứng. Hòn đá đó nay vẫn còn ở trong đền.” Qua các đợt khảo sát ở Hải Phòng, được biết: Năm 1407, nhà Minh đặt ách đô hộ ở nước ta và trong suốt 20 năm thống trị, chúng thi hành chính sách vô cùng tàn khốc, sưu cao thuế nặng, phá huỷ mọi chùa chiền, thu tượng Phật, chuông đồng để đúc súng đạn, huỷ bia đá, đốt sách và giết thầy giáo học trò, đàn áp nhân dân. Bởi thế, trên đất Hải Phòng ngày nay, những ngôi chùa thời Trần đều không còn để lại bất kỳ dấu vết gì, nhưng những vị tổ nổi tiếng của dòng Thiền Trúc Lâm như: Phật hoàng Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang được phụng thờ trang nghiêm, thành kính trong một số ngôi chùa và đình đền, miếu mạo thì vẫn tồn tại nhiều thế kỷ nay. Nghiên cứu, tiến tới đầu tư phục dựng một số danh lam- thắng tích và cổ tự tiêu biểu của văn hóa Phật giáo Đại Việt thời Lý - Trần như: Tháp Tường Long (Đồ Sơn), chùa Long Hoa (Núi Voi-An Lão), Tĩnh thất Dưỡng Chân, chùa Mỹ Cự, chùa Hàm Long (Thủy Nguyên)...luôn là nguyện vọng cháy bỏng của tăng ni, Phật tử Hải Phòng [4].

Thời Trần, bên cạnh tháp Tường Long (được xây vào thời Lý) người ta còn cho xây dựng một ngôi chùa, kết hợp với tháp Tường Long tạo thành một ngôi chùa tháp uy nghi. Ngày ấy, chùa tháp Tường Long là một trong những trung tâm Phật giáo danh tiếng toàn vùng. Trải qua năm tháng, ngôi chùa và tháp Tường Long bị hư hại do thời tiết khắc nghiệt, nắng to, bão lớn, gió biển...đặc biệt là sự tàn phá, cướp bóc của giặc Minh trong lúc đàn áp cuộc khởi nghĩa của nhân dân Đồ Sơn do nhà sư Phạm Ngọc lãnh đạo đã làm cho công trình bị kiệt quệ, hoang tàn.

Từ đó ngôi bảo tháp tồn tại lay lắt đến thời vua Gia Long thứ 3 (1804) thì bị san bằng, để lại sự tiếc nuối cho hậu thế [22].

Một trong những cổ vật khác còn sót lại thời kì này đó chính là chuông chùa Vân Bản (Đồ Sơn). Chiếc chuông này được xem như báu vật của dân tộc và hiện được lưu giữ, trưng bày tại Viện bảo tàng lịch sử Việt Nam. Hình rồng trên quai chuông, cánh sen trang trí nổi xung quanh núm gõ và vành miệng chuông mang đậm phong cách nghệ thuật trang trí thời Trần (1226 - 1400). Chuông chùa Vân Bản cũng gợi lên mối liên hệ với những quả chuông được đúc dưới triều Trần nay chỉ còn trong sử sách, bi kí. Chuông chùa Vân bản là một cứ liệu xác đáng khẳng định truyền thống đúc đồng của quốc gia cũng như minh chứng cho sự phát triển của Phật giáo thời Trần tại Hải Phòng, là minh chứng cho sự đoàn kết của nhân dân vùng ven biển phía Đông dưới mái chùa thờ Phật [22].

Cuối đời Trần, Hải Phòng đã trở thành địa bàn hoằng dương Phật Pháp của bậc Thiền sư nổi tiếng là Thánh Tổ Non Đông. Theo văn bia "Quang Khánh tự bi minh tự" do tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487) Phạm Cảnh Chiêu soạn, khắc dựng năm Hồng Thuận thứ 7 (1515) thì Sư họ Vương, hiệu là Quán Viên, quê xã Dưỡng Mông (làng Muống), thuở nhỏ, bố mất, mẹ ở vậy nuôi con. Từ 10 tuổi, sư khắc khổ chuyên cần học, 19 tuổi đọc rộng các sách, rồi chán cảnh trần tục, yết kiến Kiên Tuệ đại sư chùa Báo Ân đi tu. Sau cụ thụ túc giới hai sư Nghĩa Trụ và Chân Giám, giới hạnh, tài biện hơn người. Sư được vua Trần và triều thần rất kính trọng. Vua Anh Tông ban cho pháp hiệu Tuệ Nhẫn quốc sư. Tục truyền, Tuệ Nhẫn quốc sư Vương Huệ (dân gian gọi là Tổ Non Đông hoặc Tổ Muống hay Tổ Cáy) từng hưng công xây dựng trong cùng một ngày với 72 ngôi chùa thuộc sơn môn Dưỡng Mông (Quang Khánh) ở xứ Đông... trong đó có nhiều chùa trên địa bàn Hải Phòng ngày nay như: Phục Lễ, Phương Mỹ, Nhân Lý, chùa Cao trên núi Vân Ô (thị trấn núi Đèo), chùa Đông Tả... [24]. Năm Ất Sửu (1235) sư viên tịch.

Khi nhà Minh đặt ách đô hộ ở nước ta (1407) và trong suốt 20 năm thống trị, chúng thi hành chính sách vô cùng tàn khốc, sưu cao thuế nặng, phá huỷ mọi chùa chiền, thu tượng Phật, chuông đồng để đúc súng đạn, huỷ bia đá, đốt sách và giết thầy giáo, học trò, đàn áp nhân dân. Bởi thế, trên đất Hải Phòng ngày nay, rất nhiều chùa thời Trần đều bị tàn phá mà không còn để lại bất kỳ dấu vết gì [22]. Duy chỉ có những vị tổ nổi tiếng của dòng Thiền Trúc Lâm thời Trần như: Phật hoàng Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang thì vẫn được phụng thờ trang nghiêm, thành kính trong một số ngôi chùa, đình đền, miếu mạo và tồn tại nhiều thế kỷ nay. Việc đầu tư phục dựng một số danh lam - thắng tích và cổ tự tiêu biểu của văn hóa Phật giáo Đại Việt thời Lý - Trần như: Tháp Tường Long (Đồ Sơn), chùa Long Hoa (Núi Voi - An Lão), chùa Mỹ Cự, chùa Hàm Long (Thủy Nguyên)... luôn là nguyện vọng cháy bỏng của tăng ni, Phật tử Hải Phòng.

Đến thời nhà Mạc, thế kỷ thứ 16, tại Hải Phòng, nổi tiếng có kiến trúc Dương Kinh. Triều đình nhà Mạc đã xây dựng nhiều cung điện, lầu các, thành quách ở quê hương mình, chủ yếu ở vùng xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy ngày nay. Người đương thời ca ngợi Dương Kinh là Thăng Long thu nhỏ. Ngoài Dương Kinh thời nhà Mạc (1527 - 1592), ở Hải Phòng còn xuất hiện một số đô thị cảng ven sông sầm uất mà bia đá còn ghi như: Minh Thị, Hoàng Lô, Phố Rỗ, phố Đường Thung, phố Mè (Tiên Lãng), Hạ Hâm (Vĩnh Bảo), Dầu Hổ (An Hải), làng Cũ (Xuân Đám, Cát Bà)... Nhà Mạc vẫn theo pháp độ cũ của nhà Lê từ hệ tư tưởng đến mô hình thiết chế nhà nước, lấy Tổng nho làm tư tưởng cai trị chính, tuy nhiên không hạn chế các tôn giáo khác như đạo Phật, đạo Giáo như nhà Lê Sơ. Các quan lại và người trong Hoàng tộc nhà Mạc đã cúng tiến nhiều đất cho nhà chùa và xây cất, tu bổ nhiều chùa nhờ đó mà ở Hải Phòng có rất nhiều chùa chiền được tu bổ như chùa Trà Phương (thôn Trà Phương, xã Thụy Hương, Kiến Thụy), Chùa Thiêm Khê (Liên Khê, Thủy Nguyên, Hải Phòng) ngoài ra cũng có một số ngôi chùa được xây mới như chùa Đại Trà (thôn Đại Trà, xã Đông Phương). Nghệ thuật kiến trúc

chùa chiền ở Hải Phòng cũng được phát triển mạnh vào thế kỷ 16 - thời nhà Mạc với các di tích tiêu biểu như di tích Trà Phương, Hoa Liễu, Nhân Trai, Đại Trà, Minh Thị, Hà Lâu, Trung Hành, Bách Phương...[17]

Khi Vua Gia Long lên ngôi năm 1802, công việc trước tiên của ông là lập lại nền an ninh, trật tự trong nước, tôn sùng Nho giáo, do đó ảnh hưởng đạo Phật mỗi ngày mỗi lu mờ, phai nhạt dần. Mặt khác, nhà Nguyễn đóng đô ở Huế, do đó hoạt động xây dựng, tu bổ chùa chiền ở miền Bắc nói chung, ở Hải Phòng nói riêng cũng lắng xuống, bởi vậy số lượng chùa chiền mang phong cách thời Nguyễn ở Hải Phòng rất ít.

Khi người Pháp bắt đầu đặt nền đô hộ trên đất nước ta thì Hải Phòng lại trở thành một đô thị mang đậm dấu ấn kiến trúc Pháp với những nhà hát lớn, nhà dân, bến cảng... Về tôn giáo, việc truyền bá Thiên chúa giáo của người Pháp đã khiến Phật giáo ngày càng suy giảm sự ảnh hưởng của mình. Các công trình nhà thờ Công giáo cũng được xây dựng và đến hiện nay vẫn còn khá nhiều tại Hải Phòng.

Trong thời kì kháng chiến chống Pháp, Phật giáo Việt Nam đã thành lập các tổ chức “*Tăng già cứu quốc*”, “*Đoàn Phật giáo cứu quốc*”, “*Bộ đội Tăng già*”, “*Hội Phật giáo cứu quốc*” các cấp để quy tụ, vận động và tổ chức cho tăng ni, Phật tử tham gia cách mạng, ủng hộ kháng chiến. Đại đa số các ngôi chùa miền Bắc đã trở thành cơ sở cách mạng, dự trữ quân lương, nuôi giấu cán bộ. Ở Hải Phòng có thể kể đến các ngôi chùa tiêu biểu như chùa Ninh Cường, chùa Cổ Lễ, chùa Vọng Cung, chùa Hàng... Đặc biệt phải kể đến sự kiện 15 sư tăng thuộc tổ chức bộ đội tăng già thuộc huyện Thủy Nguyên (Hải Phòng) đã tình nguyện nhập ngũ lên đường bảo vệ Tổ quốc, và trong trận chiến đấu bảo vệ cho chính nghĩa đó, 3 nhà sư đã anh dũng hy sinh[30]. Ngoài ra còn rất nhiều tấm gương của các vị sư, cư sĩ Phật giáo yêu nước khác của Hải Phòng đã tham gia vào cuộc kháng chiến.

1.2.3. Thời hiện đại (1945 - nay)

Những năm 80, do điều kiện chiến tranh, khó khăn về kinh tế, hạn chế về nhận thức và những nguyên nhân lịch sử khác nên việc tu bổ, sửa chữa chùa (chưa nói đến việc xây dựng mới) hầu như chưa được quan tâm đúng mức. Vì thế, ở Hải Phòng phần lớn các chùa đều xuống cấp, đổ nát, hoặc bị tháo dỡ. Nếu bình quân mỗi làng có một ngôi chùa thì số chùa đã đổ nát, đã bị tiêu hủy (có thể còn nền móng, hoặc không còn dấu tích gì) còn nhiều hơn số đó.

Quá trình phục hồi các cơ sở thờ tự tín ngưỡng, tôn giáo chỉ thực sự diễn ra từ sau năm 1975, khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, nhưng chủ yếu là từ sau năm 1990, khi Bộ Chính trị có Nghị quyết số 24/NQ-TW về *“Tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới”* [19].

Theo nghiên cứu của Ban Dân vận Thành uỷ Hải Phòng (trong đề tài khoa học *“Nghiên cứu cơ bản tình hình tôn giáo và công tác tôn giáo ở Hải Phòng hiện nay, 11/1996”*), cả thành phố chỉ còn 321 ngôi chùa cổ (có trước năm 1955). Cũng theo thống kê của Ban Dân vận, tính đến 6/1993, cả thành phố có 447 cơ sở thờ tự Phật giáo, trong đó, ngoài 321 ngôi chùa cổ, có 84 chùa được xây mới và 42 cơ sở khác được “biến thành chùa”. Tính hỗn dung tôn giáo cũng thể hiện rất rõ trong cách bài trí điện thờ trong các chùa (238/447 chùa có điện thờ mẫu; 122/447 chùa có hạ ban; 64/447 chùa có thờ thành hoàng). Tuy nhiên từ năm 1993 đến nay, tổng số tự viện trong thành phố đã tăng lên 539 ngôi, trong đó có rất nhiều ngôi chùa được xây mới, hoặc xây lại trên nền đất cũ.

Đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy Phật giáo Hải Phòng phát triển đồng thời thực thi trách nhiệm quản lý hoạt động Phật sự tại Hải Phòng hiện nay, không thể không nhắc đến sự hiện diện của Thành hội Phật giáo Hải Phòng. Kể từ sau đại hội đại biểu thống nhất Phật giáo Việt Nam được tổ chức tại Hà Nội vào tháng 11 năm 1981, thành lập ra Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phật giáo thành phố Hải Phòng cũng tiến hành Đại hội Phật giáo lần thứ nhất. Từ đó đến nay Thành hội Phật giáo Hải Phòng cũng đã trải qua 7 kỳ Đại hội. Trong đó, Đại hội Đại biểu Phật

giáo thành phố lần thứ VII, nhiệm kỳ 2012 - 2017 đã cử ra Ban Trị sự Thành Hội Phật giáo gồm 39 thành viên do Hòa thượng Thích Quảng Mẫn làm Chứng minh Ban Trị sự và Hòa thượng Thích Quảng Tùng làm Trưởng ban Trị sự Phật giáo thành phố. Trụ sở của Thành hội Phật giáo Hải Phòng được đặt tại chùa Nam Hải - phố Hai Bà Trưng – quận Lê Chân [22].

+ **Hoạt động Tăng sự:** Tổng số chùa toàn Thành phố là 539 ngôi, trong đó có 168 chùa có Tăng Ni trụ trì, tổng cộng có 306 Tăng Ni, 54 tỷ khiêu Tăng, 210 tỷ khiêu Ni, 11 sa di Tăng, 31 sa di Ni, 19 hình đồng Tăng Ni, 1 Hoà thượng, 1 Thượng toạ và 11 Ni sư.

+ **Công tác tổ chức an cư kết hạ:** Liên tục trong nhiều năm nay, Thành hội đã tổ chức khóa hạ an cư cho Tăng Ni tại hai địa điểm là Trường hạ của chùa Nam Hải (197 Hai Bà Trưng, quận Lê Chân) và Trường hạ của chùa Vĩnh Phúc (Trữ Khê - Kiến An) sau này chuyển về chùa Linh Quang (An Đà - Đằng Giang - Ngô Quyền). Số lượng và chất lượng Tăng Ni mỗi năm dự khóa hạ an cư đều tăng. Năm 2003 có 157 vị, đến năm 2007 tăng lên 196 vị.

+ **Công tác bổ nhiệm trụ trì:** Thường trực Ban trị sự Thành hội đã quyết định bổ nhiệm cho 21 Tăng Ni trụ trì và kiêm nhiệm trụ trì, trong đó có 4 Tăng Ni ở ngoại tỉnh (Thái Bình, Bà Rịa Vũng Tàu, Nam Định, An Giang).

+ **Công tác trùng tu, tôn tạo chùa cảnh:** Trong những năm qua hàng trăm ngôi chùa đã được đầu tư xây dựng, bao gồm cả việc trùng tạo, tôn tại và xây dựng chùa mới tiêu biểu như: chùa Dư Hàng, Phổ Chiếu, Hải Ninh, Linh Quang, An Dương, Hào Khê, Quang Minh... Đặc biệt có chùa được xây dựng mới là chùa Viên Giác - Trung tâm sinh hoạt Phật giáo huyện Kiến Thụy. Tổng kinh phí trùng tu, tôn tạo các ngôi chùa Hải Phòng lên tới trên 270 tỷ đồng.

+ **Hoạt động giáo dục Tăng Ni:** Thành hội đã tổ chức rất nhiều khóa học cho các Tăng Ni sinh, trong đó có các Tăng Ni sinh ở các tỉnh khác đến theo học như: Quảng Ninh, Thái Bình, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên... Đến nay, Tăng

Ni toàn thành phố đã có 2 thạc sỹ Phật học, 51 cử nhân Phật học, 3 cử nhân Triết học Phương Đông, 3 Tăng Ni sinh đang theo lớp Triết học tại Hà nội, 3 Tăng Ni sinh du học tại Đài Loan, Australia và hơn 175 vị có trình độ trung cấp Phật học.

+ **Hoạt động của Ban hoằng pháp:** Chương trình thuyết giảng Phật Pháp được thực hiện liên tục có hiệu quả và phát triển sâu rộng từ hình thức đến nội dung như tại các chùa Nam Hải, Dư Hàng, Phổ Chiếu, Linh Độ, Hồng Phúc, Hoa Linh, Hải Ninh, Linh Quang và Trung tâm Phật giáo các huyện vào 10 ngày trai, ngày chủ nhật. Thành hội đã tổ chức 280 khóa tu Bát quan trai, khóa tu tịnh độ cho các Phật tử tại tổ đình Phúc Lâm, Phổ Chiếu, Hoa Linh, Hồng Phúc, Hải Ninh, Linh Độ, một khóa tu có từ 100 - 500 người.

+ **Hoạt động văn hóa:** Đến nay có 35 ngôi cổ tự được Nhà nước xếp hạng di tích văn hóa cấp quốc gia và 61 chùa được đăng ký di tích lịch sử văn hóa, lịch sử kháng chiến cấp thành phố. Đến nay đã có 135 ngôi chùa đạt danh hiệu chùa “tinh tiến”, được Thành hội và Ủy ban MTTQ thành phố trao bằng chứng nhận và tặng Bằng khen. Công tác văn nghệ và triển lãm rất phong phú và thu hút đông đảo quần chúng tham gia.

+ **Hoạt động nghi lễ:** Mỗi năm Đại lễ Phật Đản có gần 10 ngàn Tăng Ni tham dự. Tại các lễ đài ở địa phương, các chùa đều tổ chức thuyết giảng ý nghĩa ngày Đản sinh Đức Phật, thả bóng bay hoà bình, thả đèn trời, phóng đăng. Lễ Vu Lan báo hiếu được tổ chức trang nghiêm, trọng thể, phong phú, tiết kiệm, gắn bó giữa đạo và đời. Đặc biệt năm 2005, Thành hội Phật giáo Hải Phòng đã tổ chức Đại lễ cầu siêu tại nghĩa trang liệt sỹ Trường Sơn, nghĩa trang đường 9, nghĩa trang Thành cổ Quảng Trị, Nghĩa trang Ngã ba Đồng Lộc, tỉnh Hà Tĩnh cho 167 Tăng Ni và 1.100 tín đồ Phật tử. Năm 2006 Thành hội Phật giáo đã tổ chức đoàn Tăng Ni gồm 77 vị và 850 tín đồ Phật tử về thăm viếng và tổ chức Đại lễ cầu siêu các liệt sỹ tại nhà tù Sơn La, nghĩa trang liệt sỹ Him Lam, đồi Độc Lập, đồi A1 và Tông Khao. Năm 2007, nhân kỷ niệm 60 năm ngày thương binh liệt sỹ, Thành hội Phật giáo đã

tổ chức đoàn Tăng Ni gồm 150 vị và 1.300 tín đồ làm lễ cắt băng khánh thành Đài tưởng niệm liệt sĩ Hải Phòng và Nghĩa trang Trường Sơn. Đại lễ đã thấp hàng ngàn ngọn nến, phóng sinh, thả bóng bay, chim hoà bình, thả đèn trời, phóng đăng cầu nguyện thế giới hoà bình...

+ ***Hoạt động hướng dẫn Phật tử:*** Thành hội Phật giáo đã tổ chức Hội thi giáo lý cho các Phật tử 11 quận huyện, cấp giấy chứng nhận cho Phật tử đã trúng tuyển qua kỳ thi giáo lý là 1.700 Phật tử. Hướng dẫn Phật tử thành lập Đạo tràng Tỉnh độ, Đạo tràng Pháp Hoa, Đạo tràng Bát quan trai, Đạo tràng Bồ tát tại các chùa Phúc Lâm, Phổ Chiếu, Linh Độ, Linh Quang, Hải Ninh, Nguyệt Quang, Phổ Minh... Từng bước động viên Phật tử đến chùa nghe pháp, tu học, hướng dẫn Phật tử đọc và nghiên cứu kinh sách, tập văn, báo Giác ngộ.

+ ***Hoạt động từ thiện:*** Thành hội Phật giáo Hải Phòng đã xây dựng 36 ngôi nhà tình nghĩa và đại đoàn kết. Tổng số tiền từ thiện chỉ trong 5 năm (2002 - 2007) là 30 tỷ đồng.

+ ***Quan hệ Phật giáo quốc tế:*** Tham quan giao lưu với Phật giáo Trung Quốc, Đài Loan. Tham dự hội nghị du lịch văn hóa tâm linh Phật giáo do Chính phủ Ấn Độ tổ chức tại Niudêli, hội nghị thế giới diễn đàn nhân dân Á Âu ASEM, tham gia đoàn Phật giáo Việt Nam dự hội nghị chăm sóc người nhiễm HIV tại Thái Lan, tham dự đại lễ Phật đản quốc tế tại các nước...

+ ***Hoạt động xây dựng và bảo vệ tổ quốc:*** Rất nhiều Tăng ni tham gia vào Hội đồng nhân dân thành phố, tham gia các đoàn thể xã hội như uỷ viên Mặt trận tổ quốc, tham gia ban chấp hành Hội chữ thập đỏ, Uỷ ban bảo vệ hoà bình, Hội khoa học lịch sử Thành phố, Hội phụ nữ và Hội liên hiệp thanh niên...

Với những thành tích đáng kể đó, Thành hội Phật giáo Hải Phòng đã nhận rất nhiều bằng khen, huân chương do nhà nước trao tặng như: Huân chương lao động hạng 3 do Nhà nước trao tặng, bằng khen của Thủ tướng Chính, bằng khen cá nhân

của Ủy ban TW Mặt trận tổ quốc Việt Nam, bằng khen của UBND Thành phố và rất nhiều bằng khen cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

Trong suốt những năm hoạt động, Thành hội Phật giáo Hải Phòng đã không ngừng kiện toàn và phát triển, chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong các hoạt động tôn giáo, thực hiện đúng phương châm của Giáo hội Phật giáo Việt Nam: “Đạo pháp - Dân tộc và Chủ nghĩa xã hội”, hoàn toàn xứng đáng với sự tin tưởng của các thế hệ Tăng ni, Phật tử và nhân dân thành phố, góp phần quan trọng trong sự nghiệp hoàng dương Phật pháp tại Hải Phòng.

1.2. Đặc điểm Phật giáo ở Hải Phòng

1.2.1. Các tông phái Phật giáo ở Hải Phòng

Không riêng gì Đạo Phật, tất cả các tôn giáo lớn trên thế giới, theo với thời gian và sự phát triển, đều có chia ra nhiều tông phái. Sự phân phái ấy là một lẽ đương nhiên phải có để cho các căn cơ và hoàn cảnh khác nhau đều có thể thích hợp được cũng như để có thể phát triển được cả về bề sâu cũng như bề rộng. Không giống như những tôn giáo khác, Đạo Phật không có những giáo điều thần khai, không có một tinh thần gò bó trong những hình thức hẹp hòi, câu nệ, nên Đạo Phật đi đến đâu cũng có thể phát triển đúng theo căn cơ và hoàn cảnh riêng biệt ở địa phương ấy, do đó mà Đạo Phật có rất nhiều màu sắc riêng biệt khi được truyền bá ở các quốc gia và các nền văn hóa khác nhau.

Riêng ở Trung Hoa, Đạo Phật chia thành mười tông phái. Trong mỗi tông phái đều có đặc điểm riêng, nhưng không bao giờ vượt ra ngoài giáo pháp của Phật. Những tông phái này cũng như những con đường khác nhau, có đường thẳng đường cong, đường cao đường thấp, đường rộng đường hẹp, nhưng con đường nào cũng đưa đến một mục đích chung. Hành giả tùy theo trình độ, trí thức, khả năng, sở thích riêng mà lựa chọn con đường thích hợp với mình nhất để tu tập, có như thế thì sự tu hành mới chóng có kết quả. Mười tông phái ở

Trung Hoa là: Luật tông, Tịnh độ tông, Thiền tông, Pháp tướng tông, Mật tông, Thiên thai tông, Hoa nghiêm tông, Tam luận tông, Câu xá tông và Thành thật tông. Trong 10 tông phái này, Câu xá tông và Thành thật tông chủ trương về Tiểu Thừa; Luật tông và Thiền tông thông cả Đại và Tiểu Thừa, còn 6 tông kia thuộc về Đại Thừa.

Về phương diện lịch sử, Phật Giáo Việt Nam chịu ảnh hưởng nhiều ở Phật Giáo Trung Hoa. Tuy nhiên khi truyền vào Việt Nam thì chỉ có 3 tông phái là Thiền Tông, Mật Tông và Tịnh Độ Tông là có nhiều ảnh hưởng sâu rộng nhất và tồn tại cùng với văn hóa nước ta, tuy nhiên cũng có sự biến chuyển nhất định để phù hợp với tín ngưỡng bản địa.

Phật giáo Hải Phòng là một bộ phận của Phật giáo Việt Nam do đó cũng bao gồm 3 tông phái chính là Thiền Tông, Mật Tông và Tịnh Độ Tông. Tuy nhiên, trong khi Thiền Tông ở Việt Nam có nhiều dòng phái như Tỳ Ni đa lưu chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường, Trúc Lâm, Lâm Tế, Tào Động, Liên Tôn, Liễu Quán, thì Phật giáo Hải Phòng chịu ảnh hưởng chủ yếu của dòng Thiền Trúc Lâm bởi vị trí nằm gần với trung tâm Phật giáo Yên Tử. Bên cạnh đó là sự ảnh hưởng của tông phái Đại thừa Tịnh độ, còn nhìn chung ảnh hưởng của Mật tông tương đối mờ nhạt.

1.2.1.1. Thiền Tông

Thiền là phương pháp để chính tâm, nhất ý, tập trung điều thiện duy trì trong tâm, ý thức những ý niệm dơ bẩn để khử diệt.

Thiền tông được du nhập vào Việt Nam rất sớm và đã có những sự kết hợp nhất định tạo thành nét riêng biệt của Phật giáo nước ta. Khi nói đến Thiền Tông ở Việt Nam thì người ta thấy có các Thiền phái là:

+ ***Thiền phái Vinitaruci:*** Đây chính là dòng thiền của Tỳ ni đa lưu chi - ông là người Ấn Độ, qua Trung Hoa truyền bá đạo Phật rồi đến chùa Pháp Vân ở làng Cổ Châu - Long Biên vào năm 580. Thiền phái Vinitaruci kéo dài 19 thế hệ với 29 vị thiền sư, vị thiền sư cuối cùng là Y Sơn thuộc thế hệ 19 mất năm 1213 [12; 243].

+ **Thiền phái Vô Ngôn Thông:** Năm 820 nhà sư Trung Hoa Vô Ngôn Thông sang Việt Nam, tu ở chùa Kiến Sơn - Phù Đồng - Tiên Du - Bắc Ninh (nay là Gia Lâm - Hà Nội) và mất năm 826. Thiền phái này có 17 thế hệ với 40 vị thiền sư, kéo dài đến thế kỉ XIII. Thiền phái Vô Ngôn Thông của Việt Nam chịu ảnh hưởng nhiều của Trung Hoa thể hiện ở việc tổ chức tự viện, sử dụng rất nhiều các kinh Pháp Hoa. Thiền phái này nhấn mạnh đến chủ trương *Đốn ngộ* (con người có thể trong giây lát đạt được giác ngộ) và *Vô đắc* (sự giác ngộ không phải do người khác mà phải tự mình thực hiện) nên rất gần gũi với đời sống nhập thế trong khi vẫn duy trì sinh hoạt tâm linh độc lập. Vua Lý Thái Tông được suy tôn là sư tổ đời thứ 12 của phái Vô Ngôn Thông, ngoài ra có thể kể đến sự kế truyền của Không Lộ Thiền sư, Nguyễn Học Thiền sư và Giác Hải Thiền sư...[12; 243].

+ **Thiền phái Thảo Đường:** Năm 1069, vua Lý Thánh Tông đem quân sang đánh Chiêm Thành thì bắt được một nhà sư Trung Hoa sang truyền đạo Phật tên là Thảo Đường. Do khâm phục tài học và đạo đức của Thảo Đường mà vua đã phong làm Quốc sư. Ông trụ trì ở chùa Khai Quốc (chùa Trấn Quốc ngày nay). Thiền phái Thảo đường có khuynh hướng thiên về tri thức và văn học, dung hợp Phật giáo và Nho giáo. Thiền phái Thảo Đường kéo dài 6 thế hệ, gồm có 19 người thì có tới 9 người là cư sĩ (gồm vua và quan), trong đó có Lý Thánh Tông, Lý Anh Tông và Lý Cao Tông [12; 243].

+ **Thiền phái Trúc Lâm:** Đầu thế kỉ XIII, ba Thiền phái Thảo Đường, Vô Ngôn Thông và Tỳ Ni đa lưu chi (Vinitaruci) dần dần hoà nhập thành một. Do ảnh hưởng lớn của Trần Thái Tông và Tuệ Trung Thượng sĩ, sự sát nhập của 3 Thiền phái đã đưa đến sự phát triển của Thiền phái Yên Tử thành thiền phái Trúc Lâm - Thiền phái duy nhất thời Trần. Thiền phái Yên Tử được mở đầu bởi Thiền sư Hiện Quang, xuất phát từ núi Yên Tử. Vị tổ thứ hai là Thiền sư Viên Chứng, hiệu là Trúc Lâm, được phong là Quốc sư, là thầy của Trần Thái Tông. Thiền phái Yên Tử gồm 23 thế hệ trong đó Vua Trần Thái Tông là thế hệ thứ 3, Trần Thánh Tông thuộc thế

hệ thứ 4 và vua Trần Nhân Tông xuất gia lấy hiệu là Trúc Lâm Thiền sư thuộc thế hệ thứ 6. Tuy nhiên chính vua Trần Nhân Tông là người đã khiến cho Thiền phái Yên Tử lan rộng trong dân chúng, vì lẽ đó mà Trần Nhân Tông cùng với Thiền sư Pháp Loa và Thiền sư Huyền Quang được xem là ba vị tổ của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Có thể nói Thiền phái này giữ một vai trò vô cùng quan trọng trong thời bấy giờ, góp phần tích cực trong việc xây dựng một xã hội trên nền tảng luân lý Phật giáo, lấy giáo lý Phật giáo làm cơ bản cho đạo đức xã hội, liên kết được toàn dân trong việc xây dựng và bảo vệ đất nước [28].

Hải Phòng là một trong những địa bàn hoằng pháp trọng yếu của dòng thiền Trúc Lâm với rất nhiều ngôi chùa nổi tiếng như chùa Hàm Long - một công trình tôn giáo đạo Phật do nhân dân xã Thuỷ Đường - huyện Thuỷ Nguyên - Hải Phòng xây dựng từ thế kỷ 17, thời hậu Lê. Có thể nói đây là một trong những sơn môn lớn của phái Thiền Tông chịu sự ảnh hưởng của tông phái Thiền Trúc Lâm thời Trần. Chùa Dư Hàng (phường Hồ Nam - quận Lê Chân) cũng là một trong những ngôi chùa có dấu ấn đậm nét của dòng Thiền Trúc Lâm này. Từ xa xưa, tín đồ Phật tử và nhân dân Hải Phòng - Xứ Đông đã một lòng hướng về cõi thiêng Yên Tử - nơi đất Phật trời Nam. Người Xứ Đông, không mấy ai không nhớ câu ca: “Trăm năm công đức tu hành, Chưa về Yên Tử chưa thành kiếp tu”.

1.2.1.2. Mật Tông

Mật Tông là tông phái bắt nguồn từ tín ngưỡng dân gian Ấn Độ. Mật Tông chấp nhận sự có mặt của các thần linh được thờ cúng trong dân gian, nó được phát triển rất sâu rộng trong dân chúng và là sinh hoạt tín ngưỡng hấp dẫn của nhân dân lao động. Tông phái này chủ trương sử dụng những phép tu huyền bí như dùng linh phù, mật chú, ấn quyết... để thu hút tín đồ và mau chóng đạt đến giác ngộ và giải thoát [12; 244]. Có thể nói Mật Tông rất phù hợp với phong tục, tập quán, tín ngưỡng của người Việt. Nhiều nghiên cứu cũng cho rằng, Mật Tông là một dòng

của Phật giáo dưới thời Lý. Dấu ấn Mật tông có thể tìm thấy trong các hoạt động cúng bái và chạy đàn tại một số ngôi chùa ở Hải Phòng.

1.2.1.3. Tịnh Độ Tông

Tông này thuộc về Đại thừa, chủ trương dạy người chuyên tâm niệm Phật để được vãng sanh về cõi Tịnh độ của Phật A Di Đà. Đây là một trong nhiều pháp môn của Phật, mà đặc điểm là dễ tu, dễ chứng, rất thích hợp với đại đa số quần chúng. Với pháp môn này, bất luận hạng người nào, trong thời gian nào, hoàn cảnh nào, cũng có thể tu hành được. Nếu so sánh với con đường đi, thì tông này là một đại lộ bằng phẳng, rộng rãi, mát mẻ, hành giả dễ đi mà mau đến, không sợ gặp nguy hiểm chướng ngại giữa đường [31].

Tịnh Độ Tông ra đời ở Ấn Độ vào khoảng thế kỉ thứ V, rồi được truyền vào Việt Nam do công của sư Đàm Hoành. Khác với Thiền Tông, Tịnh Độ Tông có phương pháp tu hành hết sức đơn giản, chủ trương dựa vào sự giúp đỡ bên ngoài. Các tín đồ luôn niệm danh “*Phật A Di Đà*”, Phật tử luôn phải thành tâm tin vào Phật A Di Đà thì sẽ được an cư lạc nghiệp, khi chết sẽ được giải thoát, được sự giúp đỡ của Ngài mà đạt thành chính quả. Tịnh Độ Tông cũng không coi trọng học vấn, không phân biệt chúng sinh về mọi mặt do đó đáp ứng được nguyện vọng của đa số quần chúng là những người ít học, chính vì thế mà khi ra đời Tịnh Độ Tông đã phát triển rất nhanh chóng. Hầu hết các ngôi chùa ở Hải Phòng hiện nay đều theo giáo lý và thực hành tu tập của phái Tịnh Độ, yêu cầu người tu hành chỉ cần thường xuyên lên chùa lễ Phật, thắp hương và tụng niệm danh xưng A Di Đà Phật.

Như vậy Đạo Phật truyền vào Hải Phòng có 3 tông phái chính. Tuy nhiên Phật giáo Việt Nam nói chung và Hải Phòng nói riêng không tách biệt rạch ròi mà tổng hợp, dung hòa các tông phái cùng với tín ngưỡng bản địa với nhau. Thiền Tông có sự pha trộn với Mật Tông thể hiện ở việc rất nhiều Thiền sư tham gia vào chính trị, góp phần củng cố đất nước. Mật Tông cũng có sự kết hợp với tín ngưỡng bản địa nên mới có thể tồn tại trong dân chúng đến ngày nay. Đạo Phật Việt Nam

cũng không có sự tách bạch giữa các phương pháp tu hành mà chủ trương dung hợp giữa “tự lực” và “tha lực”, tức là có sự cố gắng của bản thân và sự giúp đỡ từ bên ngoài - đây là một biểu hiện của sự kết hợp giữa Thiền Tông và Tịnh Độ Tông. Sự kết hợp này còn biểu hiện ngay ở sự đa dạng các loại tượng Phật trong chùa, mỗi loại tượng lại có nhiều dạng khác nhau. Như vậy Phật giáo Việt Nam là sự tổng hòa đa dạng, vừa giữ được cái cốt lõi của đạo Phật nguyên thủy vừa có sự biến đổi để có thể dung hòa và tồn tại lâu dài trong suốt quá trình lịch sử nhiều biến động của một thành phố giữ vị trí chiến lược về quân sự và kinh tế như Hải Phòng.

Ngoài ra, du nhập vào Việt Nam và Hải Phòng, Phật giáo hình thành và phát triển theo truyền thống của cư dân, phát triển như dòng họ thế tục. Việc quản lý, kỷ luật sư sãi đều do Sơn môn, Pháp phái giải quyết. Giáo hội chung chỉ chủ trương và định hướng những công tác Phật sự lớn và có tính tổng thể. Còn các hoạt động tôn giáo cụ thể như: tiếp độ tăng ni, truyền thụ giới luật, trì giảng kinh điển, các nghi thức tôn giáo... đều mang tính Sơn môn, Hệ phái, và do người đứng đầu Sơn môn, Hệ phái chỉ đạo thực hiện [31].

1.2.2. Đặc điểm kiến trúc Phật giáo Hải Phòng.

Con người và kiến trúc có mối quan hệ mật thiết với nhau. Bằng trí tuệ, tài năng sáng tạo của mình, con người đã tạo ra các công trình kiến trúc - nghệ thuật đặc sắc. Mặt khác, sản phẩm kiến trúc lại phản ánh bộ mặt văn hóa, quan niệm về nhân sinh và phản ứng của con người trước những thách thức của thiên nhiên. Có thể nói, kiến trúc ghi nhận cuộc sống và tình cảm của con người một cách trung thực nhất.

Đối với Phật giáo, cơ sở thờ tự chủ yếu và quan trọng nhất là các ngôi chùa. Ở Việt Nam, làng quê nào cũng có chùa, ở thành phố cũng có nhiều ngôi chùa nằm rải rác khắp các khu phố. Chùa Việt Nam bốn mùa đều mang một vẻ đẹp kín đáo, thâm lặng, khiến mỗi người khi bước chân đến “đất chùa” đều thấy tâm hồn mình hướng về điều thiện. Chùa ở Việt Nam không cao lớn, đồ sộ, không lộng lẫy như

chùa ở một số nước khác là do điều kiện khí hậu khắc nghiệt với mưa dầm, bão lớn, không khí ẩm thấp, mà vật liệu xây dựng truyền thống của người Việt lại chủ yếu dùng gỗ và gạch ngói. Tuy nhiên do ngôi chùa là một nơi sinh hoạt tín ngưỡng quan trọng đối với người dân nên khi xây dựng chùa người ta cũng cố gắng chọn những vật liệu tốt nhất có thể được.

Vẻ đẹp của ngôi chùa Việt Nam trước hết là ở chỗ hài hòa với cảnh quan môi trường xung quanh. Ở vùng trung du, hầu hết các chùa được xây dựng trên triền núi hoặc lấy núi làm chỗ dựa (Chùa Tây Phương xây dựng trên núi Câu Lâu, chùa Thầy nằm gối vào sườn núi Phật Tích...). Ở vùng đồng bằng, chùa thường được xây dựng trên một gò đất cao cạnh làng, cách xa nhà dân để phân biệt cõi Phật và cõi Trần. Bên cạnh chùa thường là đầm sen, ao hồ hay sông nước làm cho chùa thêm vẻ thanh tịnh (Chùa Trấn Quốc, chùa Một Cột, tháp Báo Thiên...). Có thể nói núi non, sông nước và chùa chiền là những yếu tố không thể tách rời nhau [30].

Cũng giống như nhiều địa phương khác trong cả nước, hầu như mỗi làng cổ của Hải Phòng đều có ít nhất một ngôi chùa. Các sinh hoạt văn hóa làng, các sinh hoạt tôn giáo cũng như các giá trị văn hóa Phật giáo được thể hiện rõ nhất trong và thông qua hệ thống chùa chiền.

Cũng giống như các ngôi chùa khác trong cả nước, chùa Hải Phòng luôn có mối quan hệ chặt chẽ với cảnh quan thiên nhiên, hoà quyện vào thiên nhiên để tạo thành một tổng thể thống nhất. Tổ hợp kiến trúc chùa thường hình thành từ các yếu tố chủ yếu sau: Tam quan (cổng) - sân - vườn - hồ (ao) - nhà.

Chùa Hải Phòng thường được đặt ở những nơi địa linh, đó là vùng đất tươi tốt, cao ráo, sáng sủa, đẹp đẽ, nơi con người cảm thấy sáng khoái, yên ổn, sức sống dồi dào... Trước mặt hoặc bên cạnh (chủ yếu là bên phải) có thể có dòng chảy như sông, suối, kênh, mương, hồ, giếng, có thể là tự nhiên hoặc do con người đào đắp cùng với kiến trúc chùa tạo nên một cặp âm – dương đối đãi. Quanh chùa thường có nhiều cây cổ thụ, phổ biến là các loại cây như bồ đề, đại, muỗm, mít, gạo...

Ngoài ra, trong chùa còn có thể đặt một số loại cây cảnh với hình dáng đẹp. Nhiều chùa ở Hải Phòng có không gian, thế đất rất đẹp như chùa Mỹ Cự - Thuỷ Nguyên, chùa tháp Tường Long - Đồ Sơn, chùa Long Hoa - An Lão, chùa Vẽ - Ngô Quyền, chùa Phổ Chiêu - Lê Chân... [20]

Mỗi ngôi chùa có một kiểu dáng, phong cách kiến trúc khác nhau. Các ngôi chùa Việt Nam, nhất là chùa miền Bắc, thường có kết cấu theo hình chữ “Công” (đối với các chùa cỡ trung bình), chữ “Đình” (đối với các chùa nhỏ), hoặc “Nội công ngoại quốc” (đối với các chùa lớn), một số chùa có kết cấu kiểu chữ “Tam”, hoặc chữ “Nhị”. Nhưng kiểu chữ “Công” là phổ biến hơn cả. Các chùa ở Hải Phòng cũng có nhiều kiểu kết cấu khác nhau. Phần lớn các chùa nhỏ ở ngoại thành có kết cấu chữ “Đình”, gồm nhà Bái đường nối liền với Chính điện. Ngoài ra, do nhu cầu và điều kiện thực tế, một số chùa còn xây dựng thêm những công trình phụ cận khác như xây nhà Tăng tách khỏi nhà Tổ, hoặc xây nhà khách, giảng đường, trai phòng, tượng đài, bảo tháp... tạo nên nhiều kiểu kiến trúc đa dạng.

Hầu như các chùa ở Hải Phòng đều được thiết kế theo phong cách ngôi nhà Việt Nam cổ truyền với hình thức mái cong, có ba gian hoặc năm gian, với cấu trúc khung gỗ là chính. Cấu trúc của mỗi ngôi chùa có thể rất khác nhau ở các kiểu vì (vì giá chiêng, vì chồng rường, vì kèo trụ trốn, vì ván mê...); khác nhau ở việc tạo dựng, bài trí tượng thờ, hoành phi, câu đối, cửa cổng, trang trí bằng nhiều loại hoa văn, họa tiết khác nhau; ở hệ thống bảo tháp, văn bia, chuông, khánh, đỉnh đồng, kinh sách, đồ thờ các loại... Giá trị văn hóa của mỗi ngôi chùa có thể không giống nhau, nhưng đều là những sản phẩm tiêu biểu về kiến trúc trong các thời đại trước đây, ở đó chứa đựng nhiều thông điệp của cha ông thế hệ trước gửi gắm lại cho con cháu sau này. Có thể tìm thấy nhiều ngôi chùa tiêu biểu cho nghệ thuật kiến trúc Phật giáo ở Hải Phòng như: chùa Dư Hàng - Lê Chân, chùa Nhân Lý, chùa Hoàng Pha, chùa Mai Động - Thuỷ Nguyên, chùa Đồng Quan - Vĩnh Bảo, chùa Văn Hoà - Kiến Thụy, chùa Đông Khê - Ngô Quyền... [17]

Ghé thăm những ngôi chùa cổ kính ở Hải Phòng, mọi người đều không khỏi thán phục truyền thống kiến trúc điêu khắc xưa. Bằng bàn tay khéo léo, khối óc thông minh và trái tim nhiệt thành, nhiều thế hệ nghệ nhân Hải Phòng đã để lại cho con cháu hôm nay và mai sau nhiều công trình kiến trúc - nghệ thuật độc đáo, thâm đậm sắc thái văn hóa dân tộc. Các công trình kiến trúc đặc sắc hiện còn đều được làm bằng gỗ lim nguyên cây. Đỉnh cao về kiến trúc và điêu khắc của các công trình đều được tập trung vào tòa kiến trúc chính. Kiến trúc chính bao giờ cũng cao rộng, thoáng đãng hơn, thường là không hề cần một vạt tường, tất cả sức nặng cứ dồn xuống những chiếc cột dựng vững vàng trên chân tảng bằng đá. Chùa ở Hải Phòng, mỗi vì kèo thường có 4 cột gọi là “tứ hàng chân”. Những hàng chân quy định chiều rộng của lòng nhà. Nghiên cứu kích thước của một số chùa như chùa Dư Hàng, chùa Đông Khê, chùa Phụng Pháp... ta sẽ thấy chiều rộng của lòng nhà chính là cơ sở chiều rộng cho các gian, cơ sở khoảng cách giữa các cột cái, cột con và chiều cao của cột liên quan chặt chẽ đến độ dốc của mái. Khung kiến trúc là sự liên kết tài tình của gỗ, chỉ cần mộng mọt, không cần đến sự tham gia của một chút kim loại nào. Các mái kiến trúc thường chiếm hai phần ba chiều cao của kiến trúc, xoè rộng và lan xuống thấp có tác dụng chống nắng, chống mưa và chống gió, bão.

Nghệ thuật kiến trúc chùa chiền ở Hải Phòng được phát triển mạnh vào thế kỷ 16, tiêu biểu là các di tích Trà Phương, Hoa Liễu, Nhân Trai, Đại Trà, Minh Thị, Hà Lâu, Trung Hành, Bách Phương... [17]

Hiện nay, nhiều chùa được xây dựng, trùng tu, tôn tạo vẫn giữ được nét kiến trúc truyền thống cổ xưa, với kết cấu gỗ là chủ yếu. Tuy nhiên do giá gỗ (tứ thiết) tăng quá cao, lại khan hiếm nên nhiều chùa chuyển sang kiến trúc bê tông (giả gỗ), hoặc kết hợp bê tông (giả gỗ) và kiến trúc gỗ. Một số chùa được xây dựng không theo phong cách truyền thống (chùa gỗ và về nguyên tắc không được cao hơn lùm cây cổ thụ trong chùa), mà theo lối bê tông hóa kiểu hiện đại, hoặc làm chùa cao tầng, điển hình là chùa Đỏ, Ngô Quyền. Các chùa được xây dựng lớn và có giá trị

về kiến trúc, văn hóa tập trung chủ yếu ở khu vực nội thành, những nơi tập trung đông dân cư, nơi buôn bán sầm uất (nhiều chùa được xây dựng với kinh phí hàng tỷ đồng, thậm chí một số chùa được xây với kinh phí hàng chục tỷ). Phần lớn các chùa ở nông thôn thường có quy mô nhỏ, ít có giá trị về kiến trúc, xây dựng. Có thể xem việc xây dựng chùa ở Hải Phòng trong những năm qua là điển hình của cả nước. Bên cạnh một số ngôi chùa cổ được tôn tạo, vẫn giữ được nguyên giá trị kiến trúc và quy mô như chùa Dư Hàng, chùa Đông Khê... , nhiều ngôi chùa được xây lại với quy mô lớn hơn, vừa có được nét kiến trúc đẹp cổ kính, vừa hiện đại như chùa An Đà, chùa Vẽ, chùa Vền, chùa Đồng Thiện, chùa Đôn, chùa Phả Chiếu... Chùa Đỏ, mặc dù được làm theo lối mới bằng bê tông, nhưng cũng có kiến trúc khá đẹp, góp phần tạo thêm sự đa dạng trong phong cách xây dựng chùa hiện nay ở thành phố. Tuy nhiên cũng có những ngôi chùa được xây dựng với kinh phí khá lớn nhưng chất lượng chung chưa hẳn đã cao, chưa hẳn đã đẹp, nhất là khi xem xét về bố cục tổng thể, về kiến trúc, về quy hoạch không gian... Mặc dù vậy có thể nói sự có mặt của các ngôi chùa nói trên đã góp phần tạo thêm sự đa dạng trong phong cách xây dựng chùa hiện nay ở thành phố, và cũng là nơi thu hút đông đảo du khách đến văn cảnh.

Đến nay, trong tổng số 539 ngôi chùa, thì có 35 ngôi cổ tự được Nhà nước xếp hạng di tích cấp quốc gia, 61 ngôi chùa được đăng ký di tích lịch sử cấp thành phố. Tại Hải Phòng, hiện có 02 thạc sỹ Phật học, 51 cử nhân Phật học, 04 cử nhân cao đẳng Phật học và hàng trăm tăng, ni sinh tốt nghiệp trung cấp Phật học. Hải Phòng cũng có trường trung cấp Phật học - đây là một trong những trường trung cấp Phật học đầu tiên của cả nước và vừa qua cũng là trường đầu tiên được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận nâng cấp thành Trường Trung - Cao đẳng Phật học vùng Duyên hải. Nhà trường cũng được cấp 3ha đất để xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác đào tạo Tăng tài. Như vậy mặc dù chưa có nhiều cao tăng trình độ uyên thâm như thế hệ trước, nhưng với đội ngũ tăng, ni sinh được đào tạo

bài bản như vậy, có thể khẳng định, trình độ chung của các nhà sư Hải Phòng hiện nay đã được nâng cao đáng kể.

Thành phố Cảng Hải Phòng đang ngày càng đổi mới, nhưng những mái chùa cổ kính, rêu phong vẫn là hình ảnh Việt Nam thân quen trong con mắt của mỗi người dân. Việc bảo tồn những di tích kiến trúc - nghệ thuật cổ là trách nhiệm lịch sử không chỉ của các nhà quản lý mà còn là của mỗi người dân thành phố.

Tiểu kết chương 1

Như vậy, theo nhiều nghiên cứu lịch sử, vùng đất Đồ Sơn - Hải Phòng ngày nay là nơi đón nhận ánh sáng Phật pháp truyền vào nước ta sớm nhất. Từ đó đến nay Phật giáo Hải Phòng đã trải qua rất nhiều thăng trầm nhưng nhìn chung, vẫn gìn giữ, bảo tồn và phát huy được những giá trị cốt lõi của đạo Phật nguyên thủy, trở thành một bộ phận quan trọng của Phật giáo cả nước, một địa bàn hoàng pháp trọng yếu của xứ Đông.

Trong suốt hơn 2000 năm phát triển, Phật giáo Hải Phòng chịu ảnh hưởng của cả 3 tông phái: Thiền Tông, Mật Tông và Tịnh Độ Tông, tuy nhiên dấu ấn của Tịnh Độ tông và Thiền tông mà cụ thể là Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là đậm nét hơn cả.

539 ngôi tự viện trên toàn thành phố không phải là một con số lớn so với các địa phương khác trên cả nước, song cũng là một cố gắng lớn của một vùng đất vốn là trọng điểm về quân sự như Hải Phòng. Mỗi ngôi tự viện đều là một công trình kiến trúc nghệ thuật độc đáo, không chỉ thể hiện tài năng của người nghệ nhân mà còn ẩn chứa những thông điệp quý giá mà các bậc tiền nhân muốn truyền lại cho hậu thế; mỗi bức tượng, mỗi văn bia, minh chuông hay kinh sách đều gửi gắm bao tâm tư của cha ông về sự nghiệp xây đắp nước nhà. Ngoài việc là nơi sinh hoạt tôn giáo, các cơ sở thờ tự này, xưa kia là nơi lưu giấu binh sĩ trong mỗi biến cố lịch sử của dân tộc, nay lại trở thành điểm thăm quan hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước, đóng góp không nhỏ vào việc phát triển kinh tế thành phố. Xây dựng

chùa mới, tu bổ chùa cũ, phục dựng lại một số danh lam - thắng tích - cổ tự đã mất luôn là mục tiêu và nguyện vọng cháy bỏng của Tăng ni, Phật tử Hải Phòng.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KHAI THÁC MỘT SỐ NGÔI CHÙA CỔ TIÊU BIỂU Ở HẢI PHÒNG

2.1. Các ngôi chùa cổ tiêu biểu ở Hải Phòng

Theo thống kê của Thành hội Phật giáo Hải Phòng, tổng số tự viện trong toàn thành phố là 539 ngôi, trong đó có rất nhiều ngôi chùa nổi tiếng có lịch sử hàng ngàn năm. Tuy nhiên trong phạm vi hạn hẹp của đề tài nghiên cứu, người viết chỉ tập trung giới thiệu 3 ngôi chùa cổ tiêu biểu đó là chùa Hàng, chùa Vẽ và chùa Trà Phương. Những ngôi chùa này không chỉ là những tự viện đẹp về mặt kiến trúc và bề thế về mặt quy mô mà còn mang trong mình những giá trị lịch sử vô giá cũng những nét độc đáo, riêng biệt không thể trộn lẫn.

2.1.1. Chùa Hàng - Sơn môn của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử

2.1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Chùa Dư Hàng tọa lạc ở số 121 phố Dư Hàng, phường Hồ Nam, quận Lê Chân (trước thuộc xã Dư Hàng Kênh - huyện An Dương), cách trung tâm thành phố 2 km về phía Tây Nam, từ trung tâm thành phố có thể theo đường Nguyễn Đức Cảnh rồi rẽ trái vào đường Cát Cụt, đi thẳng qua con phố này là đến phố chùa Hàng, đi khoảng 800 m nữa là ta đứng trước cổng chùa Hàng.

Chùa Hàng còn có tên chữ là Phúc Lâm Tự, là một ngôi chùa cổ kính, có qui mô vào loại lớn ở Hải Phòng. Chùa xưa kia là một thảo am (lều cỏ), chỉ được dựng bằng tre lá.

Nếu căn cứ vào bản ghi chép trên bia ký của chùa Dư Hàng thì chùa có nguồn gốc từ thời Tiền Lê (980- 1009). Vào cuối thời vua Lê Đại Hành thường có vị sư tổ đến đây thuyết pháp, khai sáng giáo lý nhà Phật. Đến thời Trần (1225- 1400), các vị sư tổ thiền phái Trúc Lâm do vua Trần Nhân Tông sáng lập ở Yên Tử Sơn, đã có mối quan hệ với bản chùa Dư Hàng. Vì vậy, từ xưa đến nay, chùa Dư Hàng vẫn truyền lệ kỷ niệm húy nhật vị sư tổ đệ nhất "*Diễn Ngự giác hoàng tinh tuệ thiền sư*", tức vua Trần Nhân Tông vào ngày 2-11 âm lịch và vị tổ thứ 3 của phái Trúc Lâm là thiền sư Huyền Quang Lý Đạo Tái vào ngày 3-11 âm lịch [20].

Đến đời vua Lê Gia Tông, vào năm 1672, quan Đô úy Nguyễn Đình Sách từ quan xuất gia, lấy pháp hiệu Chân Huyền đã xuất tiền và kêu gọi nhân dân đóng góp tiền để tậu ruộng đất, làm chùa to rộng, có đủ gác chuông, nhà thờ tổ, nhà tăng. Đến đời Thành Thái, vào năm 1899, Hòa thượng Thông Hạnh đã trùng tu ngôi chùa, xây gác chuông. Năm 1917, chùa được sửa chữa lại to đẹp hơn và còn lại đến ngày nay. Trụ trì chùa hiện nay là Thượng tọa Thích Quảng Tùng đang tổ chức đại trùng tu ngôi chùa. Quy mô của chùa được hoàn thiện và xây dựng thêm thư các, vườn tượng, sửa sang vườn tháp trong những năm gần đây theo phong cách nghệ thuật thời Nguyễn.

Cho đến nay, dù phải trải qua nhiều thăng trầm lịch sử, ngôi chùa đã được các thế hệ hòa thượng, tăng ni, tín đồ phật tử sở tại chung sức, chung lòng sửa sang, gìn giữ, trông coi để chùa ngày thêm khang trang, đẹp đẽ. Chùa hàng năm cũng thu hút rất đông các tín đồ phật tử từ khắp các nơi trong cả nước cũng như khách du lịch, đặc biệt là trong dịp lễ hội chùa.

2.1.1.2. Giá trị kiến trúc - nghệ thuật

So với nhiều ngôi chùa thờ phật ở Hải Phòng, chùa Dư Hàng có kiến trúc bề thế, khuôn viên hoàn chỉnh. Chùa Hàng cũng hiện là một trong số ít chùa vẫn giữ được giá trị kiến trúc quần thể gần gũi với thiên nhiên, thanh bình giữa lòng thành phố. Chùa Hàng xây theo kiểu chữ "đình", hai bên là nhà tổ, nhà hậu. Bước chân qua cổng Tam quan được xây rất đẹp là một Gác chuông 5 gian 3 tầng, mái đao cong vút treo một quả chuông đồng cỡ lớn, chữ đề: "Phúc Lâm tự chung", nghĩa là chuông chùa Phúc Lâm [17].

Tiền đường cách gác chuông một sân rộng; bên phải là 5 gian nhà tổ, nhà thọ trai và nhà ngang; bên trái là 5 gian nhà hậu. Tiền đường có 7 gian dựng theo kiểu vì kèo giá chiêng. Ở sân trước tiền đường có đặt một đỉnh lớn bằng đồng hun. Năm gian thượng điện cũng dựng bằng gỗ, có những vì kèo chạm trổ tinh tế.

Tại tòa Phật điện, hiện còn lưu giữ được nhiều pho tượng phật cổ có giá trị, tạo hình chuẩn xác như bộ Tam thế, tòa Cửu long - Thích ca sơ sinh, Hộ thiện, Trừ ác, bộ tượng "Thập điện minh vương", tượng Hộ Pháp, tượng Trúc Lâm Tam Tổ... Nội thất tòa phật điện được trang trí nhiều bức hoành phi, câu đối, cửa võng sơn son, thếp vàng rực rỡ, đường nét mềm mại, kỹ thuật tinh xảo, được thể hiện qua các mảng đề tài hoa lá, cỏ cây, muông thú, mang phong cách nghệ thuật triều Nguyễn do các nghệ nhân Hà Nam Ninh tạc vào cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Gian tiền đường của tòa phật điện được trang trí bằng nhiều mảng chạm khắc nổi trên cửa võng, nhiều mảng đề tài quen thuộc: mai đĩnh, ngũ phúc, rồng mây... thể hiện ước muốn của muôn dân cho "mưa thuận, gió hòa, cỏ cây tươi tốt", hộp hình khắc gỗ mô tả cảnh thầy trò Đường tăng trên đường sang Tây Trúc thỉnh kinh [21].

Hiện nay, chùa Dư Hàng còn bảo lưu nhiều di vật quý giá như chuông, khánh, đỉnh đồng, đồ trang trí mỹ thuật bằng gốm sứ, đá xanh. Bên cạnh đó, khu vườn tháp tĩnh mịch, rợp mát bóng cây cổ thụ xanh tươi là một trong những điểm nhấn giá trị nhất của chùa Hàng, ngoài nhóm 9 mộ tháp ở bên trái cổng Tam quan có chứa xá lý các vị tổ thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, tháp sư cụ Chân Huyền và

nhiều vị hòa thượng đã từng trụ trì tại chùa Dư Hàng, phía bên phải chùa còn có vườn tượng - một tuyệt tác nghệ thuật với mười hai pho tượng được chạm khắc tinh xảo, bố trí rất công phu. Giữa vườn là một hồ nước rộng, tượng Phật Tổ màu vàng ngồi trên tòa sen dưới tán cây bồ đề cao lớn tỏa bóng mát và Phật Di Lặc trong tư thế đang đứng được đặt đối diện nhau ở hai bên hồ. Cả hai pho tượng đều được đúc bằng đồng, xung quanh hồ còn có mười vị Tôn giả trong các tư thế và hình dáng khác nhau được tạc bằng đá trắng. Hồ nước lớn được đặt ở giữa vườn vừa tạo sự yên ả, tĩnh mịch vừa mang lại yếu tố phong thủy cho Chùa.

2.1.1.3. Giá trị lịch sử - tâm linh

Không chỉ là một trong những địa bàn hoằng pháp của thiền phái Trúc Lâm dưới thời nhà Trần, nơi đã từng lưu giữ dấu chân của Phật hoàng Trần Nhân Tông và Tam tổ Trúc Lâm Huyền Quang trên đường hành hương về Yên Tử, chùa Dư Hàng còn là một trong những di tích lịch sử quan trọng gắn liền với sự nghiệp kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước của dân tộc. Sau Cách mạng tháng Tám (1945), Hội Tăng già cứu quốc Hải Phòng đã làm lễ ra mắt tại chùa, tổ chức "Tuần lễ vàng", đồng thời các đoàn thể quần chúng cách mạng họp bàn việc đón tiếp Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đường từ Pháp trở về Việt nam, ghé thăm đồng bào, chiến sĩ Hải Phòng [17]..

Năm 1962, tại chùa đã diễn ra một sự kiện quan trọng, gắn liền với phong trào đấu tranh yêu nước, đòi quyền dân sinh, dân chủ của tăng ni, Phật tử cùng đông đảo học sinh, thầy giáo, thợ thuyền lao động. Họ đã tập trung tại chùa Dư Hàng làm lễ truy điệu nhà yêu nước Phan Chu Trinh, khi cả nước được tin cụ mất tại Sài Gòn.

Suốt 9 năm kháng chiến, chùa Dư Hàng đã mở rộng cửa thiền nuôi giấu cán bộ, ủng hộ kháng chiến qua phong trào "áo ấm mùa Đông" cho binh sĩ, lương thực nuôi quân. Có nhiều vị tu hành ở chùa đã hăng hái tòng quân cứu nước, tiêu biểu có

cổ hòa thượng Đình Quang Lạc đã được Chính phủ trao tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba. Từ năm 1961 chùa đã được liệt hạng bảo tồn, được công nhận là di tích lịch sử văn hóa quốc gia vào năm 1978 [30].

Đặc biệt trong chùa còn lưu giữ bộ kinh phật Tràng A Hàm Cổ. Bản kinh này gồm 290 bản khắc trên gỗ. Mỗi bản đều được khắc cả hai mặt. Mỗi bản khắc gỗ có kích thước chiều dài 37cm, chiều rộng 23,5cm, dày 2,5cm. Đây là một tài liệu giáo khoa để truyền bá giáo lý đạo Phật xa xưa, có giá trị to lớn về mặt lịch sử, điều khắc.

Không chỉ là một ngôi chùa có giá trị lớn về mặt kiến trúc và mỹ thuật, chùa Dur Hàng có ảnh hưởng lớn đến đời sống tâm linh của người dân thành phố, có thể nói đã là người Hải Phòng, ai cũng biết đến chùa Dur Hàng, đến trụ trì thượng tọa Thích quảng Tùng. Hiện nay con đường dẫn vào Phúc Lâm Tự cũng được đặt tên là đường Chùa Hàng với ý nghĩa con đường dẫn vào chùa Hàng. Chùa Dur Hàng là một điểm đến rất có giá trị và không thể bỏ qua trong một chuyến du lịch khi đến với thành phố hoa phượng đỏ.

2.1.2. Chùa Vẽ - Công trình lưu niệm về chiến thắng Bạch Đằng lần thứ 3

2.1.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Từ lâu, Chùa Vẽ (tên chữ là Hoa Linh tự) đã nổi lên như một trong những chốn già lam cổ kính nhất của đô thị Hải Phòng. Người dân thành phố vẫn còn nhớ câu phương ngôn: "Gạo chùa Đông - Thông chùa Đà - Đa chùa Vẽ" - hoài niệm về một thời hưng thịnh của Phật giáo Hải Phòng. Là một di tích kiến trúc - nghệ thuật đặc sắc, có giá trị về nhiều mặt, chùa Vẽ đã được hưởng sự chăm sóc của nhiều thế hệ, nhiều triều đại, mà dấu vết còn đọng lại trong kiến trúc, tượng pháp, đồ thờ, đồ tế khí hay không gian thiêng hoặc ẩn sâu trong từng mỗi nét chạm, đường soi... Mặt khác, chùa Vẽ còn là một trong những di tích lịch sử quan trọng của hệ thống di tích tưởng niệm về Chiến thắng Bạch Đằng lần thứ nhất - năm 938 và lần thứ ba - năm 1288 [22].

Chùa đặt tại đường Đà Nẵng, phường Đông Hải I, quận Hải An. Theo truyền ngôn, khởi thủy chùa Vẽ là một thảo am nhỏ bằng tranh tre nứa lá thờ Phật của bà con chài - nông dân vùng cửa sông Cấm. Đến thời Ngô Vương Quyền trung hưng nền độc lập dân tộc (sau chiến thắng Bạch Đằng năm 938), các làng xã lần lượt ra đời thì rất tự nhiên thảo am này hóa thân thành cổ tự của làng Đoạn Xá (tên gốc là Đoàn Xá - làng của người họ Đoàn), huyện An Dương, phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương (nay là phường Đông Hải I, quận Hải An, thành phố Hải Phòng) [22].

Mùa hè năm Tân Dậu (1921), nhà sư Trần Quảng Trân về trụ trì; đến năm Nhâm Tuất, sư trụ trì thấy cách thức xây dựng của chùa cổ theo mẫu mực chật hẹp, hơn nữa trải đã lâu đời, núi sông đổi sắc, mộng tuột, cột nghiêng, bèn bàn với dân hợp sức xây dựng, mở mang chùa cảnh. Nhân đó tạo thành thượng điện, tiền đường, hai bên cung cấm, tất cả 11 gian đều dùng gỗ lim, ngói tốt; xây dựng nhà sau, đắp đường, đào ao, trồng cây, việc trùng tu 2 năm mới hoàn thành...". Tiếp theo đó, Bia "Trùng tu Hoa Linh tự chi bi" khắc năm 1924 cung cấp: "Ngày 1 tháng 10 năm Giáp Tý niên hiệu Khải Định thứ 9 (1924), xã Đoạn Xá, tổng Hạ Đoạn, huyện An Dương, các hương hào, chức dịch hợp cùng với cụ Trần Quảng Trân là sư trụ trì nhà chùa để làm bài ký khắc vào bia như sau: Nguyên địa phương có một thắng cảnh là ngôi chùa có tên Hoa Linh; là nơi danh lam cổ kính, khí tốt của non sông hun đúc thành, nhân dân phụng sự từ các triều trước tới nay thực sự đã lâu ngày, cung trong chùa ngoài gồm 6 gian [22].

Với kiến trúc đẹp, quy hoạch gọn gàng, hệ thống tượng pháp, bia ký, điều khắc có giá trị nhiều mặt, chùa Vẽ hiện tồn tại không chỉ nhờ kết quả của những lần trùng tu trong lịch sử, mà còn là thành tựu viên mãn trong các lần cải tạo nâng cấp đầy trách nhiệm và giàu tuệ minh của Ni sư Thích Tâm Chính những năm gần đây. Ni sư Thích Tâm Chính sinh năm Nhâm Dần - 1962, người Vũ Lăng, Tiền Hải, tỉnh Thái Bình bắt đầu tiếp nhận trụ trì chùa vào năm 1995. Ni sư vốn là đệ tử tâm phúc

của Ni trưởng Thích Đàm Thăng trụ trì Tổ đình (sơn môn) Đông Khê. Khởi thủy, Tổ đình thuộc dòng Thiền Trúc Lâm, rồi phái Tế - Trúc và nay thuộc phái Lâm Tế.

Đến nay, trải qua nhiều thế hệ, chùa Vẽ đã được trùng tu, tôn tạo trở nên khang trang hơn, quy mô lớn hơn nhưng vẫn giữ được nét kiến trúc đẹp, vừa cổ kính, vừa hiện đại, là một trong những ngôi chùa đẹp nhất của thành phố Hải Phòng.

2.1.2.2. Giá trị kiến trúc - nghệ thuật

Hiện nay, chùa Vẽ là một công trình kiến trúc nghệ thuật có quy mô lớn, tọa lạc trên một khuôn viên rộng rãi, thoáng mát, gồm: Tam quan "Hoa Linh Bảo Tự" với 2 tầng 8 mái đao cong; tòa điện Phật với 9 gian cao rộng dệ thường (5 gian tiền đường và 4 gian hậu cung) và tòa thờ tổ thông thống 5 gian cổ kính. Ngoài ra, còn có nhà bia, nhà tri khách, tòa hậu Phật, trai phòng, khu học xá, giảng đường, khu phụ, khu vườn "Lâm Tỳ Ni" và tượng đài kỷ niệm "Đức Phật Thích Ca và thập đại đệ tử" thu nhỏ rất sống động, lầu Quán Thế Âm bát giác - nơi an vị thần tượng "Ngọc Phật Quán Thế Âm tứ diện" trên hồ long trì... [22].

Chùa chính gồm 2 đơn nguyên kiến trúc: điện Phật và tòa thờ Tổ. Tòa điện Phật có cấu trúc mặt bằng hình chữ Đinh quen thuộc, gồm 5 gian tiền đường và 4 gian hậu cung; tòa thờ Tổ 5 gian hình chữ Nhất. Ngoài hệ thống cột cái, cột quân bằng gỗ lim nguyên cây, thẳng tắp, hai người ôm không xuể, các bộ phận kiến trúc khác của toàn điện Phật và tòa thờ Tổ như: câu đầu, quá giang, xà nách, ván lá gió, ván lá dong, cốn mê, rường, đấu, hoành, xà ngưỡng, bẩy hiên, bộ cánh cửa... đều được làm bằng gỗ lim chắc khỏe. Mỗi vì kèo gồm 4 hàng cột (tứ hàng chân), với kết cấu kiểu "chồng rường giá chiêng" - "tiền kẻ hậu bẩy", phần nhiều là bào trơn đóng bén. Chạm khắc trang trí kiến trúc với hình rồng, phượng, hoa sen, mây, lá... được thể hiện ở những vị trí có điều kiện phô diễn vẻ đẹp như: lá guột, câu đầu, cốn mê, rường, bẩy, đầu dư hoặc cánh cửa... Đặc biệt, nghệ thuật chạm khắc trang trí vẫn còn giữ được vẻ trang nghiêm trong bố cục: đăng đối từ hình khối đến đường

nét. Về mặt khối hình, những đường nét điêu khắc thể hiện trên bộ cánh cửa kiểu "thượng song hạ bản" khá tròn trĩnh, nổi rõ khối hình, nét chạm trau truốt, thiên về diễn tả chiều sâu... [22].

Tòa thờ Tổ là nơi an vị tượng tổ dòng Thiên là Bồ Đề Đạt Ma và thần tượng các vị sư tổ kế đăng của chùa. Tượng Bồ Đề Đạt Ma được đặt ở nơi cao nhất, trang trọng nhất trên ban thờ Tổ của chùa. Tượng được thể hiện ở tư thế đứng, tóc nổi khối gọn gàng, óp sát đầu. Mặt hao hao gầy, thể hiện rõ các quý tướng: tai to, dầy tay dày, trán cao, nhân trung nở... Đây là một trong những tác phẩm điêu khắc tượng tròn hoàn mỹ ở chùa Vẽ [22].

Chùa Vẽ không chỉ thờ Phật mà còn phối thờ Đức Ngô Vương Quyền, Đức Thánh Trần, Tam tòa Thánh Mẫu và các vị Hậu Phật... Theo đó, ở tòa điện Phật, ngôi Tam Bảo được đặt ở vị trí trung tâm, bên tả gian (nhìn từ ngoài vào) đặt Cung thờ Đức Ông và Ban Vong thờ Địa Tạng Bồ Tát làm chủ thần cùng 6 vị Hậu Phật; bên hữu gian đặt Cung thờ Tam tòa Thánh Mẫu. Đối với ban thờ Cung Đức Ông, tượng Đức Thánh Thánh Trần đặt ở ngôi vị trung tâm, bên tả là tượng Đức Ngô Vương Quyền và bên hữu là tượng Đức Ông Cấp Cô Độc [22].

Ban thờ Cung Tam tòa Thánh Mẫu gồm tượng các Mẫu: Thượng Thiên phủ (trang phục màu đỏ); Thượng Ngàn phủ (trang phục màu xanh); Thoải phủ/Thủy phủ (trang phục màu trắng); tượng Ngũ Vị Tôn Ông; tượng Tứ vị Quan Hoàng; tượng Thánh Cô, Thánh Cậu và tượng Quan Âm Thiên thủ Thiên nhãn (nghìn mắt nghìn tay) chiếm ngôi vị trung tâm... Trong tín ngưỡng nguyên thủy bản địa của người Việt có tục thờ Tam Phủ hay còn gọi là Tam tòa Thánh Mẫu, đó là ba bà mẹ được coi là ba vị chúa tể sáng tạo ra ba vùng Trời - Đất (cả rừng núi) - Nước (biển cả và sông ngòi). Với tín ngưỡng này, ở nhiều chùa đã lập ban thờ (hoặc miếu, phủ) Tam tòa Thánh Mẫu. Cung Tam phủ ở chùa Vẽ cũng không làm ngoài thông lệ đó.

Phật Quan Âm Thiên thủ thiên nhãn (còn gọi là Quan Âm Nam Hải hoặc Quan Âm chuẩn đề) chính là Quan thế âm bồ tát trong bộ Di đà tam tôn. Theo kinh

Phật thuyết về đức Adidà, thì Quan thế âm bồ tát có tài biến hóa thành nhiều diện sắc, Nghìn mắt nghìn tay là một trong những diện sắc ấy. Hình tượng đáng Phật Quan âm có nghìn mắt (để thấu hết mọi cực khổ của chúng sinh), có nghìn tay (để mang lại nghìn điều lành cho chúng sinh) là một hình tượng huyền thoại. Các pho tượng Quan âm ở chùa Vẽ được thể hiện đều toát lên đức độ từ bi của Phật Bà; toát lên sự linh cảm của đức Phật luôn "tâm thanh cứu khổ" cho chúng sinh [22].

Trên điện Phật (tòa Tam Bảo), nhìn từ trong ra và từ trên xuống thì ở nơi cao và sâu nhất là nơi an vị bộ tượng Tam thế (thường trụ Tam thế diệu pháp thân) là 3 pho. Tượng được thể hiện ngồi trên tòa sen trong tư thế thiền định. Tiếp đến là bộ tượng Di đà tam tôn với Adidà ngồi giữa, hai bên có hai trợ thủ là Quan Thế âm Bồ tát và Đại Thế chí Bồ tát. Adidà là pho tượng cao lớn nhất trên điện Phật. Đầu tượng chạm kiểu "bụt ốc", nổi chồm "nhục kháo" và "vô kiến đỉnh tướng" như tượng Tam thế, Thích Ca niệm hoa. Các hàng tóc xoắn, xếp đều là biểu tượng những chữ "Thánh" của nhà Phật, tượng trưng cho hội tụ sức mạnh vô lượng, vô biên của nhà Phật. Bộ mặt thanh tú, mắt khép hờ, miệng thoáng cười hàm tiếu. Đại Thế chí Bồ tát có thần lực to lớn đến cùng cực, ngài thường dùng trí tuệ soi sáng mười phương, khiến chúng sinh nhờ đó mà thoát khỏi đường mê. Ngài đặt chân tới đâu thì tất cả cõi đại thiên thế giới chấn động, cung điện ma vương cũng phải nghiêng ngả. Ngài hóa thân làm đệ tử của Phật Tổ, một lòng bảo vệ Phật pháp, giáo hóa chúng sinh. Tượng Đức Thế Tôn ngồi ở trung tâm Phật điện, hai bên có trợ thủ là Anandà và Mahacadiếp cưỡi trên lưng bạch tượng (voi trắng) và thanh sư (sư tử xanh) hợp thành bộ Thích Ca niệm hoa. Bộ tượng "Cửu Long và Thích Ca sơ sinh" và pho Phật Thích Ca nhập niết bàn là những tác phẩm điêu khắc của chùa Vẽ luôn nhận được sự quan tâm của giới nghiên cứu mỹ thuật cổ [22].

Phía trước tòa Tam Bảo Tam Bảo là tượng Hộ Pháp khuyến thiện và trừng ác rất lớn. Hai pho đều mặc áo giáp trụ kiểu thiên tướng, chân đi hài mũi cong. Giáp trụ thể hiện nhiều lớp, trên áo trang trí nhiều vân xoắn lớn và những mảng đậm

nhật, cao thấp khác nhau. Đây là một trong những pho tượng Hộ Pháp thuộc loại lớn nhất ở Hải Phòng.

So với nhiều chùa ở Hải Phòng, chùa Vẽ còn là một trong số cổ tự hiếm hoi có sự hiện diện của tượng chân thân Đức Thích Ca nhập niết bàn và tượng chân dung 6 vị Hậu Phật hết sức sống động. Tượng Thích Ca nhập niết bàn được thể hiện trong tư thế nằm nghiêng bên phải, mặt nhìn ra ngoài, cổ đeo chuỗi anh lạc, giữa ngực có hình chữ "Vạn" lớn. Không phải du khách nào cũng thấu hiểu ý nghĩa của chữ "Vạn" - biểu tượng thiêng liêng của Phật giáo. Biểu tượng chữ "Vạn" trong Phật giáo được xem như biểu thị cho chữ Pháp (dharma), thể hiện sự hài hoà, sự hoà hợp và cân bằng âm dương của vũ trụ. Khi chữ "Vạn" quay theo chiều trái, ngược với chiều quay của kim đồng hồ là sự thể hiện tình thương và lòng từ bi cứu khổ, lòng nhân từ, khoan dung trong Đạo Phật. Chiều thuận theo chiều quay đồng hồ thể hiện cho sức mạnh, trí tuệ và sự thông minh, sự bền vững, trường tồn, bất diệt. Trong kinh Kim Cương Bát Nhã, Đức Phật là Thánh vương chuyển luân có 32 tướng tốt, và biểu tượng của chữ "Vạn" là một trong 32 quý tướng của Phật. Kinh A Hàm thì ghi cụ thể hơn, chữ "Vạn" là quý tướng thứ 16 nằm trước ngực của đức Phật Thích Ca [22].

Đối với tín đồ Phật tử Hải Phòng, cứ mỗi khi tết đến xuân về, mọi người lại nô nức rủ nhau về chùa Vẽ lễ Phật và cầu chúc cho nhau: "Một mùa xuân Di Lặc - một mùa xuân an lạc", nhắc nhở nhau hãy tu tập và thực hành theo Hạnh nguyện của Đức Di Lặc - Ngài Từ Thị Bồ Tát nhân dịp ngày khánh đản của Ngài (mùng 1 Tết Nguyên đán). Để đáp ứng tâm nguyện của tín đồ Phật tử và du khách thập phương, Ni sư Thích Thích Tâm Chính cùng các nhà đàn việt đã dốc tâm công đức tạc pho tượng Đức Từ Thị Bồ Tát - Đức Di Lặc bằng bạch thạch đặt tại thiền viên khoáng đạt và linh thiêng.

Trong chùa Vẽ có khu vực vườn tượng, mô phỏng lại huyền tích về sự ra đời của Đức Phật Thích Ca. Tương truyền Hoàng hậu Maya khi "trở dạ" tay vịn vào

cây vô ưu mà sinh ra Đức Phật. Đức Phật vừa sinh ra liền có 9 con rồng phun nước thơm xuống để tắm cho Ngài, hai vị thiên đế là Đế Thích và Phạm Thiên, cùng các thiên thần tiên nữ đến dâng hoa ca múa chào mừng. Vừa xuất hiện trên trần thế, Người liền bước đi 7 bước, dưới chân mỗi bước nở một bông sen, rồi đưa tay trái chỉ lên trời, tay phải chỉ xuống đất mà nói: Trên có trời, dưới có đất, ở giữa duy nhất chỉ có ta. Phật thoại về đản sinh của Đức Phật không những chỉ được thể hiện qua nghệ thuật điêu khắc của tòa "Cửu Long và Thích Ca sơ sinh" như nhiều ngôi chùa Việt Nam khác, mà ở chùa Vẽ còn được tái hiện sinh động bởi vườn "Lâm Tỳ Ni" thu nhỏ, đầy kỳ công. Đề cập đến chủ đề Phật thoại, chùa Vẽ còn có nhóm tượng kể về sự tích Đức Phật thuyết pháp cho anh em ông Kiều Trần Như; về Phật Thích Ca và thập đại đệ tử; về tượng Ngọc Phật Quán Âm... [22].

Theo đó, các pho tượng của khu tượng đài "Phật Tổ và thập đại đệ tử" (đặt tại khu vườn thiền phía trước Phật điện) được làm bằng đá trắng, phỏng theo mẫu tượng kinh điển của Phật giáo nguyên thủy. Thập đại đệ tử của Đức Phật gồm: Tôn giả Xá Lợi Phất; Tôn giả Mục Kiều Liên; Tôn giả Đại Ca Diếp; Tôn giả Tu Bồ Đề; Tôn giả Ca Chiên Diên; Tôn giả Phú Lâu Na; Tôn giả A Na Luật; Tôn giả Ưu Ba Li; Tôn giả A Nan và Tôn giả La Hầu La.

Có thể nói, kể từ ngày về trụ trì chùa Vẽ thì một trong nhiều thành tựu Phật sự viên mãn của Ni sư Thích Tâm Chính là đã phát nguyện kiến tạo tòa Ngọc Phật Quán Âm Tứ diện để chào mừng Đại lễ kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội và cầu quốc thái dân an. Theo Ni sư Tâm Chính, thành tựu này có được là nhờ cơ duyên. Trong lúc nhà Chùa, tín đồ Phật tử và nhà hảo tâm đang dốc tâm tìm kiếm đá quý để tạc tượng thì nghe tin ở thành phố Mậu Danh, tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc), người ta vừa tìm thấy một khối ngọc thạch nephrite nặng tới 14,5 tấn ở núi Ngọc Nam. Các nhà nghiên cứu ngọc học cho biết khối đá quý này thuộc nhóm ngọc Jade có chất lượng tốt thường được dùng để làm đồ trang sức (nhiều đồ trang sức tìm thấy trong di chỉ khảo cổ học Tràng Kênh ở Thủy Nguyên cũng được chế

tác từ loại ngọc Jade quý hiếm này). Sau khi trúng thầu, ngày 15-10-2009, khối ngọc được đưa từ mỏ về Xưởng công nghệ điêu khắc đá Thềm Bình, huyện Huệ An, tỉnh Phúc Kiến (Trung Quốc). Dựa theo khuôn mẫu của tượng Quán Âm Tứ diện rất phổ biến của Phật giáo Thái Lan, các nghệ nhân Xưởng công nghệ điêu khắc Bình Thềm dày công phác thảo, chỉnh sửa nhiều lần hình khối, tư thế, sắc diện, bố cục của tượng Ngọc Phật theo ý tưởng của Ni sư Tâm Chính và các nhà tư vấn mỹ thuật Việt Nam. Sau hơn 2 tháng kiên nhẫn chế tác, chạm khắc tỉ mỉ, pho tượng ngọc thạch Quán Âm Bồ Tát tọa đài sen tứ diện trang nghiêm đã hoàn thành. Bảo tượng là khối điêu khắc nghệ thuật cao 2 mét: Pho tượng Quán Âm Tứ diện ngọc thành được thể hiện ngồi trên đài sen trụ tròn 2 tầng, bệ sen có đường kính 1,35 mét đặt trên bệ hình bát giác 3 tầng. Ngọc Phật nặng 9,5 tấn được làm từ khối ngọc bích 14,5 tấn. Kim thân bảo tượng là hình ảnh Phật Bà trong tư thế thiền định kiết già hàng ma thiền trên tòa sen, với 8 đôi tay ngọc ở thế ấn chú: Liên hoa hợp chưởng, cầm cành dương và tịnh bình (bình nước cam lồ)...Kim thân và sắc diện ngọc Phật đối về bốn phương để quan sát đau khổ và lắng nghe tiếng kêu cứu của chúng sinh ở khắp mọi nơi, sẵn sàng dùng tha lực, phương tiện hạ hóa cứu độ chúng sinh. Sau khi hoàn tất các nghi lễ chú nguyện theo cổ lệ, ngày 31-11-2011, pho tượng ngọc Phật chính thức được đặt tên là: Ngọc Phật Quán Âm (tên đầy đủ là Quán Âm Tứ diện Ngọc Phật chú nguyện hoà bình thế giới) và làm lễ an vị tại tượng Ngọc Phật tại Lầu bát giác Quán Âm tọa lạc trên hồ long trì Cổ tự Hoa Linh (Chùa Vẽ) [22].

Có thể nói chùa Vẽ là một trong số ít ngôi chùa có hệ thống tượng pháp của to lớn như người thật, sơn son thếp vàng lộng lẫy và hầu hết có niên đại thế kỷ XVIII - XIX. Ngoài ra, chùa còn là nơi bảo tồn nhiều đồ thờ, y môn, cửa võng, câu đối, đại tự...to lớn dị thường và đều là những tác phẩm nghệ thuật điêu khắc ở trình độ điêu luyện.

2.1.2.3. Giá trị lịch sử - tâm linh

Về giá trị lịch sử, tục truyền rằng, quá trình chuẩn bị cho trận quyết chiến chiến lược trên sông Bạch Đằng trong cuộc kháng chiến chống quân Nguyên lần thứ ba (năm 1288), Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn - Tổng chỉ huy quân đội nhà Trần đã trực tiếp chọn chùa Đoạn Xá làm mật cứ chỉ đạo các thám binh về lại sơ đồ địa hình vùng cửa biển Bạch Đằng giúp Bộ Chỉ huy kháng chiến xây dựng thế trận Bạch Đằng năm 1288. Nhờ sự che chở, giúp đỡ của nhà sư trụ trì và dân làng, Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn và đội quân trinh sát đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [22].

Sau ngày đất nước ca khúc khải hoàn, Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn đã nhiều lần trở lại thăm quân và dân vùng chiến trường xưa. Một lần về thăm Đoạn Xá, Người đã bỏ tiền, bạc riêng để giúp dân Đoạn Xá trùng tu, tôn tạo ngôi chùa làng. Hưng Đạo Đại vương đã trực tiếp chọn hướng cho ngôi chùa mới và ban cho tên chữ là Hoa Linh, nhân dân địa phương gọi là chùa Vẽ, được xây dựng với quy mô rộng lớn hơn nhiều theo đồ hình "nội công ngoại quốc". Lúc bấy giờ, các công trình bố cục theo một trục dọc: Tam quan, sân chùa đến tiền đường 7 gian, 3 gian nhà cầu và 5 gian đại điện, chái hạ xối, đao tàu chéo góc; nhà tháp, cột to; kèm hai bên là tòa thờ tổ, điện Tứ phủ, hành lang... Bên trái tòa điện Phật (nhìn từ ngoài vào) là điện thờ Ngô Vương Quyền và bên phải là điện thờ Đức Thánh Trần (tức Hưng Đạo Đại vương Trần Quốc Tuấn).

Về quy mô kiến trúc cũng như việc trùng tu, tôn tạo di tích lịch sử chùa Vẽ của các triều đại kế tiếp do thiếu nguồn tài liệu tin cậy nên chưa biết được tận tường. Bia "Tu tạo Hoa Linh tự bi" dựng năm Kỷ Sửu niên hiệu Thành Thái sơ niên (1889) cung cấp: "Năm Kỷ Sửu niên hiệu Thành Thái sơ niên (1889), thân hào xã Đoạn Xá, tổng Hạ Đoạn, thấy chùa Hoa Linh đổ nát, họp bàn với sư trụ trì, nội bộ phát động người có hăng tâm giúp việc công ích, mặt ngoài đẩy mạnh việc quyên giáo, chỗ nào hỏng thì sửa chữa, chỗ nào chưa có thì xây dựng cái mới, thế là quả phúc của nhà chùa đã viên mãn...". Theo Bia "Trùng tu Hoa linh tự bi ký"

dựng năm 1916: "Chùa Hoa Linh có biển lớn đứng phía trước, thành phố dựa phía sau, sông Rừng (tức sông Bạch Đằng) chảy phía tả, núi Voi trấn phía hữu, rấn vàng vượn đai ấn, nhận trắng ngậm cuốn thư, cảnh thanh vật nhĩ, danh lam cổ soái; Thánh triều hiển ứng, đức Long thần thiêng, niên hiệu Khải Định năm thứ hai, Triều đình ban sắc cho thần, có việc khó khăn, nhân dân đến mật đảo thường được hiển ứng, thực sự là một nơi thắng cảnh của thành phố. Chùa Phật xây cao, đình đài rộng rãi, trải nhiều chục tháng năm, có nhiều bộ phận đã hỏng nát. Tháng 7, mùa thu, niên hiệu Khải Định năm thứ 2 (1917), chức dịch, hương hào cả xã họp bàn với sự trụ trì xuất tiền và quyên giáo thêm tiền sửa chữa lại chùa..." [22] .

Chùa Vẽ - Hoa Linh tự là một Cổ tự có quy mô lớn, kiến trúc nghệ thuật đặc sắc, đã, đang và sẽ được bảo tồn, tôn tạo đồng bộ, phát huy đúng hướng, trở thành một trung tâm sinh hoạt văn hóa, tôn giáo - tín ngưỡng truyền thống, một điểm tham quan du lịch kỳ thú và hấp dẫn của Hải Phòng. Ngày 25-1-1994, Bộ Văn hóa - Thông tin đã công nhận Chùa Vẽ là di tích lịch sử Quốc gia.

2.1.3. Chùa Trà Phương - Dấu ấn lịch sử thời nhà Mạc

2.1.3.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Chùa Trà Phương được xây dựng tại thôn Trà Phương, xã Thụy Hương, cách trung tâm huyện lỵ Kiến Thụy khoảng 6 km về hướng Tây. Chùa Trà Phương mang hai tên chữ là Bà Đanh tự và Thiên Phúc tự gắn liền với lịch sử xây dựng cũng như tồn tại của chùa. Tên Bà Đanh tự có từ thời Lý. Khởi thủy, chùa được xây dựng trên một gò đất cao, xung quanh cây cối rậm rạp, cách xa xóm làng. Do vậy, chùa mang tên chữ là Bà Đanh tự [26].

Đến thời Mạc, thế kỷ 16, chùa Trà Phương đã trải qua một đợt trùng tu lớn. Truyền ngôn tại địa phương kể rằng, khi Mạc Đăng Dung còn thừa hàn vi, trong một lần bị truy sát, nhờ ẩn nấp trong chùa Bà Đanh mà thoát nạn. Khi dựng nên đế nghiệp, nhớ ơn cứu mạng che chở của chùa, Mạc Đăng Dung đã ban chiếu cho trùng tu, mở rộng chùa và đổi tên thành Thiên Phúc tự. Qua tư liệu ghi chép trên

tấm bia đá "Tu tạo Bà Đanh tự" khắc vào năm Thuận Phúc sơ niên (1562), đời vua Mạc Mậu Hợp cho biết, người đứng chủ hưng công lại chùa Bà Đanh là Thái Hoàng Thái Hậu Vũ Thị Ngọc Toàn, người làng Trà Phương đã cùng với 25 thân vương, công chúa, quận công nhà Mạc đóng góp công của xây dựng lại chùa tại vị trí hiện nay. Người được giao nhiệm vụ xây cất là viên Thái giám Mạc Chúc Hiên, khi xây cất xong, chùa có qui mô rộng lớn với nhiều tòa ngang dãy dọc và đã trở thành một sơn môn lớn của xứ Đông, tiếng chuông chùa vang xa trăm dặm, tín đồ muôn phương tấp nập tìm về [20].

Nhiều vị quốc sư của triều Mạc đã về đây giảng kinh thuyết pháp. Sau năm 1592, nhà Lê Trung Hưng trở lại, chùa Trà Phương cùng nhiều công trình kiến trúc vang bóng một thời trên vùng đất Dương Kinh nhà Mạc đã bị phá hủy nặng nề. Sang thời Nguyễn, đầu thế kỷ 20, chùa Trà Phương đã được trùng tu lại [20].

2.1.3.2. Giá trị kiến trúc - nghệ thuật

Chùa Trà Phương hiện nay mang đậm phong cách nghệ thuật thời Nguyễn với nhiều mảng chạm khắc rất điển hình. Trong chùa hiện nay còn gìn giữ được nhiều di vật quý, đặc biệt là các di vật mang phong cách nghệ thuật thời Mạc thế kỷ 16 như tượng vua Mạc Đăng Dung, tượng Thái Hoàng Thái Hậu Vũ Thị Ngọc Toàn, đôi sấu đá và các bia ký. Thông qua kết quả nghiên cứu, các nhà khoa học đã xếp những di vật này vào một giai đoạn riêng của nền mỹ thuật Việt Nam mang ý nghĩa là những cột mốc đánh dấu một sự thay đổi to lớn trên bình diện xã hội, phản ánh tài năng sáng tạo của những người thợ thủ công, những nghệ sỹ dân gian hồi thế kỷ 16 - thời kỳ vương triều Mạc còn trị vì đất nước [26]

Chùa có đủ tượng pháp theo nghi thức nhà phật, nhưng có giá trị lớn nhất là hai pho tượng đá. Một pho được nhân dân và nhà chùa gọi là tượng vua Mạc Thái Tổ. Dáng tượng chắc mập, mình hơi dẹp, dáng người đứng tuổi, mũi cao, mắt dài, người xếp bằng để lộ bàn chân phải, hai bàn tay nắm vào nhau, bàn tay phải úp lên toàn bộ bàn tay trái, bàn tay trái chỉ để lộ một ngón tay cái. Đầu đội mũ cao thành,

mặt trước mũi chạm nổi một con chim đuôi dài, cánh xoè rộng lao xuống, vành mũi chia thành hai hàng có trang trí các vạch dọc và chấm tròn. Thân choàng áo bào, cổ trong hình chữ V, cổ ngoài lượn tròn, tay áo chùm rộng có 8 nếp gấp mềm. Dưới cổ áo là hình móc lớn gân như hình khánh bới tử có trang trí hình rồng cuộn [26].

Tượng bà Chúa, gọi theo cách gọi dân gian ở đây, tạc theo dạng phù điêu đặt trong một phiến đá hình tấm bia đặt trên đóa hoa sen. Tượng được đặt ở gian giữa, bậc đầu tiên của Phật điện. Dáng tượng là một phụ nữ trung niên vẻ mặt phúc hậu, tóc buông dài, đường nét mềm mại, hình khối vững chắc, dáng quý phái nhưng bình dị. Trên trái có ghi hai chữ “động chủ”. Dân gian gọi là tượng Hoàng Hậu Vũ Thị Ngọc Toàn - người con gái đất Trà Phương được tạc năm 1551, được đặt trên tòa tam bảo nơi gần gũi nhất với chúng sinh, tượng được khắc chìm trong mặt bia cao 76 cm trong tư thế ngồi thiền, vẻ mặt trầm lặng, khuôn mặt thanh thoát sâu lắng. Tượng tạc nổi cao khỏi nền 6 cm [26].

Trên nơi cao và sâu nhất của tòa Phật điện là nơi cư ngụ của hàng thượng Tam thế, gọi đầy đủ là “Thường trụ tam thế diệu pháp thân” đại diện cho thế giới Phật ở các thời. Bên cạnh tượng Tam Thế, chùa Trà Phương còn có một số tượng pháp mang tính kinh điển của đạo Phật như bộ Di Đà tam tôn, quan âm thiên thủ, thiên nhãn và tòa cửu long, hai bên có phạm thiên, để thích mang hình của những vị hoàng đế xưa, tượng đức A Nan Đà Tôn Giả một đại đệ tử của đức Phật, đội mũ thất Phật trông giống như một vị cao tăng trong tư thế ẩn cứu độ chúng sinh [26].

Qua mô típ trang trí rồng trong ô hình lá đề - một biểu tượng của Phật pháp ở xung quanh bộ tượng, hậu thế càng thêm yêu, thêm kính trọng nghệ thuật của cha ông cách ngày nay hơn 400 năm. Mỗi ô hình lá đề có 2 con rồng cõng nhau, đầu con nọ kề gần đầu con kia, chung quanh có những đám mây xoắn. Rồng có dạng yên ngựa mình phủ đầy vẩy, tay trong tư thế vuốt râu, đầu có 2 khối nổi như đang mọc sừng.

Bia chùa Bà Đanh dựng năm Thuận Phúc sơ niên 1562 mang đầy đủ nét đặc trưng cho một tấm bia thời Mạc. Trên mỗi tấm bia có niên hiệu ghi theo niên hiệu vua đương thời chính thống. Đây là bia dẹt, mỗi bia chia làm ba phần : trán, thân, đế bia. Trán và thân bia liền một khối đá, cùng một mặt phẳng tức là không có khối mái che riêng hoặc chảm bia không chòn rộng. Trang trí trên trán bia là những đề tài sau : mặt nguyệt là một vòng tròn ở giữa trán bia, đường viền mặt nguyệt là hình bán khuyên nối tiếp nhau, trông mặt nguyệt như một bông hoa. Có các tua lửa ở hai bên, tua giữa mập và dài hơn, vươn ra góc bia thay cho các hình trang trí khác. Thứ hai là mặt nguyệt với rồng, mặt nguyệt ở giữa hai con rồng hai bên uốn lượn hướng về phía trung tâm. Nhìn toàn thể mặt nguyệt to chón cả trán bia, hai rồng ở hai bên thu xuống phía dưới. Rồng ở thời Mạc thì thường có rồng run tức là rồng thân trơn, nhỏ, hoặc rồng thân dài có vẩy hoặc rồng thân mập ngắn tay vuốt râu.. thứ ba là mặt nguyệt với mây, ở đây rồng được thay thế bằng mây. Mặt nguyệt với hoa hoặc mặt nguyệt với phượng. Ở góc trên và dưới giữa trán bia và thân bia trang trí một bông hoa bồ đề, hoa ở tứ thể nhìn nghiêng có cuống, bầu và cánh, các nhà khảo cổ học gọi là hoa hướng dương. Diềm bia trang trí dây leo hình sin, hoa văn móc với kỹ thuật khắc chìm, mảnh mai. Hai bên dây leo trở ra những hình xoắn ngược chiều gọi là hoa văn tay mướp, xen kẽ với chúng là hoa văn xoắn chữ S. Ngoài ra có hình lá rục rở đậm nét, ở rồng nối tiếp nhau. Còn trên diềm ngang chân bia trang trí dây leo hình sin hoặc hoa sen sóng nước có thể là động vật. Chữ khắc trên bia theo lối khai chân phương, nét móc nét móc phóng khoáng vượt ra khuôn khổ hình khối của chữ. Đá sử dụng để tạc bia chủ yếu lấy từ núi Kính Chủ (Chí Ninh - Hải Hưng), An Thạch Đông Sơn - Thanh Hóa. Thợ khắc bia là thợ chuyên nghiệp và các phường thợ địa phương. Bia thời Mạc phản ánh một tính cách riêng : thực dụng bình dân, không cầu kỳ, câu nệ hình thức, cốt đạt được mục đích, cách thể hiện đơn giản, nhưng linh hoạt phóng khoáng, một mặt biểu hiện của xã hội thương mại hóa cao, nếp sống dân gian không bị gò ép bởi chính sách nhà nước

đương thời. Bia ở chùa Trà Phương là tấm bia ghi lại việc tu tạo chùa bà đanh, chép lại việc thái hậu và các vương phi, hoàng hậu góp công, góp của tu sửa chùa. Mặt sau ghi số ruộng đất bà cúng vào chùa làm của Tam bảo. Tấm bia hiện để trong nhà bia ở trước vườn tháp gần lối đi vào vào chùa, cao 1,035m rộng 0,68m dày 0.2m. Cả hai mặt bia đều có chữ Hán và đặt trên bệ mới xây bằng xi măng. Mặt trước được chạm hình hai con rồng châu mặt nguyệt, xung quanh chạm cúc dây kiểu tay mướp. Mặt sau bia chạm hai con phượng, hình hoa cúc tròn. Đặc biệt hai bên thành bậc nhà bia có trang trí đôi sấu đá, được tạo dáng theo lối tượng tròn - một trong những sản phẩm nghệ thuật tiêu biểu của văn hóa Mạc [20]. Có thể khẳng định chùa Trà Phương là một di tích lịch sử văn hóa, một bảo tàng nghệ thuật thời Mạc thu nhỏ .

2.1.3.3. Giá trị lịch sử - tâm linh

Ngoài giá trị văn hóa, chùa còn có giá trị lịch sử. Theo nhiều cụ già kể lại năm Đinh Dậu 1897 Mạc Đĩnh Phúc lấy danh nghĩa đánh Tây đô hộ, chống nhà Nguyễn uơ hèn, khôi phục nhà Mạc ở địa bàn Hải Phòng nhất là huyện Nghi Dương - trung tâm Dương Kinh xưa, và được rất nhiều người hưởng ứng. Nghĩa quân Trà Phương họp tại chùa bàn bạc việc quân, được nhà chùa giúp đỡ lương tiền. Phong trào thất bại, nhiều người làng bị bắn giết, có người bị lưu đầy biệt xứ như Ngô Văn Thành [26].

Trong cao trào kháng Nhật cứu quốc, Việt Minh phủ Kiến Thụy đã nhiều lần cắm cờ đỏ sao vàng trên cổng chùa vì chùa ở sát chợ phủ và cách đường phủ không xa.

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, chùa Trà Phương là một cơ sở tôn giáo giúp đỡ rất tích cực như đào hầm nuôi giấu cán bộ, làm thuốc chữa bệnh, hưởng ứng Tuần lễ vàng, nơi hội họp của các tổ chức yêu nước.

Sau khởi nghĩa rồi kháng chiến chống Pháp, chùa là cơ sở hội họp của nhiều đoàn thể, nơi nuôi giấu cán bộ bí mật. Ngày đầu kháng chiến công an Hải Kiến

đóng ở đây, địch bất ngờ tấn công, quân ta phải đương đầu với một lực lượng lớn hơn, trang thiết bị tốt hơn nên bị tổn thất [26].

Hàng năm, ngày giỗ tổ Trà Phương là ngày hội lớn, thiện nam tín nữ đến dự lễ rất đông. Chùa Trà Phương không hấp dẫn du khách bốn phương, thu hút tín đồ Phật tử và sự quan tâm của nhiều thế hệ tăng ni bởi quy mô bề thế hay Phật điện phong phú mà vì lễ huyền diệu của cõi linh, sự hiện diện của những chứng nhân lịch sử thời Mạc, sự linh thiêng, yên tĩnh đến kì lạ trong chùa.

Năm 2007, chùa Trà Phương được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng là Di tích kiến trúc nghệ thuật cấp Quốc gia.

2.2. Thực trạng khai thác các ngôi chùa cổ hiện nay

2.2.1. Thực trạng khai thác tại Chùa Hàng

2.2.1.1. Hiện trạng tài nguyên

Với chùa Hàng, có thể nói đây là một trong những ngôi chùa cổ có quy mô bề thế và khang trang nhất của thành phố Hải Phòng hiện nay. Các công trình, hạng mục trong chùa thường xuyên được tu bổ, sửa chữa đặc biệt là khu vực vườn tháp, vườn bia, gác chuông... Nhà thờ Mẫu, tiền đường được sự đóng góp, công đức của du khách thập phương nên được tu bổ lại khá đẹp, đáp ứng được nhu cầu tham quan, dâng hương của du khách. Hàng ngày, 6h sáng và 11h trưa, các sư và Phật tử cùng quét dọn chùa, lau dọn nơi thờ tự, đồ dùng và sắp lễ.

Con đường dẫn vào chùa Hàng trước kia là đường làng Dư Hàng. Trước giải phóng, đường này chỉ rải đá, phía bên phải còn nhiều ao, ruộng lầy. Sau đó được rải nhựa và dân cư ngày một đông, ở kín cả hai bên đường, xe cộ qua lại ngày một nhiều, nên đường bị xuống cấp. Năm 1991, thành phố đã cho sửa chữa đường này, làm hệ thống thoát nước lớn hơn, có sự tham gia đóng góp của dân phố và nhà chùa.

Tuy nhiên, hai bên cổng chùa, đặc biệt là vào những ngày lễ, ngày rằm, mùng một, người dân lấn chiếm làm nơi buôn bán, kinh doanh khiến cho việc đi lại

của du khách hết sức khó khăn, gây ô nhiễm môi trường xung quanh di tích. Ngoài ra một phần khu vực vườn Tháp - nơi ít được quan tâm nhất trong chùa Dư Hàng được tận dụng làm nơi tập trung vật liệu xây dựng, bát hương vỡ hỏng hoặc các cột, cây gỗ gây mất mỹ quan khu vực vườn tháp, ảnh hưởng chung đến hình ảnh chùa.

Ngoài ra, việc tổ chức trông xe ngay trong chùa (đằng sau cổng tam quan bên ngoài vườn tháp) cũng gây ảnh hưởng đến thẩm mỹ trong chùa đặc biệt là vào những thời điểm đông khách.

2.2.2.2. Thực trạng khai thác trong đời sống và trong du lịch

Với vị thế là một di tích kiến trúc cổ kính, một danh lam bậc nhất, một trung tâm Phật giáo lớn ở Hải Phòng, được Nhà nước xếp hạng di tích lịch sử văn hóa năm 1986 - Chùa Hàng có đầy đủ các điều kiện thuận lợi cho việc phát triển du lịch. Bởi vậy, từ lâu chùa đã trở thành một điểm đến rất có giá trị và không thể bỏ qua của du khách khi đến với thành phố hoa phượng đỏ. Với kiến trúc đặc sắc, đẹp, đến chùa Dư Hàng, khách thập phương vừa có thể ngắm cảnh, thưởng thức không khí thanh tịnh nơi cửa chùa, nhà Phật, rũ bỏ hết những bon chen vất vả của cuộc sống, vừa được hiểu được thêm về lịch sử của một trong những ngôi chùa cổ nhất trong vùng.

Theo ông Nguyễn Văn Đức - trưởng ban quản lý chùa cho biết, hàng năm lượng khách đến ngắm cảnh và dâng hương tại chùa lên đến hàng chục vạn người trong đó khách quốc tế chiếm một số lượng khá lớn. Tuy nhiên khách đến với chùa Hàng vẫn chủ yếu là khách nội địa, khách quốc tế đến đây là khách theo đoàn City tour (chủ yếu là khách Anh, Pháp), ngoài ra còn có một số nhà nghiên cứu muốn tìm hiểu về giá trị kiến trúc chùa. Lượng khách tập trung chủ yếu vào dịp đầu năm, đặc biệt là tháng giêng (âm lịch), các tháng khác lượng khách đến ít hơn nhiều, khách quốc tế tăng mạnh từ tháng 10 đến tháng 12 dương lịch. Khách nội địa đến chủ yếu vào các ngày lễ hoặc mừng một, ngày rằm...

Về cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng phục vụ cho việc phát triển du lịch xung quanh khu vực chùa Hàng còn khá kém, đường giao thông còn khá chật chội vỉa hè bị lấn chiếm bởi các chợ gần đó, tình trạng ngập lụt ở khu vực chùa vẫn thường xuyên diễn ra khi có mưa lớn kéo dài. Mặt khác, trong chùa vẫn chưa quy hoạch được khu vực riêng để tiếp khách cũng như trưng bày các ấn phẩm về chùa, công tác hướng dẫn và cung cấp thông tin cho khách gần như không có, những thông tin cung cấp cho du khách còn rất hạn chế.

Tuy nhiên các cơ sở lưu trú và phục vụ ăn uống gần khu vực chùa lại tương đối đa dạng với nhiều nhà hàng, khách sạn nổi tiếng như: khách sạn Phúc Đại Lợi, khách sạn Phú Vinh, khách sạn Cát Dài, nhà hàng Trọng Khách, đặc biệt là một số nhà hàng phục vụ ăn chay như nhà hàng Âu Lạc, Loving Hut Long Hoa Quán, Vô Thường... Các khách sạn nhà hàng này đã đáp ứng được phần nào nhu cầu nghỉ ngơi, ăn uống của du khách.

Các cơ sở vui chơi giải trí tương đối phong phú, có thể kể đến là dải trung tâm nhà hát lớn, rạp Lê Văn Tám, Công nhân, một số bể bơi như bể bơi Hồ Sen...

Bên cạnh đó cũng phải kể đến hệ thống chợ trên địa bàn, góp phần thêm hứng thú cho du khách muốn được khám phá nét văn hóa bản địa, cũng như cuộc sống của con người miền biển, tiêu biểu như: Chợ Con, Chợ Đôn, Chợ An Dương...

Tuy nhiên các điểm phục vụ ăn, nghỉ quy mô còn nhỏ hẹp, tiện nghi nghèo nàn, chưa đồng bộ và nâng cấp chuyên biệt phục vụ cho khách du lịch. Các điểm vui chơi qui mô còn nhỏ, không có một hoạt động vui chơi nào tiêu biểu chủ yếu là phục vụ cho việc sử dụng của người dân địa phương và một số khách đi lẻ, khó giữ chân khách ở lại lâu.

2.2.2. Thực trạng khai thác tại Chùa Vẽ

2.2.1.1. Hiện trạng tài nguyên

Chùa Vẽ cũng được xem là một trong những danh lam cổ tự bậc nhất của thành phố. Cái tên chùa Vẽ còn được đặt cho một cảng lớn nhất Hải Phòng – cảng Chùa Vẽ. Đường đi đến chùa cũng vô cùng thuận lợi. Nếu đi từ Thủ đô Hà Nội về, chùa Vẽ nằm ở điểm cuối của tuyến quốc lộ 5 (quốc lộ 5 bắt đầu ở cầu Chui, quận Gia Lâm, Hà Nội kết thúc ở chùa Vẽ - Hải Phòng, dài 106 km), sát Cảng Chùa Vẽ, cách trung tâm nội thành Hải Phòng - Nhà hát thành phố khoảng 5 - 6 km về phía đông nam. Từ trung tâm thành phố có rất nhiều ngã đường dẫn đến khu di tích lịch sử - văn hóa chùa Vẽ. Đây là vị trí khá thuận tiện để du khách và người hành hương về văn cảnh chùa.

Trải qua những lần trùng tu, sửa chữa đến nay chùa đã có được diện mạo khang trang song vẫn giữ được những nét nguyên sơ hấp dẫn. Hiện tại chùa vẫn đang tiếp tục xây một hòn giả sơn rất lớn nằm trong khuôn viên chùa, khiến cho cảnh chùa thêm sống động, bề thế.

Tuy nhiên vì đang trong quá trình xây dựng, trùng tu nên khá bừa bộn, khu vực cổng Tam Quan được trưng dụng làm nơi để xe và vật liệu xây dựng gây ảnh hưởng đến cảnh quan và hiện trạng ô nhiễm khói bụi.

Tại cổng chùa Vẽ, đặc biệt khi vào mùa lễ hội, thời điểm đông khách du lịch thường diễn ra tình trạng bán đồ lễ chèo kéo ngoài cổng chùa, xả rác của người bán hàng và chính du khách làm mất mỹ quan khu vực chùa. Ngoài ra phải kể đến hiện tượng ăn xin ở trước cổng chùa khá nhiều gây cảm giác khó chịu cho du khách và Phật tử đến thăm chùa, để lại ấn tượng không tốt.

2.2.2.2. Thực trạng khai thác trong đời sống và trong du lịch

Chùa Vẽ ngày nay là điểm du lịch văn hóa hấp dẫn thu hút nhiều khách trong và ngoài nước. Cũng giống như chùa Hàng, chùa Vẽ thu hút khách du lịch nhất là vào quý I của năm, đó là dịp Tết Nguyên Đán và vào mùa lễ hội. Trong đó, khách du lịch nội địa vẫn là chủ yếu, khách quốc tế chiếm số lượng ít chủ yếu là ở các nước: Anh, Pháp, Đức,... Đặc biệt cứ mỗi khi tết đến xuân về, những ngày hội hoặc

ngày rằm, mừng một, mọi người lại nô nức rủ nhau về chùa Vẽ lễ Phật, cầu bình an, cầu an lạc. Ngoài việc thu hút đối tượng khách đi du lịch với mục đích tâm linh. Chùa Vẽ còn thu hút các đoàn khách nghiên cứu về kiến trúc, mỹ thuật bởi vẻ đẹp độc đáo sinh động của chùa. Ngoài ra còn có các đoàn khách là học sinh, sinh viên về đây tham quan và học tập...

Nhưng có một điều đáng tiếc ở chùa Vẽ là hiện nay chùa vẫn chưa có một hướng dẫn viên được đào tạo bài bản để làm hướng dẫn viên tại điểm cho khách. Hiện nay, việc cung cấp thông tin vẫn do Ban quản lý di tích đảm nhiệm, nhưng du khách đến đây rất ít khi có cơ hội gặp mặt và được nghe họ giới thiệu trực tiếp về ngôi chùa này. Do đó hầu hết du khách đến đây chỉ cảm nhận được chùa Vẽ là một ngôi chùa có quy mô lớn, khang trang, đẹp đẽ chứ chưa cảm nhận được những giá trị văn hóa trong đó. Đây cũng là tình trạng chung của hầu hết các di tích lịch sử trên địa bàn thành phố.

Về cơ sở vật chất phục vụ khách du lịch tại chùa Vẽ hiện nay chưa được quan tâm. Tại khu vực gần cổng chùa cũng có cơ sở dịch vụ kinh doanh hàng lưu niệm nhỏ phục vụ khách nhưng quy mô còn nhỏ, số lượng sách còn ít và hầu như chỉ có sách về Phật giáo, các ấn phẩm riêng của chùa Vẽ hoàn toàn không có nên chưa thu hút được du khách. Quanh khu vực chùa không có một cơ sở lưu trú nào ngoài khách sạn Dầu Khí với cơ sở vật chất đã cũ và xuống cấp, dịch vụ nhà hàng ăn uống chưa phát triển, tại cổng chùa cũng đã có một số quán ăn nhưng còn tạm bợ, thiếu thốn và chỉ có vào những ngày lễ. Các địa điểm vui chơi giải trí cũng không có nên không giữ được chân du khách.

Về cơ sở hạ tầng chưa phát triển, đường giao thông đi lại tuy không khó khăn nhưng nằm trên trục đường thường xuyên có xe Container chạy qua với mật độ tương đối dày nên khá nguy hiểm. Đặc biệt một số đoạn đường bị xuống cấp nghiêm trọng tạo thành các ổ gà, vào ngày nắng thì bụi bặm, vào ngày mưa thì bùn lầy, khiến cho việc di chuyển của du khách gặp nhiều khó khăn. Khu vực bãi đỗ xe

của chùa tương đối nhỏ hẹp do đó dẫn đến hiện trạng vào dịp đầu năm lượng khách về chùa rất đông, nên rất nhiều xe đã phải đỗ ngay ở đường dẫn vào chùa gây mất mỹ quan cho khu di tích.

2.2.3. Thực trạng khai thác tại Chùa Trà Phương

2.2.1.1. Hiện trạng tài nguyên

Chùa Trà Phương - một di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia đã và đang bị xuống cấp và hư hại, đặc biệt do những lần mưa bão gây nên. Hệ thống tượng thờ, các công trình kiến trúc quan trọng trong chùa cần phải được đầu tư kinh phí của Nhà nước, sự quản lý chỉ đạo chặt chẽ, nhất quán của các cấp chính quyền và các sở ban ngành chuyên môn để trùng tu và xây dựng.

Qua lời kể của sư thầy Thích Huyền Trang, thì hiện nay chùa đã xuống cấp, nhà khách, nhà tổ phía sau Phật điện cách nhau một khoảng sân hư hỏng nặng, ảnh hưởng đến sinh hoạt tín ngưỡng của phật tử và không tổ chức được đại lễ hàng năm. Hòa thượng Thích Quảng Mẫn - là người đã gắn bó với chùa Thiên Phúc từ thời còn nhỏ, nay cụ đã trên 80 tuổi nên tình cảm với bà con phật tử ở địa phương rất sâu nặng bởi vậy cụ muốn trùng tu chùa cũ và đề nghị được mở rộng khuôn viên để xây chùa mới. Thời gian trước, năm 2003, Hòa thượng có đơn xin được sửa chữa chùa Thiên Phúc và được UBND huyện Kiến Thụy đồng ý tại công văn số 161/CV-UB ngày 15/ 4/ 2003, từ đó đến nay nhà chùa vẫn tiếp tục triển khai xây nhà khách, tường bao. Tuy nhiên, do không có kinh phí đầu tư một lúc nên công trình được xây dựng cải tạo phải kéo dài. Không chỉ có vậy, việc cải tạo, trùng tu tương đối manh mún, không có qui hoạch cụ thể rõ ràng: nhà sắp lễ - nhà bếp xây dựng trên nền nhà ăn, nhà bếp cũ đến tận năm 2006 mới cơ bản hoàn thiện. Từ tháng 3 đến tháng 10 năm 2012, nhà chùa liên tục có đơn và lần cuối đề nghị xin giữ nguyên chùa cổ, xây chùa mới ở bên cạnh nhưng không được chấp thuận. Tháng 6/2012, UBND xã Thụy Hương có tờ trình gửi UBND thành phố, UBND huyện và các sở, ban, ngành chức năng, với nội dung xin phép “Trùng tu, xây dựng

lại nhà thờ Tổ, nhà khách, tường bao và công trình phụ cận” (có sơ đồ thiết kế kèm theo). Ngày 13/6/2012 đại diện Bảo tàng thành phố; phòng Văn hóa Thông tin, phòng Nội vụ, Công an huyện Kiến Thụy; lãnh đạo Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, UBND, UBMTTQ, Ban quản lý di tích xã Thụy Hương đã làm việc với đại diện chùa Thiên Phúc, đồng ý báo cáo đề xuất với cấp có thẩm quyền về những nội dung công văn nêu. Về việc xây tường bao khuôn viên chùa: “Các đại biểu đề nghị địa phương trong thời gian tới chỉnh trang lại cho phù hợp với cảnh quan và khuôn viên di tích. Chiều cao tường không quá 2m30” [25]. Ngày 05/7/2012 tại công văn số 672/UBND-VX của UBND huyện Kiến Thụy gửi UBND thành phố Hải Phòng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hải Phòng, Bảo tàng Hải Phòng đề nghị được “nâng cấp trùng tu, sửa chữa di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia chùa Trà Phương theo tờ trình của UBND xã (bằng nguồn kinh phí xã hội hóa)”. Khi Báo Thanh Niên số ra ngày 22/9/2012 đăng bài “Chùa cổ có nguy cơ bị xóa sổ” thì ngày 27/9/2012 UBND thành phố Hải Phòng có công văn số 6344/UBND-VX giao Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch chủ trì cùng các sở, ban ngành thành phố, UBND huyện Kiến Thụy, UBND xã Thụy Hương khẩn trương tiến hành kiểm tra cụ thể hiện trạng di tích, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; báo cáo UBND thành phố. Ngày 27/9, Dưới sự chủ trì của ông Phạm Văn Ôn - Chánh thanh tra Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hải Phòng cùng đại diện của Bảo tàng Hải Phòng, Công an thành phố, đại diện các phòng chức năng của UBND huyện Kiến Thụy, UBND xã Thụy Hương đã tổ chức Kiểm tra tại chùa và kết luận: Tại khu vực bảo vệ I – Phật điện (Chùa chính) và nhà Tổ vẫn được giữ nguyên hiện trạng; khu vực II đang triển khai xây dựng nhà khách; tường bao đã xây có chiều cao 2m45 (biên bản làm việc ngày 13/6/2012 cho phép xây dưới 2m30), vượt 15cm. Lý giải về việc này, sư thầy Thích Huyền Trang phản ánh, chính quyền địa phương cho biết quy hoạch cải tạo đường trục chính của xã nâng cao 70cm, xây tường bao như vậy là phù hợp với quy hoạch và văn bản đã ghi. Việc nhà chùa tổ chức động thổ ngày 11/3/2012 tại

khu vực bảo vệ II thì biên bản kiểm tra đã kết luận là chỉ đề lấy ngày và kêu gọi lòng hảo tâm của phật tử trong và ngoài nước ủng hộ, khi nào có đủ kinh phí và được Nhà nước đồng ý thì xây dựng. Như vậy không thể căn cứ vào đơn đề nghị xin được trùng tu, tôn tạo với nội dung xây dựng lại chùa chính mà kết luận “Nguy cơ chùa cổ Trà Phương bị dỡ bỏ và xây mới là có thật và hoàn toàn có thể xảy ra nếu không có sự quản lý, giám sát chặt chẽ của cơ quan chức năng” như Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch kết luận tại công văn số 990/SVHTTDL-BT ngày 11/10/2012 đã nêu.

Sư thầy Trang còn cho biết mưa bão đã làm cho một đầu hồi vành khánh chùa chính bị đổ hẳn, đầu còn lại nứt và có nguy cơ đổ, mái ngói bị tốc ở một số vị trí. Nhà thờ Tổ cũng bị tốc ngói nhiều chỗ. Nhà khách, có khoảng 40m² mái ngói bị tốc, hoành gỗ lâu ngày bị mục sập treo lơ lửng trên đầu ngay hành lang lối vào chùa chính, đe dọa tính mạng của phật tử hàng ngày vào lễ chùa. Một số cây cổ thụ trong chùa cũng bị đổ gãy. Các phòng, ban chức năng của huyện xuống kiểm tra lập biên bản, chụp ảnh hiện trạng đề nghị các cấp có thẩm quyền cấp kinh phí khắc phục hậu quả, nhưng từ đó đến nay vẫn bất vô âm tín. Việc UBND thành phố có công văn 7160/UBND ngày 24/10/2012 chỉ đạo dừng toàn bộ việc xây mới các hạng mục ở khu vực II đã làm hàng chục tấn xi măng bị vón cục, hàng tấn sắt thép bị han rỉ gây thiệt hại tiền bạc của chùa, của dân. Trong khi đó, hàng chục con người đang sống trong cảnh nơm nớp lo sợ “tính mạng treo sợi tóc” vì... chùa có thể đổ bất cứ lúc nào.

2.2.2.2. Thực trạng khai thác trong đời sống và trong du lịch

Chùa Trà Phương - một ngôi chùa có thừa giá trị lịch sử, nghệ thuật nhưng lại thiếu sự quan tâm, vẫn nằm trong cụm di tích tiêu biểu của vương triều Mạc - Kiến Thụy song lại không có khách du lịch đến thăm quan, bởi sự xuống cấp của chính cơ sở vật chất trong chùa, hệ thống tượng Phật bị xâm hại nghiêm trọng, cùng cơ sở hạ tầng thiếu thốn. Thi thoảng có một số nhà nghiên cứu đến tìm hiểu

về những giá trị kiến trúc nghệ thuật tiêu biểu thời Mạc và khảo sát về hiện trạng xuống cấp của chùa song mọi kiến nghị vẫn bị bỏ qua. Việc di tích này bị xuống cấp nghiêm trọng không chỉ bởi chính quyền địa phương mà còn bởi chính những người dân nơi đây. Đến văn cảnh chùa vào mùa một - ngày tưởng chừng như đông Phật tử đến dâng hương nhất lại không khỏi ngạc nhiên khi thấy chùa không một bóng người (dù chỉ là Phật tử địa phương), duy nhất hiện hữu ở ngôi chùa này là một cụ già với hình dáng nhỏ gầy ngồi gõ chuông ngay trong bóng tối của Phật điện bởi cánh cửa chùa đã hỏng không thể mở. Trong nhà tổ, trụ trì chùa là sư thầy Thích Huyền Trang ngồi gõ mõ, tụng kinh hòa vào tiếng chuông chùa trong khung cảnh xuống cấp, đổ nát càng làm cho lòng người xót xa vì một ngôi chùa có bề dày lịch sử, lưu giữ trong mình những giá trị vô giá nhưng lại đang bị lãng quên.

Tiểu kết chương 2

Trong số hàng trăm di tích lịch sử - văn hóa ở Hải Phòng, có thể nói chùa Hàng, chùa Vẽ và chùa Trà Phương là ba di tích tiêu biểu bởi giá trị về kiến trúc, nghệ thuật, về lịch sử và là tiêu biểu cho những công trình cùng niên đại.

Các ngôi chùa này, đã đóng góp không nhỏ vào việc nghiên cứu các giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật đình chùa, đồng thời giữ một vị trí không thể thay thế trong đời sống tâm linh của người dân Hải Phòng.

Bên cạnh hai ngôi chùa khang trang, bề thế, được đầu tư, xây dựng, bảo tồn khá tốt là chùa Hàng và chùa vẽ, chùa Trà Phương - ngôi chùa tiêu biểu cho phong cách thời Mạc như một dấu lặng buồn bởi sự lãng quên của chính quyền và người dân địa phương, khiến cho chùa ngày càng xuống cấp nghiêm trọng.

Mỗi ngôi chùa cùng với diện mạo và giá trị của mình sẽ là một điểm tham quan hấp dẫn đối với du khách khi đến với thành phố Hải Phòng tuy nhiên hiện nay việc khai thác giá trị của các ngôi chùa cổ này để phục vụ mục đích du lịch còn nhiều bất cập, chưa có sự quan tâm, định hướng của các cấp chính quyền cũng như sự đồng lòng của người dân.

CHƯƠNG 3. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO GIÁ TRỊ KHAI THÁC CÁC NGÔI CHÙA CỔ Ở HẢI PHÒNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

3.1. Giải pháp bảo tồn, trùng tu, tôn tạo

3.1.1. Định hướng bảo tồn phục vụ phát triển du lịch

Các di tích lịch sử, đặc biệt là các chùa cổ dù có giá trị lịch sử - văn hóa đến đâu nếu không biết bảo tồn, không trùng tu, tôn tạo thì giá trị sẽ ngày càng mai một và mất đi vị thế vốn có với đông đảo công chúng. Do đó cần phải đặt ra những định hướng cụ thể nhằm bảo tồn, phát huy và khai thác giá trị di tích.

Bên cạnh đó cũng cần khẳng định rằng loại hình du lịch tâm linh là loại hình du lịch khá đặc biệt. Đó là hình thức đưa con người vào thế giới tâm hồn, của niềm tin. Do đó cần có định hướng bảo tồn cũng như phát triển một cách phù hợp để tránh ảnh hưởng đến yếu tố tâm linh của các ngôi chùa:

- Khai thác tiềm năng, phát triển du lịch phải luôn đi đôi với trùng tu, bảo vệ và tôn tạo cảnh quan di tích. Quan điểm cơ bản của việc trùng tu, tôn tạo các cảnh quan di tích là: Chống xuống cấp, không xây dựng mới các công trình như: Đình, chùa, miếu mạo trước đây chưa có mà chỉ phục hồi, làm lại các công trình đã bị phá hủy trong các cuộc chiến tranh. Nguồn vốn cho trùng tu, tôn tạo bao gồm

các nguồn từ tiền công đức, tiền và sức lao động do nhân dân địa phương đóng góp, tiền của các dự án...

- Cần phân cấp quản lý và sử dụng di tích, có quy định cụ thể về trách nhiệm, quyền hạn trong việc quản lý, bảo vệ, tu bổ trong việc phát huy, phục vụ các nhu cầu của cộng đồng và hoạt động tham quan du lịch.

- Cần tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, lòng ngưỡng mộ, tinh thần tôn vinh lịch sử tới các cấp ủy chính quyền và đông đảo quần chúng nhân dân, tập trung làm tốt công tác quy hoạch trùng tu tôn tạo di tích gắn liền với việc xây dựng mở rộng di tích. Cần nhận thức hiểu biết về giá trị gắn với việc tôn vinh di tích là việc làm có ý nghĩa quan trọng, bởi chỉ có trên cơ sở hiểu biết người dân mới quan tâm đến việc bảo vệ di sản và hạn chế việc làm tổn hại đến nó, coi đó như việc làm cần thiết của họ và chỉ có như vậy giá trị của di sản mới được thấm thấu một cách tự nhiên, bền vững, có sức lan tỏa qua nhiều thế hệ.

- Cần phải có quy hoạch tổng thể cũng như đề án cụ thể để phát huy các giá trị di tích theo sự quản lý thống nhất của nhà nước, phương châm tu bổ cần theo hướng tái tạo, phục nguyên, phù hợp, tránh việc lai căng tùy tiện, tôn tạo chùa cần đảm bảo giữ nguyên yếu tố thanh tịnh của cảnh chùa, đặc biệt phải đẹp và gần gũi với thiên nhiên, tránh để sự ồn ào, bon chen của cuộc sống hàng ngày ảnh hưởng đến khung cảnh chùa; đồng thời phải đi đôi với việc mở rộng di tích và xây dựng mới các công trình phụ trợ phù hợp với nhu cầu của thời đại. Có như vậy mới thực sự bảo vệ và phát huy các giá trị di tích.

- Việc khai thác các di tích phải làm nổi bật được những giá trị đặc sắc của di tích - đó chính là việc tạo ra sức thu hút đối với khách tham quan, khách du lịch và cũng là linh hồn của hoạt động du lịch. Các di tích đặc sắc, độc đáo mới có sức hấp dẫn và khả năng cạnh tranh cao. Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy, để di tích có giá trị đặc sắc, cần phải cố gắng hết sức đảm bảo tính trang nghiêm, bài trí uy nghi. Trong quá trình tôn tạo, cần tránh làm ảnh hưởng đến giá trị thẩm mỹ vốn có và

phải thống nhất theo phong cách kiến trúc chung của chùa, tránh sửa chữa một cách quá mức hoặc phá cũ xây mới hoàn toàn.

- Việc khai thác di tích trên thực tế là sự khai thác tổng hợp đối với nơi khách du lịch đến: một mặt cần khai thác các sản phẩm khác để bổ sung, tạo sự liên hoàn trong chương trình du lịch; mặt khác, phải xem xét nhu cầu của khách về đi lại, ăn, ở, hướng dẫn tham quan, mua sắm, vui chơi giải trí... cần thực hiện sự phối hợp đồng bộ nhịp nhàng giữa các tổ chức liên quan đến phục vụ khách, đảm bảo chất lượng, đem lại danh tiếng và uy tín cho di tích. Mục đích cao nhất của du lịch là vừa bảo tồn, bảo vệ, tu sửa, tôn tạo di tích vừa đem lại lợi ích cho nhiều bên tham gia.

3.1.2. Biện pháp bảo tồn

3.1.2.1. Hoạt động bảo tồn di tích chùa

Đối với các ngôi chùa nói chung trên địa bàn thành phố Hải Phòng, việc bảo tồn các di tích phải tuân thủ những nguyên tắc về bảo tồn, tôn tạo di sản mà Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch ban hành, trong đó bảo đảm tuyệt đối tính nguyên gốc. Hoạt động quan trọng nhất của công tác bảo tồn là trước khi bảo tồn phải lập quy hoạch chi tiết, để làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý đầu tư xây dựng và thực hiện các dự án trung và ngắn hạn, phục vụ mục tiêu trước mắt và lâu dài.

Cụ thể, đối với ba ngôi chùa cổ tiêu biểu đã được đề cập trong chương 2 của đề tài này, đặc điểm nổi bật về hiện trạng sử dụng đất ở các ngôi chùa cổ nói trên là cảnh quan, di tích đan xen trong khu dân cư. Vì vậy, biện pháp bảo tồn, trùng tu, tôn tạo có thể thực thi như sau:

- Đối với chùa Dư Hàng và chùa Vẽ, UBND thành phố Hải Phòng cần kết hợp với Sở VHTT&DL Hải Phòng và Ban quản lý di tích chùa lên kế hoạch qui hoạch chi tiết việc *mở rộng không gian chùa* bởi đây là những ngôi chùa có giá trị về nhiều mặt lại nằm ở trung tâm thành phố nên luôn thu hút đông đảo lượng du khách đến tham quan, văn cảnh. Cần có kế hoạch đền bù thỏa đáng với những hộ dân cư sống

xung quanh di tích chùa để họ tự nguyện di dời nhằm có thêm quỹ đất cho việc xây dựng các công trình phụ trợ như: *bãi để xe, nhà khách, thực đường, thiền đường, phòng trưng bày* và triển lãm kinh sách cũng như giới thiệu các hoạt động và các hiện vật về chùa... Đặc biệt, việc quy hoạch nơi để xe riêng là rất cần thiết, tránh để xe trong khuôn viên di tích chùa, gây mất mỹ quan và ảnh hưởng đến không gian chùa. Về nhà tiếp khách, tại chùa Dư Hàng hiện nay cũng đã có nhưng còn ở qui mô nhỏ, không đủ đáp ứng nhu cầu của đông đảo du khách muốn đến đây tham gia các hoạt động phật sự và ở lại qua đêm trong khuôn viên chùa cũng như tham gia các khóa ngồi thiền và thưởng thức ẩm thực chay tại thực đường của chùa. Do đó, cần lên kế hoạch tạo lập quỹ đất và xây dựng các công trình phụ trợ nói trên.

- Thành phố cũng cần xem xét để mở rộng con đường dẫn vào chùa Hàng bởi con đường hiện nay quá nhỏ hẹp, chỉ vừa một chiều đi cho xe chở khách du lịch. Vào ngày rằm, mùng một và dịp lễ hội của chùa, con đường này luôn xảy ra tình trạng ách tắc giao thông, làm cản trở rất nhiều đến hoạt động đưa khách du lịch đến tham quan chùa. Bên cạnh đó cũng cần cải tạo lại hệ thống đường xá xung quanh khu vực các ngôi chùa nói trên, tránh hiện tượng ngập lụt khi trời mưa.

- Riêng đối với chùa Trà Phương - ngôi chùa tiêu biểu cho phong cách kiến trúc nghệ thuật thời Mạc - nhưng nay đang đứng trước nguy cơ xuống cấp và hư hại nghiêm trọng. Các cơ quan chức năng về văn hóa, du lịch của Hải Phòng cần nhanh chóng vào cuộc, bắt tay với chính quyền địa phương và Ban quản lý chùa để nhanh chóng hoàn thiện kế hoạch tu bổ, tôn tạo, tránh không để tình trạng “kế hoạch còn nằm trên giấy” như hiện nay. Việc tôn tạo chùa Trà Phương trong những năm qua cũng đã từng bước diễn ra do sự thầy trụ trì và nhân dân địa phương cùng làm, tuy nhiên các cơ quan chức năng cần cử các cán bộ nghiên cứu có trình độ, có hiểu biết về kiến trúc chùa cổ cũng như công tác trùng tu, kết hợp với nhà chùa để công tác bảo tồn được nguyên vẹn, tránh làm xâm hại đến giá trị nghệ thuật cũng như giá trị tâm linh của ngôi chùa. Mặt khác, thành phố cũng cần cấp thêm kinh phí

và tạo mọi điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh hoạt động thu hút khách thập phương đóng tiền công quả công đức xây dựng chùa để một ngôi chùa cổ không bị rơi vào tình trạng hoang hóa như hiện nay.

3.1.2.2. Hoạt động phát huy giá trị di tích chùa

- Quan tâm đầu tư thỏa đáng cho công tác nghiên cứu, giới thiệu các giá trị lịch sử - văn hóa - nghệ thuật của các di tích, tài liệu, cổ vật và danh thắng. Có chế độ đãi ngộ thỏa đáng nhằm tập hợp khuyến khích đội ngũ cán bộ nghiên cứu ở địa phương và các cơ quan Trung ương tham gia vào việc nghiên cứu, trong đó tập trung nghiên cứu giới thiệu về các di tích lịch sử văn hóa đã được công nhận và những di tích có lịch sử lâu đời.

- Định kỳ có chuyên mục giới thiệu về di sản văn hóa, các chùa cổ, các điểm di tích tiêu biểu trong các chương trình phát thanh, truyền hình hoặc trên các trang báo chính của thành phố, khuyến khích và có giải thưởng báo chí về tuyên truyền giới thiệu di sản văn hóa phục vụ du lịch.

- Định kỳ xuất bản tạp chí văn hóa - thể thao - du lịch hàng quý, hoặc xuất bản chuyên san riêng về du lịch Hải Phòng, để có điều kiện giới thiệu rộng rãi với công chúng và khách tham quan du lịch về di sản thành phố và các hoạt động, tiềm năng phát triển du lịch Hải Phòng.

- Tiến hành xuất bản các ấn phẩm về di tích lịch sử văn hóa, di sản văn hóa Hải Phòng với những nội dung vừa đảm bảo chất lượng khoa học, vừa đại chúng với hình thức thể hiện hấp dẫn, nhằm thu hút khách tham quan du lịch đến với thành phố.

- Hệ thống biển chỉ dẫn, các bảng giới thiệu di tích cần có những quy định chung và hướng dẫn các địa phương có di tích thực hiện nghiêm túc, tránh tùy tiện và sai sót, nhằm phục vụ nhu cầu đa dạng của khách tham quan du lịch.

- Ở mỗi di tích lịch sử văn hóa, nhất là những di tích có giá trị tiêu biểu thường xuyên có khách tham quan du lịch, cần có nhiều sản phẩm tuyên truyền

phục vụ khách tham quan du lịch như: ấn phẩm giới thiệu về giá trị lịch sử văn hóa của di tích; tập ảnh nghệ thuật giới thiệu về di tích, tài liệu, cổ vật; bản đồ hướng dẫn khách tham quan; sản phẩm lưu niệm; sách, đĩa CD, VCD... Đó là những thông điệp đầu tiên gửi đến du khách. Mặt khác, cần chú ý đặc biệt đến vấn đề ngôn ngữ của ấn phẩm quảng bá. Có thể dịch ra một số ngôn ngữ phổ biến như tiếng Anh, tiếng Nhật...

- Cung cấp thông tin về di tích và các thông tin liên quan đến hoạt động du lịch qua mạng internet, trên website của ngành, thường xuyên cập nhật, bổ sung dữ liệu điểm đến, thời gian lễ hội, nội dung lễ hội, bản đồ du lịch, phương tiện vận chuyển, cơ sở lưu trú...đồng thời Sở văn hóa thể thao và du lịch Hải Phòng cũng như các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh cần tích cực, mạnh dạn tham gia vào các chương trình xúc tiến du lịch trong nước và nước ngoài. Bên cạnh đó, cũng cần định kỳ tổ chức hội nghị hội thảo chuyên đề về di tích nhằm tranh thủ bổ sung kho dữ liệu về di tích và đồng thời quảng bá cho du lịch Hải Phòng.

3.1.2.3. Hoạt động phát huy vai trò của cộng đồng

Để bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản một cách tốt nhất trước hết phải tập trung vào nhận thức của người dân, phải để cho người dân hiểu một cách sâu sắc về giá trị của di sản đang tồn tại và khả năng khai thác của nó, đồng thời tham gia vào việc:

- Giữ gìn môi trường xung quanh chùa
- Tránh hiện tượng bán hàng chèo kéo khách, nâng cao ý thức của người bán hàng.
- Tránh hiện tượng xâm hại di tích khi đến văn cảnh chùa
- Đóng góp công sức, xã hội hóa việc xây dựng, trùng tu di tích

3.1.2.4. Tổ chức bộ máy quản lý tại chùa

- Xây dựng cơ chế chính sách phối hợp chặt chẽ liên ngành trong công tác quản lý.

- Nghiên cứu khoa học để bảo tồn phát huy giá trị khu di tích. Xây dựng cơ chế chính sách về kinh tế, tài chính để tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho công tác bảo tồn và đầu tư xây dựng.

- Xúc tiến các chương trình nâng cao năng lực cán bộ chuyên ngành bảo tồn, cử cán bộ đi học các khóa đào tạo chuyên ngành nhằm bảo tồn một cách hợp lý và chính xác cho di tích.

- Cung cấp đủ các điều kiện trang thiết bị cần thiết phục vụ công tác bảo tồn.

- Xây dựng đội ngũ thuyết minh viên, hướng dẫn viên tại chùa nhằm cung cấp thông tin một cách đầy đủ và chính xác nhất cho khách hàng

3.2. Khai thác các giá trị Phật giáo phục vụ phát triển du lịch

3.2.1. Khai thác trong các lễ hội Phật giáo

Trong các tour tham quan thành phố thường có điểm đến là các chùa. Song nhiều người vẫn nhận định rằng rất nhiều giá trị trong di sản Phật giáo vẫn còn bỏ ngỏ trong khai thác du lịch, một trong số đó là việc khai thác du lịch trong các lễ hội Phật giáo. Trong dòng chảy văn hóa Việt nói chung, Phật giáo nói riêng, Phật giáo với hệ thống cảnh quan và di sản kiến trúc truyền thống gắn liền với nghệ thuật tạo hình và diễn xướng... được nhiều chuyên gia thừa nhận mang những nét rất đặc thù, rất riêng biệt và có sức hút đặc biệt với du khách đặc biệt là khách có thiên hướng du lịch tâm linh.

Nói đến lễ hội là nói đến người thực hiện và người tham dự, trong đó người thực hiện là chủ thể, người tham dự là khách thể nhưng có trường hợp vừa là chủ thể vừa là khách thể. Trong các lễ hội Phật giáo, Phật tử tham dự lễ hội chính là để trải lòng, gửi gắm những ước nguyện đến các vị Phật, Bồ tát bằng tất cả niềm tin và lòng thành kính của họ. Bên cạnh đó du khách đến với lễ hội không bởi niềm tin tâm linh mà còn bởi vẻ đẹp của Tôn giáo, để thỏa mãn nhu cầu thưởng lãm các giá trị văn hóa. Các nghi lễ và tụng niệm của Phật giáo nhẹ nhàng, lời tụng mang vần

điều rõ ràng nên cũng rất dễ để tổ chức các hoạt động ca múa, nhạc lễ phục vụ khách du lịch, làm đa dạng và sinh động hơn cho các chương trình lễ hội Phật giáo.

Phật giáo có khá nhiều ngày lễ như: Lễ Phật đản, Lễ hội Quán Thế Âm, Lễ Vu Lan... mỗi ngày lễ lại có cách hành lễ khác nhau tùy thuộc vào nội dung của các ngày lễ đó.

Từ những đặc trưng đó của lễ hội Phật giáo, ta hoàn toàn có thể định hướng phát triển du lịch thông qua các lễ hội này. Các ngôi chùa cổ không chỉ có giá trị về lịch sử, mà còn là giá trị về nghệ thuật, là một mảng quan trọng tô điểm thêm cho vẻ đẹp thành phố. Cần nhìn nhận rằng việc phát triển du lịch gắn liền với các lễ hội Phật giáo là một hướng khai thác các di sản có tiềm năng, hấp dẫn và đa dạng. Tuy nhiên việc định hướng khai thác lễ hội Phật giáo trong hoạt động du lịch cần phải có định hướng rõ ràng nhằm có được một loại hình du lịch khai thác các giá trị của lễ hội Phật giáo mà không làm biến dạng nó.

Có rất nhiều phương thức khác nhau để có thể khai thác giá trị lễ hội Phật giáo trong du lịch như: Thực hiện các Festival lễ hội Phật giáo - điều này hoàn toàn có thể thực hiện bởi số lượng chùa chiền ở Hải Phòng tương đối nhiều, tinh thần Phật giáo lại thấm đượm trong các sinh hoạt của con người Hải Phòng. Việc tổ chức các lễ hội sẽ quảng bá hình ảnh của thành phố nói chung, hệ thống chùa chiền nói riêng đến với du khách. Mặt khác, thời gian tổ chức chương trình lễ hội Phật giáo thường được ấn định rõ ràng và các giá trị văn hóa đặc trưng được thể hiện rõ nét qua lễ hội chính là sức hút mọi người đến với các lễ hội Phật Giáo. Cũng có thể kết hợp việc thăm viếng chùa chiền, thưởng thức nhạc lễ Phật giáo và ẩm thực chay... như là sự tìm tòi khám phá di sản Phật giáo bao gồm cả giá trị vật chất thể hiện trong hệ thống chùa chiền và giá trị về niềm tin tâm linh trong chính mỗi con người.

Để có thể phát huy thế mạnh của các lễ hội Phật giáo, Thành hội Phật giáo Hải Phòng có thể đứng ra chủ trì công tác tổ chức một lễ hội lớn trong năm hoặc

định kỳ hai năm một lần. Chẳng hạn như đại lễ Phật đản vào rằm tháng tư âm lịch hàng năm, có thể được nâng cấp qui mô và kết nối hệ thống các ngôi chùa toàn thành phố. Trong đó, hoạt động nghi lễ chính sẽ diễn ra tại chùa Nam Hải - trụ sở Thành hội Phật giáo Hải Phòng, các hoạt động hưởng ứng sẽ được lựa chọn diễn ra tại một số ngôi chùa tiêu biểu khác của thành phố. Nhằm kết nối các ngôi chùa này với nhau, có thể thông qua lễ rước Phật từ chùa này qua chùa khác, thông qua các nghi lễ tổ chức thuyết giảng ý nghĩa ngày Đản sinh Đức Phật, thả bóng bay hoà bình, thả đèn trời, phóng đăng. Bên cạnh đó, nghệ thuật âm nhạc Phật giáo cũng nên được xem xét đưa vào trong các Lễ hội để nhân dân và khách du lịch có điều kiện tiếp cận, khám phá các bài hát kinh, các điệu múa nghi lễ như múa chạy đàn, hát cầu siêu...

3.2.2. Khai thác ẩm thực chay

Ẩm thực là một yếu tố không thể thiếu trong các loại hình dịch vụ phục vụ du lịch, đối với du lịch tâm linh Phật giáo thì không thể không nhắc đến những món ăn chay. Trong thường nhật, các món ăn ở chùa luôn mang đến những cảm nhận đa diện về văn hóa ẩm thực bởi những đặc trưng riêng có. Nét bình dị, dân dã được thể hiện một cách nhẹ nhàng, tinh tế, hòa đồng với thiên nhiên, ẩn chứa trong đó một triết lý sống sâu sắc của đạo Phật. Bên cạnh đó, sự tham gia của đông đảo người dân vào hoạt động ăn chay, với nhiều hình thức khác nhau, đã làm cho ăn chay trở nên phổ biến và tạo nên một nét sinh hoạt văn hóa hết sức độc đáo mang đậm sắc thái của Phật giáo - hình thành một văn hóa ẩm thực chay trong lòng văn hóa ẩm thực thành phố.

Có thể khai thác ẩm thực chay phục vụ hoạt động du lịch ngay tại chùa, trong các lễ hội Phật giáo, tại các nhà hàng chay...

Tại chùa, vào ngày rằm, mừng 1, đặc biệt là những ngày đầu năm khách tham quan có thể đặt cơm chay ngay tại chùa, các món ăn đều do nhà chùa chế biến, hoặc các Phật tử có thể chung tay nấu nướng cùng nhà chùa. Khác với không

khí ồn ào tại các quán ăn chay, nhiều người chọn đến chùa dự lễ ăn chay với mong muốn tìm được sự thư thái về tâm hồn. Tác giả đề tài khi đi khảo sát tại chùa Hàng đã tiếp xúc với một số phật tử đến chùa, trong đó có chị Nguyễn Thị Minh Hà, giáo viên Trường THCS Trần Phú và đã nghe chị tâm sự: “Cả nhà tôi, đặc biệt là con gái rất thích ăn chay, nhất là được đến chùa dự lễ chay. Ở chùa, lễ chay thường đơn giản, các món chay không được chế biến cầu kỳ như ở các nhà hàng, nhưng không khí ấm cúng hơn”.

Trong các lễ hội Phật giáo như ngày lễ Phật Đản, ngày lễ Vu Lan có thể tổ chức những hội thi ẩm thực chay giữa các chùa, gian hàng giới thiệu ẩm thực chay hay tuần lễ ẩm thực chay, tổ chức các quán ăn chay di động dọc hai bên để phục vụ thực khách với những món ăn chay bổ dưỡng, hấp dẫn sẽ góp phần thu hút du khách, tạo ấn tượng đẹp về văn hóa ẩm thực địa phương nói chung, ẩm thực chay nói riêng...

Bên cạnh đó, những người kinh doanh ẩm thực chay ở Hải Phòng cũng có thể xem xét mở thêm nhà hàng gần địa điểm với các ngôi chùa có nhiều khách đến tham quan như chùa Hàng để có thể tăng cường khai thác ẩm thực chay trong hoạt động du lịch, cũng là một cách góp phần tôn vinh giá trị văn hóa Phật giáo Hải Phòng.

Ban trị sự Thành hội Phật giáo Hải Phòng cũng có thể xem xét xây dựng một mô hình phố ẩm thực chay vào những dịp diễn ra Đại lễ Phật Đản, tháng Vu Lan báo hiếu quanh Trụ sở Thành hội Phật giáo hoặc ở trên con đường dẫn vào chùa Hàng. Đây là mô hình thuận lợi cho những du khách mà quỹ thời gian còn hạn chế mà có sở thích và nhu cầu về ẩm thực chay. Du khách vừa có thể tham dự, xem những nghi lễ đặc sắc của lễ hội vừa được tham quan, thưởng thức món ăn chay phong phú, đa dạng của các ngôi tự viện trong thành phố. Như vậy mô hình này thu hút được đông đảo người dân và du khách quan tâm đến thì sức tiêu thụ sẽ nhiều, đạt được doanh thu lớn góp phần phát triển loại hình du lịch khác. Tại những

lễ hội này, Ban tổ chức cần nghiên cứu để tạo ra những không gian riêng biệt, độc đáo cho việc trình diễn ẩm thực chay. Đó có thể là một khung cảnh không gian hết sức bình dị và duyên quê với những ngôi nhà tranh tinh tế, dễ thương, được trang trí bằng những giàn bầu, giàn mướp cùng các loại cà, ớt, mồng tơi...; đó cũng có thể là không gian của một ngôi chùa cổ kính, một khu vườn thiền hay thậm chí là một gian thiền đường thanh tịnh, trầm mặc, giản dị, đơn sơ... Trong những không gian đó sẽ diễn ra các hoạt động như: giới thiệu các thực phẩm chay; thuyết giảng cho du khách có cái nhìn đúng đắn về giá trị của việc ăn chay, chế độ ăn uống khoa học, thái độ và phương pháp ăn uống cho sức khỏe và cộng đồng; giới thiệu món ăn chay truyền thống để phổ cập rộng rãi trong quần chúng. Đồng thời không thể thiếu đi phần quan trọng nhất là du khách sẽ được tận mắt chứng kiến các sư cô cùng Phật tử chế biến những món chay truyền thống và thưởng thức tại chỗ. Chút duyên quê tạo thêm chút thanh đạm và thiền vị giúp du khách có một cảm giác đầy thành kính để hướng về đạo tâm thanh tịnh, về nẻo chính của Phật pháp, và đạt tới sự hòa hợp thăng hoa giữa Đạo và Đời. Song song với việc khai thác tại các lễ hội riêng của Phật giáo, ẩm thực chay cũng nên được quan tâm quảng bá sâu rộng tại các kỳ Lễ hội khác như Đồ Sơn Biển gọi, Lễ hội Hoa phượng đỏ. Một trong những biện pháp khả thi là Tổ chức hội chợ ẩm thực, trong đó bên cạnh việc giới thiệu các món mặn, không thể không dành những không gian riêng cho các món chay. Để tạo ra sức hấp dẫn với du khách thì yếu tố quan trọng không thể thiếu là quảng bá, tiếp thị các món ăn chay đến với du khách. Vì vậy, thông qua hội chợ ẩm thực chay, du khách sẽ có được cái nhìn gần gũi hơn và tổng thể hơn về những món ăn chay. Họ cũng có cơ hội được thưởng thức trực tiếp, tại chỗ, từ đó tiếp tục giới thiệu sâu rộng hơn đến bạn bè và người thân.

3.3. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch

3.3.1. Xây dựng tour du lịch chuyên đề

Với 539 ngôi chùa trên toàn thành phố, trong đó có rất nhiều chùa cổ có giá trị về mặt nghệ thuật, có ý nghĩa về mặt lịch sử, hoàn toàn có thể trở thành những điểm tham quan hấp dẫn cho du khách muốn tìm hiểu, khám phá những giá trị tâm linh. Ngoài những ngôi chùa cổ nổi tiếng kể trên như chùa Hàng, chùa Trà Phương, chùa Vẽ từ lâu đã là điểm đến của nhiều du khách và khách hành hương trong nước và quốc tế, Hải Phòng còn có nhiều ngôi chùa mang giá trị lịch sử cũng như văn hóa đặc sắc như: chùa Phụng Pháp - một thiền viện đẹp, một bảo tàng điêu khắc sáng giá, chùa Đỏ - một ngôi chùa mới xây có kiến trúc rất độc đáo, chùa Phổ Chiếu - trụ sở chính của câu lạc bộ Hải Phòng học... Mỗi ngôi chùa ở Hải Phòng không chỉ là một công trình kiến trúc độc đáo hòa quyện giữa con người với cảnh quan thiên nhiên, mà còn là một địa chỉ lịch sử, văn hóa, tâm linh đặc sắc, trong đó nhiều ngôi chùa đã trở thành biểu tượng đặc trưng trong đời sống văn hóa tâm linh của người dân thành phố.

Mỗi ngôi chùa là một thực thể sống động và phát triển, chứa đựng những dòng chảy văn hóa đặc sắc nối quá khứ với hiện tại, nối con người với văn hóa tâm linh... là nơi thờ tự linh thiêng luôn rộng mở đối với mọi người, thế nhưng chỉ dừng lại ở việc du lịch thưởng ngoạn cảnh quan, kiến trúc theo kiểu “ăn sẵn” như lâu nay vẫn làm thì quả thật lãng phí vô cùng. Bởi ẩn chứa đằng sau mái ngói thâm u, tường rêu cổ kính của những ngôi chùa ấy là cả một kho tàng văn hóa, lịch sử, tôn giáo đặc sắc của đất và người bản xứ. Văn cảnh chùa, du khách mong muốn ngoài việc thưởng ngoạn phong cảnh, còn cơ hội được thưởng thức những món ăn chay do chính các vị tăng ni trong chùa chế biến, sau cùng là ngôi đàm đạo, uống trà và tọa thiền cùng các sư trong chùa, lắng nghe nghệ thuật ca hát Phật giáo... Một tour hoàn chỉnh bao gồm: văn cảnh, ẩm thực, nghe thuyết pháp và tọa thiền như vậy sẽ làm cho du khách cảm thấy thoải mái, nhẹ nhàng và thanh tịnh. Tuy nhiên hiện tại chưa có công ty lữ hành nào tại Hải Phòng có thể tổ chức được một tour du lịch trọn vẹn như vậy.

Trên cơ sở tìm hiểu về một số ngôi chùa cổ tiêu biểu của Hải Phòng, sau đây người viết xin anh dạn đề xuất một số tour du lịch chuyên đề về với các di tích chùa cổ như sau:

1. Tour Du lịch tâm linh *“Khám phá Phật giáo Hải Phòng qua các mái chùa cổ”*: Ý tưởng của tour du lịch này là nhằm giới thiệu đến khách du lịch trong nước và quốc tế về 3 trong số những ngôi chùa cổ tiêu biểu của thành phố Hải Phòng – nơi chứng kiến sự phát triển của Lịch sử Phật giáo xứ Đông cũng như nơi lưu giữ những giá trị kiến trúc nghệ thuật đặc sắc dưới các triều đại phong kiến nhà Trần và nhà Mạc. Lịch trình thực hiện như sau:

8h00 sáng, xe và HDV đón quý khách tại điểm đón, khởi hành đến chùa Vẽ (Hoa Linh tự) – nằm ở đường Đà Nẵng, phường Đông Hải I, quận Hải An. Tại đây, du khách sẽ tham quan, dâng hương và văn cảnh chùa, đồng thời nghe HDV nói về sự tích của cái tên chùa Vẽ gắn liền với chiến thắng trên sông Bạch Đằng lần thứ ba cũng như nghe giới thiệu về nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc tượng trong chùa.

9h30: xe đưa quý khách đến tham quan chùa Hàng (Phúc Lâm tự), dạo quanh Vườn Tượng, vườn Tháp và cùng ngồi đàm đạo với các vị sư trong chùa. Buổi trưa, quý khách sẽ dùng cơm chay tại chùa (liên hệ trước và với số lượng thực khách dưới 10 người), hoặc sẽ dùng cơm chay tại nhà hàng Biển Thương 2 cách chùa khoảng 500m.

13h30: Xe đưa quý khách khởi hành đi tham quan chùa Trà Phương – một công trình kiến trúc tiêu biểu thời nhà Mạc. Du khách cũng có thể ghé thăm chùa Cỏ Trai thuộc xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy – quê hương của Mạc Thái Tổ Mạc Đăng Dung.

16h00: Kết thúc chương trình.

2. Tour Du lịch *“Về với chứng tích chiến thắng Bạch Đằng”*: Ý tưởng xây dựng Tour du lịch này là mong muốn kết nối những di tích lịch sử văn hóa có liên

quan đến chiến thắng trên sông Bạch Đằng của dân tộc ta nhằm nhắc lại một thời kỳ lịch sử hào hùng của dân tộc. Lịch trình du lịch như sau:

8h00 sáng, xe và HDV đón quý khách tại điểm đón, khởi hành đến Từ Lương Xâm thuộc Phường Nam Hải, quận Hải An, Hải Phòng. Đây là di tích thờ Ngô Quyền bởi nơi đây từng là nơi ông đặt đại bản doanh khi chỉ huy trận Bạch Đằng năm 938. Đặc biệt tại nhà Giải vũ của Đền còn lưu giữ 03 chiếc cọc Bạch Đằng là chứng tích của trận Bạch Đằng lịch sử năm đó.

10h00: xe đưa quý khách đến tham quan chùa Vẽ (Hoa Linh tự) – nằm ở đường Đà Nẵng, phường Đông Hải I, quận Hải An. Tại đây, du khách sẽ tham quan, dâng hương và ngắm cảnh chùa, đồng thời nghe HDV nói về sự tích của cái tên chùa Vẽ gắn liền với chiến thắng trên sông Bạch Đằng lần thứ ba cũng như nghe giới thiệu về nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc tượng trong chùa. Buổi trưa, quý khách sẽ dùng cơm chay tại chùa (liên hệ trước).

14h00: Quý khách khởi hành đi Đền Phú Xá cũng thuộc phường Đông Hải 1, quận Hải An. Đền Phú Xá là nơi nhân dân tưởng nhớ công lao của Hưng Đạo đại vương Trần Quốc Tuấn. Tương truyền rằng để chuẩn bị cho trận thủy chiến trên sông Bạch Đằng năm 1288, Trần Hưng Đạo đã lấy nơi đây làm nơi chứa lương thực của quân đội đồng thời sau chiến thắng diễn ra cuộc khao thưởng quân sĩ có công trước khi kéo quân về căn cứ Vạn Kiếp.

16h00: Kết thúc chương trình.

3. Tour du lịch “Về với quê hương nhà Mạc”: Ý tưởng xây dựng tour du lịch này nhằm kết nối các di tích thờ Mạc Đăng Dung và các công trình kiến trúc liên quan đến nhà Mạc trên quê hương Kiến Thụy. Đặc biệt, hiện nay cộng đồng họ Mạc khá đông đảo, sinh sống ở khắp mọi nơi trên mọi miền tổ quốc, luôn có ước vọng trở về với mảnh đất tổ, sẽ là tập khách tiềm năng cho tour du lịch này. Chương trình du lịch này có thể quảng cáo trên các trang web như <http://www.mactoc.com> và <http://www.mactrieu.vn>. Lịch trình thực hiện như sau:

8h00: xe và HDV đón quý khách tại điểm đón, khởi hành đến Khu tưởng niệm Vương triều nhà Mạc ở xã Ngũ Đoan - huyện Kiến Thụy. Đây là một trong những công trình có ý nghĩa lịch sử to lớn của thành phố Hải Phòng được đưa vào danh mục các công trình, dự án kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. Dự án được khởi công xây dựng từ tháng 10/2009 trên diện tích đất rộng 10,5 ha với kết cấu hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại gồm 30 hạng mục công trình như: nhà truyền thống, nghi môn, thiên long tỉnh, bãi đường, chính điện, thái miếu... Tại đây thanh long đao danh tiếng còn được gọi là Định Nam đao của Mạc Thái tổ được gìn giữ cẩn trọng và đang được đề nghị Nhà nước công nhận là bảo vật quốc gia. Chính điện của Khu tưởng niệm thờ 5 vị vua triều Mạc định đô tại Thăng Long (1527 - 1592) là Thái tổ nhân minh Cao Hoàng đế Mạc Đăng Dung và 4 vị hoàng đế là Mạc Đăng Doanh, Mạc Phúc Hải, Mạc Phúc Nguyên, Mạc Mậu Hợp. Sau khi tham quan và dâng hương, quý khách cũng có thể thưởng thức Mạc trà – một danh hiệu trà đặc sản nổi tiếng nơi đây.

12h00: Quý khách ăn cơm tại nhà hàng gần Khu tưởng niệm Vương triều Mạc.

14h00: Quý khách khởi hành đến thăm chùa Trà Phương, ngắm pho tượng đức Mạc Đăng Dung và nghe kể về huyền tích liên quan đến vị vua này. Sau đó, quý khách về thăm Từ đường nhà Mạc ở thôn Cổ Trai - xã Ngũ Đoan. Đây không chỉ là nơi thờ cúng tổ tiên và hội họp riêng của dòng họ Mạc, mà còn là một di tích lịch sử văn hóa mang những dấu ấn về một vương triều được sử sách ghi danh với nhiều đóng góp tiên bộ trong sự nghiệp khuyến học, khuyến tài, xây dựng đất nước.

16h00: Kết thúc chương trình.

3.3.2. Kết hợp với các loại hình du lịch khác

Ngoài các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị, Hải Phòng còn được thiên nhiên ưu đãi với cảnh quan thiên nhiên đẹp, ẩm thực biển phong phú và một số lễ

hội địa phương tiêu biểu, các trung tâm vui chơi giải trí thu hút hàng nghìn lượt khách du lịch trong nước và ngoài nước... Những thế mạnh tiềm năng đó đã tạo điều kiện giúp Hải Phòng phát triển nhiều loại hình du lịch văn hóa chất lượng cao kết hợp du lịch biển, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng... Dựa trên những tiềm năng to lớn và cũng là điều kiện để có thể phát triển nhiều loại hình du lịch khác nhau, sau đây người viết xin đề ra một số tour du lịch kết hợp khai thác các giá trị tâm linh Phật giáo với các tài nguyên du lịch khác của thành phố, nhằm phát huy tối đa tiềm năng của du lịch Hải Phòng, góp phần phát triển du lịch của cả nước nói chung, của thành phố nói riêng.

1. Du lịch tâm linh Phật giáo kết hợp với du lịch Biển, thời gian một ngày: Buổi sáng du khách tham quan chùa Hàng - ngôi chùa đặc sắc tiêu biểu nơi trung tâm thành phố; buổi chiều quý khách lên xe đi tắm biển tại bãi biển Đồ Sơn - thắng cảnh du lịch tự nhiên nổi tiếng của thành phố Cảng Hải Phòng.

2. Du lịch tâm linh Phật giáo kết hợp với du khảo đồng quê, thời gian một ngày: Buổi sáng du khách tham quan chùa Hàng hoặc chùa Vẽ, sau đó khởi hành đi huyện Vĩnh Bảo tham quan Khu di tích Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm; hoặc về xem múa rối nước tại đình Nhân Mục xã Nhân Hòa; hoặc khởi hành về huyện An Lão tham quan Khu di tích Núi Voi và chùa Long Hoa trên Núi Voi.

3. Du lịch tâm linh Phật giáo kết hợp với du lịch mua sắm, thời gian một ngày: Buổi sáng du khách tham quan chùa Vẽ, chùa Hàng, thưởng thức ẩm thực chay. Buổi chiều tham quan và mua sắm tại hai ngôi chợ nổi tiếng của Hải Phòng là Chợ Sắt và chợ Ga. Tại đây du khách có thể mua những đồ ăn hải sản về làm quà cho người thân.

Tiểu kết chương 3

Du lịch tâm linh là một xu hướng du lịch mới ngày càng được khách du lịch quan tâm nhiều hơn, tuy nhiên hệ thống chùa chiền trên địa bàn thành phố nói chung chưa đáp ứng được yêu cầu để có thể phát triển du lịch một cách mạnh mẽ.

Để làm được điều đó, cần có sự quan tâm, chung tay của các cấp lãnh đạo, của các đơn vị lữ hành cũng như người dân thành phố. Việc phát triển du lịch phải đi đôi với việc trùng tu, tôn tạo một cách bài bản, đảm bảo tính nguyên gốc cho các di tích, không làm ảnh hưởng đến tính linh thiêng của các ngôi chùa, đặc biệt là với các ngôi chùa cổ có giá trị lớn về mặt lịch sử như chùa Hàng, chùa Trà Phương, chùa Vẽ... Muốn phát triển du lịch cần đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ, kết hợp nhiều yếu tố độc đáo như ẩm thực chay, tổ chức liên hoan, các khóa đào tạo giới thiệu cho du khách về lịch sử Phật giáo, về quan niệm của đạo Phật... Bên cạnh việc xây dựng các chương trình du lịch chuyên đề dành cho khách du lịch có nhu cầu cao về nghiên cứu, tìm hiểu, các du khách có xu hướng Phật giáo có thể kết hợp đa dạng hóa các sản phẩm du lịch bằng cách kết hợp các điểm tham quan có tính chất khác nhau trên cùng một cung đường hợp lý để tạo sự hấp dẫn hơn, tránh hiện tượng nhàm chán, mệt mỏi cho du khách.

KẾT LUẬN

Hải Phòng với vị trí thuận lợi là cửa ngõ giao thông của miền Bắc Việt Nam, là một trong 3 đỉnh của tam giác tăng trưởng kinh tế: Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Với hệ thống đường bộ, đường sắt, cảng biển và đường hàng không đã tạo cho Hải Phòng nhiều điều kiện để phát triển kinh tế. Cùng với lợi thế về vị trí trong phát triển kinh tế nói chung, với tài nguyên du lịch phong phú cả về tự nhiên lẫn nhân văn như Đồ Sơn, quần đảo Cát Bà, các di tích lịch sử văn hóa như Đền Nghè, chùa Hàng, Đình Hàng Kênh, chùa Trà Phương, chùa Vẽ... đã tạo nên những nét đặc sắc cho Hải Phòng. Tuy nhiên hiện nay du lịch của thành phố Hải Phòng phát triển chưa tương xứng với tiềm năng ấy. Nguồn tài nguyên du lịch nhân văn, đặc biệt là hệ thống chùa chiền mới được khai thác phục vụ nhu cầu cho người dân địa phương là chủ yếu. Hệ thống chùa chiền đặc biệt là các chùa cổ đang trong tình trạng xuống cấp mà không được quan tâm đầu tư đúng mức. Vì vậy để thu hút khách du lịch tới thành phố, để khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên sẵn có, ngoài việc xây dựng cơ sở hạ tầng và khai thác một cách hợp lý các giá trị của tài nguyên thì cần phải giải quyết hai vấn đề cấp bách đó là cần có định hướng và biện pháp bảo tồn một cách hợp lý, phát triển du lịch phải đi đôi với việc giữ nguyên những giá trị vốn có của nó. Bên cạnh việc khai thác các tour du lịch chuyên đề tâm linh, cần phối hợp với các điểm tham quan khác của thành phố cũng như các địa phương lân cận, kết hợp khai thác các yếu tố văn hóa khác như ẩm thực chay, tổ

chức lễ hội Phật giáo, các kì Festival để tạo nên sự phong phú, hấp dẫn cho sản phẩm du lịch của thành phố.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Sách tham khảo

1. Trần Lâm Biền, *Chùa Việt*, NXB Văn hoá thông tin Hà Nội, 1996.
2. Minh Châu và Minh Chi, *Từ điển Phật học Việt Nam*, NXB Văn hoá thông tin Hà Nội, 1991.
3. Hội đồng lịch sử Hải Phòng, *Lược khảo đường phố Hải Phòng*, NXB Hải Phòng, 1993.
4. Thích Thanh Giác, *Hải Phòng - một trong những địa bàn hoằng pháp trọng yếu của dòng Thiền Trúc*, Câu lạc bộ Hải Phòng học.
5. Nguyễn Bá Lăng, *Kiến trúc Phật giáo Việt Nam*, Vạn Hạnh XB, 1972.
6. Ngô Đăng Lợi, *Lịch trình Phật giáo xứ Đông và Hải Phòng*, tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo số 8, 2007.
7. Ngô Huy Quỳnh, *Tìm hiểu kiến trúc chùa Việt Nam*, NXB. Xây dựng Hà Nội, 1986.
8. Nguyễn Lang, *Việt Nam Phật giáo sử luận*, NXB Văn Học, 1979.
9. Thích Đức Nghiệp, *Đạo Phật Việt Nam*, NXB Tôn giáo, 2009.
10. Trần Phương, *Du lịch văn hóa Hải Phòng*, NXB Hải Phòng, 2006.
11. Lê Mạnh Thát, *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, NXB Thuận Hóa, 1999.
12. Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục, 1998.
13. Thích Mật Thể, *Việt Nam Phật giáo sử lược*, NXB Tân Việt Hà Nội, 1943.
14. Ngô Đức Thọ - Nguyễn Thúy Nga, *Thiền uyển tập anh*, NXB Văn hoá, 1970.

15. Viện Triết học, *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội Hà Nội, 1994.

II. Website:

1. <http://www.buddhanet.net>
2. <http://www.dulichhaiphong.gov.vn>
3. <http://www.giacngo.vn>
4. <http://www.giaohoiPhatgiaovietnam.vn>
5. <http://www.haiphong.gov.vn>
6. <http://www.haiphongcity.vn>
7. <http://www.haiphonghoc.vnweblogs.com>
8. <http://www.hoaphuongdo.vn>
9. <http://www.hotranvietnam.vn>
10. <http://www.mactoc.com>
11. <http://www.mactrieu.vn>
12. <http://www.phattuvietnam.net>
13. <http://www.quangduc.com>
14. <http://www.thuvienhoasen.org>
15. <http://www.vi.wikipedia.org>
16. <http://www.lien-hoa.net>

PHỤ LỤC



Cổng Tam quan và Gác chuông chùa Hàng



Nhà thờ Tổ và ban thờ Trúc Lâm Tam Tổ chùa Hàng



Tượng Phật ngọc và sân chùa Hàng



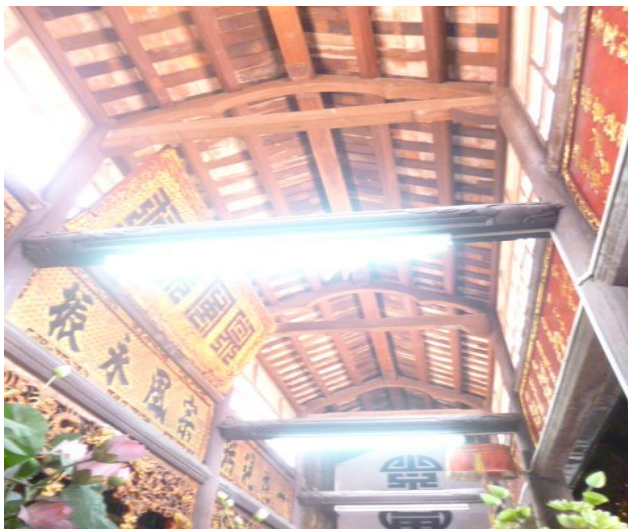
Ban thờ Mẫu và ban Trần Triều tại nhà thờ Mẫu chùa Hàng



Vườn Tháp và vườn Tượng chùa Hàng

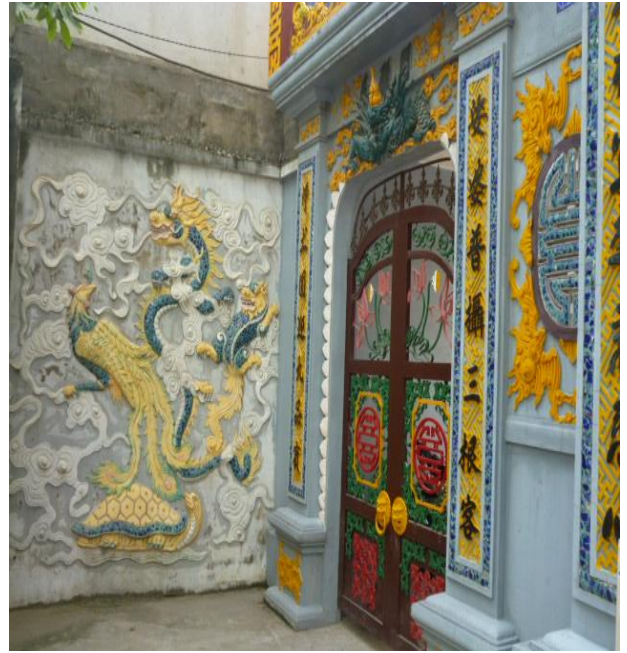


Tượng Phật Di Lặc và tượng Phật Tổ tại vườn Tượng chùa Hàng





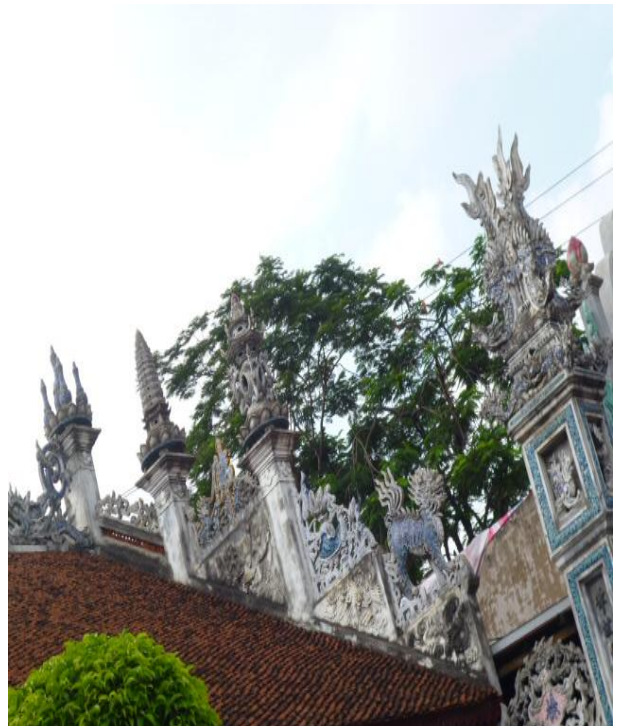
Trang trí và đồ thờ cúng trong chùa Hàng



Cổng Tam quan chùa Vẽ



Vườn Tượng – điểm nhấn đẹp mắt trong khuôn viên chùa Vẽ



Hệ thống tượng Phật và trang trí trong chùa Vẽ



Nơi bán đồ lưu niệm và đón tiếp khách ở chùa Vẽ



Xe và đồ vật được để ở mọi nơi ngay cả nhà Bia và cổng Tam quan



... hiện tượng ăn xin, bán hàng chèo kéo khách thường xuyên xuất hiện.



Chùa Trà Phương



Mộ tháp chùa Trà Phương



Một ngôi chùa có bề dày lịch sử và đã được ghi nhận...



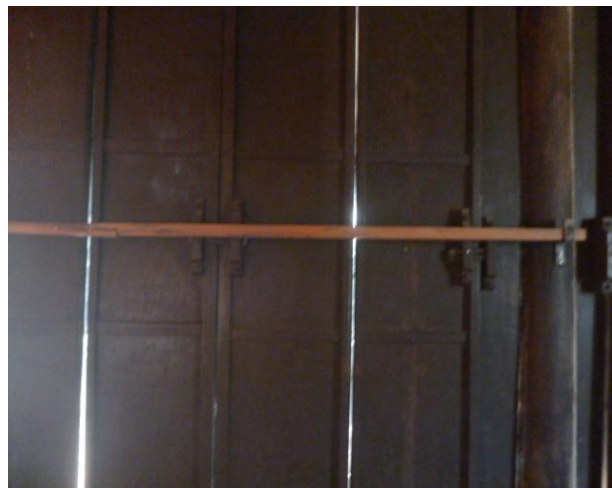
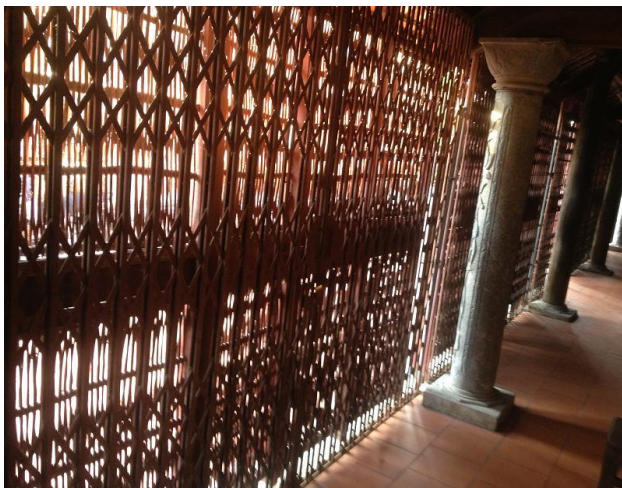
Lại đang đổ nát và xuống cấp nghiêm trọng



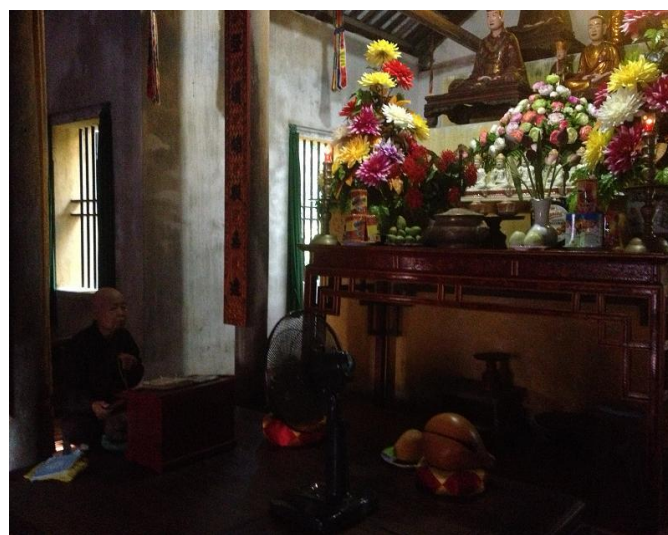
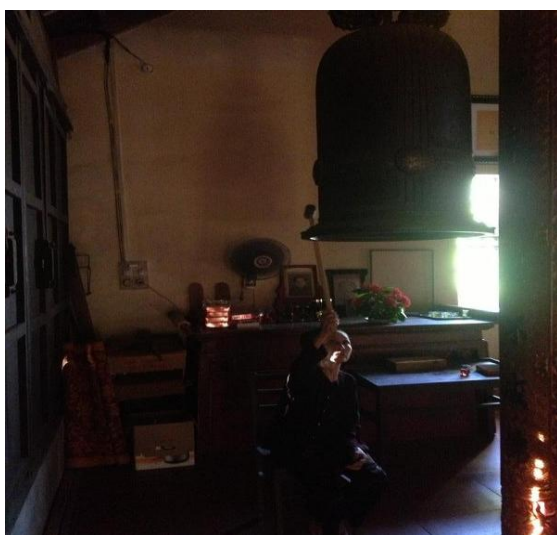
Tài liệu trong chùa đều mục nát...



Gian chùa định xây mới bị hoãn lại vô thời hạn...



Cửa chùa luôn đóng...



Cảnh chùa hư quanh dù ngay trong ngày mùng một đầu tháng...